

I THANG 4 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

TRẦN LƯƠNG NGỌC ảnh hưởng của chiến tranh V.N.
đối với nền kinh tế Hoa-kỳ và Việt-nam * VŨ TIẾN
PHÚC sự cảm thông Mỹ-Việt về thi ca (từ Bùi-Viện
và Mỹ sứ đến Burton Raffel) * NGUYỄN KHÁNH HÒA
ấn tượng về nước Đức * HOÀNG SỸ QUÝ hôn nhân
với tu-sĩ Kỳ-tô-giáo * CUNG GIỮ NGUYÊN hai địa hạt
mới của toán * TRẦN ĐẠI chính quyền và báo chí tại
các nước chậm tiến * TỬ TRÍ thời sự thế giới *
LÊ TÂM trong hăm * KHÁNH LINH tình đất * HỒ
TRƯỜNG AN tiếng sơn ca * PHƯƠNG HOA sử tình
ca cuối * HOÀNG NGỌC CHÂU chiều quan ải * ĐỊNH
NGUYÊN nỗi buồn * TỬ DIỆP
thời sự khoa học * TRÀNG THIÊN
— L. T. H. thời sự văn nghệ *

318





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H K H O A

Số 318 ngày 1-4-1970

TRẦN LƯƠNG NGỌC ảnh hưởng của chiến-tranh V.N. đối với nền kinh-tế Hoa-kỳ và Việt-nam	5
VŨ TIẾN PHÚC sự cảm thông Mỹ-Việt về thi ca (từ Bùi-Viện và Mỹ sứ đến Burton Raffel)	9
NGUYỄN KHÁNH HÒA ảnh-tượng về nước Đức	17
Hoành sơn HOÀNG SỸ QUÝ một cái nhìn Đông-phương về vấn đề tính-dục : Hôn nhân với tu sĩ Kỵ-tô-giáo	21
CUNG GIỮ NGUYỄN toán số với cần khôn : Hai địa hạt mới của toán	31
TRẦN ĐẠI chính quyền và báo chí tại các nước chậm tiến	35
LÊ TÂM trong hăm (truyện)	45
KHÁNH LINH tình đất (truyện)	51
HỒ TRƯỜNG AN tiếng sơn ca (truyện)	55
PHƯƠNG HOA Sử tình ca cuối (thơ)	67
HOÀNG NGỌC CHÂU chiều quan ải (thơ)	68
ĐÌNH NGUYỄN nỗi buồn (thơ)	69
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ thời sự thế giới	71
TỬ DIỆP thời sự khoa học	4
TRÀNG THIÊN và THU THỦY, L.H.T. thời sự văn nghệ	75

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ: 40 đ Công sở : giá 80đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách Lá-Bối mới ấn hành :

— EM BÉ PHÙ TANG

Isoko Ichiro Hatano. Trương-đình-Cử dịch

— ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)

Nhất Hạnh

— ÁO EM CÀI HOA TRẮNG (hết, đang tái bản)

Võ Hồng

— NẾO VỀ CỦA Ý (tái bản)

Nhất Hạnh

— HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SÁN CỦA
TƯ TƯỞNG TÂY PHƯƠNG *Lê Tôn-Nghiêm*

— PHONG TRÀO DUY TÂN

Nguyễn văn Xuân

— XỨ TRĂM HƯƠNG

Quách Tấn

— LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ)

Kiên Giang

✱ **Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên
tại các trường tiểu-học cộng-đồng :**

— GIÁO-DỤC CỘNG-ĐỒNG

Vương Pên Liêm

— PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG
TIỂU HỌC CỘNG ĐỒNG *Vương Pên Liêm*

**Nhà xuất bản Lá-bối
120 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn**

Ảnh hưởng của Chiến tranh V.N. đối với ***nền kinh tế Hoa kỳ và Việt-nam***

Cuộc chiến tranh Việt-nam đã từng được mổ xẻ kỹ dưới các khía cạnh chính trị và quân sự. Nhưng chưa mấy ai phân tích vấn đề dưới khía cạnh kinh tế. Mới đây, tuần báo The Economist xuất bản tại Luân đôn ngày 21-2-1970 đã đăng tải một tài liệu của giáo sư Benjamin J. Cohen, giáo sư phụ khảo tại Đại học đường Princeton, Hoa kỳ. Giáo sư Cohen đã phân tích những hậu quả lợi và hại của cuộc chiến Việt-nam đối với nền kinh tế Hoa-kỳ. Trong tài liệu đó giáo sư Cohen đã ước tính :

- kinh phí của Hoa-kỳ cho chiến tranh Việt Nam.
- những hậu quả kinh tế có lợi của chiến tranh Việt Nam.
- những hậu quả bất lợi về kinh-tế của chiến tranh Việt Nam.

Dưới đây chúng ta sẽ so sánh những ảnh hưởng của chiến tranh Việt Nam đối với nền kinh tế Hoa-kỳ và đối với nền kinh tế Việt Nam.

Kinh phí chiến tranh Việt-Nam

Từ năm 1965 là năm Hoa-kỳ trực tiếp tham chiến tại Việt-nam đến năm 1969, kinh phí quốc phòng Hoa kỳ đã tăng 31 tỷ Mỹ kim (65 0/0.) Chính phủ

Hoa-kỳ ước lượng trong số 31 tỷ đó chỉ có 25 tỷ được chi dùng vào chiến tranh Việt-nam. Nhưng Giáo sư Cohen cho rằng thực ra chiến tranh Việt-nam đã cần hết cả số gia tăng đó và có khi còn nhiều hơn nữa.

So sánh kinh phí của Hoa-kỳ với kinh phí của Việt-Nam ta sẽ thấy rằng mặc dầu Hoa kỳ chi nhiều hơn nhưng, *tính theo khả năng chịu đựng*, thì Việt-Nam đã chịu gánh nặng gấp bội. Chiến tranh Việt nam chỉ chiếm có 150/0 ngân sách quốc gia và 30/0 sản lượng quốc gia Hoa-kỳ. Nhưng Việt-nam cũng đã phải đóng góp tới hơn 600/0 của ngân sách quốc gia và tới 180/0 sản lượng quốc gia vào cuộc chiến (kinh phí quốc phòng Hoa-kỳ chỉ chiếm có 90/0 sản lượng quốc gia). Trong khi kinh phí quốc phòng Mỹ về chiến tranh Việt Nam tăng 650/0 từ 1965 đến 1969 thì cũng trong khoảng thời gian đó kinh phí quốc phòng của Việt-nam tăng 300 0/0, từ 28 tỷ năm 1965 lên 87 tỷ năm 1969.

Những thành phần hưởng lợi về chiến tranh Việt-nam

Tài liệu của Benjamin J. Cohen lại nghiên cứu cả những thành phần hưởng lợi về chiến tranh Việt nam. Cohen cho rằng hầu hết các kỹ nghệ Hoa - kỳ,

không nhiều thì ít đến phát triển nhờ chiến tranh Việt-nam. Nhưng cũng có kỹ nghệ hưởng lợi nhiều, có kỹ nghệ hưởng lợi ít. Tính theo tỷ số thì kỹ nghệ đóng thùng gỗ đề gửi hàng đã được lời nhất (chi tiêu quốc phòng cho ngành này gia tăng 1100 % từ 1965 đến 1967). Sau đó là các ngành kỹ nghệ làm hộp và các đồ dùng bằng giấy như bát, đĩa, ly, v.v... kỹ nghệ làm hộp kim loại (có lẽ về ngành la-de, nước ngọt và đồ hộp) và thuốc men. Chi phí cho các kỹ nghệ này đều gia tăng 500 % trong các năm 1955-1967.

Nhưng số lời to nhất vẫn về tay các kỹ nghệ làm phi cơ, làm đạn dược. Những tiểu bang có các kỹ nghệ này nhờ vậy cũng phát đạt lây. Chẳng hạn như tiểu bang Connecticut và Pennsylvania thì được lời về sản xuất phi cơ trực thăng; tiểu bang Illinois và Minnesota được lợi vì sản xuất đạn dược. Ông Cohen cũng nhận xét là cả về tỷ số lẫn giá trị, tiểu bang Texas được hưởng lợi nhiều nhất. Vật liệu quốc phòng do các kỹ nghệ ở Texas cung cấp gia tăng 2 tỷ 6 Mỹ kim từ 1965 đến 1967, gấp đôi tiểu bang California (1 tỷ 3) đứng thứ nhì. Ông Cohen cho rằng một phần đó là vì cựu Tổng thống Johnson là người miền Texas. « Câu tục ngữ : « Một người làm quan cả... tiểu-bang được nhờ » kể cũng đúng !

Tại Việt Nam, một số kỹ nghệ cũng phát đạt nhờ chiến tranh Việt Nam. Điển hình là kỹ nghệ đồ uống. Số sản xuất la de và nước ngọt năm 1965 đã tăng gấp đôi mức sản xuất của các năm 1958 đến 1962 (từ 52 ngàn hectô-lít la de năm 1961 lên 112 ngàn hectô-lít năm 1965). Các kỹ nghệ khác

như kỹ nghệ xây cất, làm đồ đạc và đặc biệt là các kỹ nghệ dịch vụ khác cũng phát triển không kém. Song song với sự du nhập ồ ạt của quân đội Đồng minh và sự phát triển của kỹ nghệ bán bar và thuê nhà, số sản xuất nệm cao su (!) cũng tăng vượt bậc. Số sản xuất năm 1965 gấp đôi số sản xuất năm 1964, và đến năm 1968 thì số nệm cao su sản xuất đã tăng gấp bốn. Diện tích nhà xây cất có giấy phép cũng tăng gấp đôi từ 370 ngàn thước vuông năm 1963 lên tới 770 ngàn thước vuông năm 1966. Đó là chưa kể những vụ xây cất nhỏ không có giấy phép. Kỹ nghệ dịch vụ đã phát triển vượt bậc, lấn át cả hai ngành sản xuất căn bản là canh nông và kỹ nghệ. Năm 1964, sản lượng của dịch vụ chỉ chiếm khoảng dưới 1/3 tổng sản lượng quốc gia, nhưng tới năm 1969, thì tỷ số đó đã lên quá nửa. Trong khi đó thành phần canh nông và kỹ nghệ trong tổng sản lượng quốc gia lại có chiều suy giảm. Từ một nền kinh tế hậu tiến với mức độ khiếm dụng nhân công ước lượng khoảng 42% của tổng số dân số hoạt động, nền kinh tế Việt Nam đã nhảy vọt đến mức toàn dụng nhân lực. Tình trạng thiếu hụt nhân công được phản ánh rõ rệt qua mức lương gia nhân giúp việc tại các gia đình trung lưu. Từ năm 1956 đến năm 1964 mức lương hầu không thay đổi, nhưng đã đột ngột tăng lên 30 % trong năm 1965 và cuối năm 1969 thì mức lương này đã cao gấp 5 lần mức lương năm 1964. Tới năm 1967, tổng số nhân viên làm tại các cơ sở Đồng Minh là 150 ngàn người, bằng 3/4 tổng số công chức toàn quốc.

Ta thấy rằng tại Việt Nam cũng như tại Mỹ, một số các ngành hoạt

động đã phát triển vượt bậc nhờ chiến tranh. Tuy nhiên vì các thống kê này còn thiếu sót nên ta chưa thể có một ước tính chính xác như các con số của H a-kỳ do giáo sư Cohen đưa ra.

Những hậu quả bất lợi

Tại liệu của giáo sư Cohen còn nghiên cứu tiếp những hậu quả bất lợi của chiến tranh Việt-Nam đối với nền kinh tế Hoa kỳ. Trong khi một số kỹ nghệ phát đạt nhờ chiến tranh thì nền kinh tế Hoa kỳ, nói chung, đã phải hoạt động quá mức bình thường để kéo thêm gánh nặng chiến tranh Việt Nam. Như một cái máy chạy quá nhiều phát nóng, nền kinh tế Hoa kỳ cũng có nhiều triệu chứng "nóng máy" tương tự như nền kinh tế Việt nam. Triệu chứng thứ nhất là lạm phát. Từ năm 1964 đến 1969, lạm phát đã xuất hiện không ngừng tại Hoa kỳ, mức giá cả năm 1969 đã cao hơn năm 1964 tới 6%. Tuy là một tỷ số khá bất lợi đối với một nền kinh tế ổn định nhưng thực ra nạn lạm phát đó chưa thấm vào đâu so với đã gia tăng 500% của giá sinh hoạt tại Việt nam từ 1964 đến 1969. Nếu nạn lạm phát của Hoa kỳ đã khiến cho giới có đồng lương cố định phải chịu nhịn không dám mua nhà, xe và các món tiêu lớn khác thì nạn lạm phát ở Việt nam đã khiến cho giới trung lưu phải thắt lưng buộc bụng gấp bội.

Hậu quả bất lợi thứ hai, theo giáo sư Cohen là cán cân chi phí của Hoa kỳ đã bị suy sụp. Theo giáo sư Cohen thì chiến tranh Việt nam là nguyên nhân duy nhất cho số khiếm hụt khoảng 4 tỷ Mỹ kim hiện nay của Hoa kỳ. Cán cân

chi phí của Việt nam, trái lại, vẫn giữ được mức khiếm hụt trung bình của những năm 1960 đến 1963 (khoảng 20 triệu Mỹ kim mỗi năm) Nhưng thực ra đó là vì số ngoại tệ thu được do các hoạt động và sự hiện diện của quân đội Đồng minh đã gần như lấp được sự thiếu hụt khổng lồ (630 triệu Mỹ kim, năm 1968) của cán cân ngoại thương gây nên bởi sự chênh lệch quá lớn giữa nhập cảng và xuất cảng (Năm 1968, xuất cảng chỉ bằng 1/20 nhập cảng). Hơn thế nữa, số khiếm hụt cán cân chi phí của Hoa kỳ chỉ bằng 12% của tổng số xuất cảng năm 1963 trong khi đó thì số khiếm hụt cán cân chi phí của Việt-nam đã bằng nửa tổng số xuất cảng năm 1963.

Đề tài trợ cho kinh phí chiến tranh, chính phủ Hoa kỳ đã gia tăng thuế. Từ năm 1966, những biện pháp thuế khóa của Tổng thống Johnson đã thu thêm của dân Mỹ mỗi năm 2 tỷ rưỡi Mỹ kim. Đến năm 1968, một khoản thuế phụ trội 10% lại được đánh thêm vào thuế lợi tức của tư nhân và công-ty và thuế thêm khoảng 10 tỷ rưỡi mỗi năm. Những biện pháp thuế khóa này đã làm giảm khả năng tiêu thụ của dân chúng Mỹ khá nhiều. Nhưng so với gánh nặng thuế khóa của Việt nam thì không đáng kể. Từ năm 1964 đến năm 1968, số thuế của ngân sách quốc gia qua các biện pháp thuế khóa đã gia tăng hơn 4 lần (từ 13 tỷ năm 1964 lên 56 tỷ năm 1968).

Vì gánh nặng chiến tranh Việt Nam nên Hoa kỳ đã phải giảm chi phí cho các hoạt động như ngoại viện, thám hiểm không gian và thăm dò tài nguyên thiên nhiên. Nhưng Tổng Thống Johnson vẫn còn có thể thực hiện một phần

nào chương trình cải tiến xã hội của ông. Từ năm 1965 đến năm 1969 ngân khoản dành cho các chương trình giáo dục, lao động y tế và xã hội đã tăng từ 25 0/0 lên đến 30,5 0/0 tổng số ngân sách. Giáo sư Cohen cho rằng nếu không có chiến tranh Việt Nam thì các chương trình xã hội này còn có thể phát triển hơn nữa. Hoa kỳ còn có thể vừa theo đuổi chiến tranh vừa xây dựng xã hội, nhưng Việt Nam trong mấy năm qua đã phải dốc toàn lực vào công cuộc chiến tranh. Từ năm 1964 đến năm 1967, tuy ngân khoản dành cho các bộ Y tế, Xã hội, Giáo dục và Lao động có tăng gấp 3 (từ 2 tỷ 1 năm 1969 lên 6 tỷ 7 năm 1967) nhưng các ngân khoản này vẫn chỉ chiếm 8 % tổng số

ngân sách. Trong khi đó các chi phí quân sự càng ngày càng chiếm phần quan trọng từ : 50% ngân sách 1954 lên tới 60% năm 1967 và vẫn tiếp tục gia tăng vào các năm 1968 và 1969.

Ảnh hưởng kinh tế của chiến cuộc Việt Nam không phải chỉ giới hạn ở trong hai nền kinh tế Hoa-kỳ và Việt nam. Trái lại ảnh hưởng đó còn lan tràn cả tới những nước lân bang như Nhật, Đại-hàn, Trung hoa quốc gia, Phi luật tân, Thái lan, Cam bốt, Tân gia ba và Hồng kông. Đó là chưa kể đến các kỹ nghệ thế giới khác như kỹ nghệ kim loại và nhiên liệu. Đó là đề tài mà chúng tôi hy vọng sẽ đề cập tới trong một dịp khác.

TRẦN-LƯƠNG-NGỌC

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE = GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE

— PROXYDE D'AZOTE — ARGON EUC..

Matériel pour souduras oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Sự cảm thông Mỹ - Việt về Thi - ca

TỪ BÙI VIỆN VÀ MỸ SỨ ĐẾN BURTON RAFFEL

Những kỷ niệm đẹp về văn chương Mỹ-Việt.

Hồi còn Tổng Thống Johnson tại vị, ông đã có lần khoe với dư luận báo chí hoàn cầu là ông rất am hiểu tình hình Việt Nam bởi lẽ từ năm 1820, một vị Tò của ông là Thuyền trưởng John White đã được Thượng công Lê văn Duyệt đãi một bữa tiệc cực kỳ trọng thể tại dinh Tổng trấn Gia-định. Thuyền trưởng John White ghi chép lại bữa tiệc rất đầy đủ chi tiết, có cả món heo quay của một gánh hàng rong « Ba Tàu » nữa. Sau bữa tiệc, thuyền trưởng John White được phép bán hàng Mỹ, mua các nông sản Việt và chuyển buôn đó lời nhiều. Chỉ tiếc một điều là Lê văn Duyệt không biết làm thơ, thuyền trưởng John white cũng không có tài văn bút. Ông chỉ chú ý đến bữa ăn thịnh soạn và chuyển buôn phát tài, phát lợi, đại cát, « một vốn bốn lời » mà thôi..

Tuy nhiên, giao tình Mỹ Việt vẫn có vẻ nồng nàn, khăng khít lắm.

Phải đợi đến 43 năm sau mới có một giai thoại văn chương. Lãnh sự Mỹ ở Hương cảng (sứ Việt gọi tắt là Mỹ sứ) gặp Bùi Viện. Cuộc gặp gỡ lịch sử này là năm Tự Đức thứ 26 (1863) Lúc bấy giờ, người Pháp đã chiếm mất 3 tỉnh miền Đông xứ Nam kỳ. Bùi Viện vâng mệnh vua Tự Đức đi thám sát tình

hình chính trị quốc tế ở Hương cảng. Bản ý nhà vua là muốn biết rõ đại thế thiên hạ, nước nào mạnh, nước nào yếu để tùy nghi sắp đặt việc ngoại giao.

Trước đó, ở triều đình Huế, Nguyễn Tư Giản đã khuyên nhà vua cho phép ông đi sứ sang Âu châu, cầu viện nước Phổ. Một Linh mục ái-quốc là Đặng Đức Tuấn cũng khuyên nhà vua mang quốc thư sang Tân Gia Ba (hồi đó gọi là Hạ châu) cầu cứu với quốc vương Anh-Cát-Lợi, Bùi Viện gặp Mỹ sứ ở Hương cảng. Rất may vị Mỹ sứ này biết Hán văn nên việc giao thiệp giữa đôi bên rất dễ dàng, khỏi qua trung gian quý thầy... thông ngôn. Bùi Viện trình bày cảnh nhà tan nước mất, Mỹ sứ rất cảm động, nhận xét rằng quân Việt chiến đấu rất anh dũng mà vẫn bị thua là vì thiếu khí giới súng đạn tinh xảo. Mỹ Quốc sẵn sàng bán cho nhiều thứ súng tốt. Quân Việt tha hồ hỏi tội thẳng Tây! Hẹn gặp nhau ở Hoa thịnh Đốn.

Rồi đó, hai bên có việc cùng đi Nhật. Gặp nhau ở Hoành Tân. Mỹ sứ về Mỹ. Bùi Viện còn phải đi một vài nơi khác. Cuộc chia ly giữa đôi bạn Mỹ-Việt diễn ra ở Hoành Tân. Tỏ ra người có học thức hẳn hoi, Mỹ sứ khởi xướng, tặng Bùi Viện một bài thơ rất nhiều cảm xúc chân thành như sau :

Hoành kiều liễu sắc tạm vi thu
 Ốc thủ phân trình vạn lý du...
 Cự ước Hoa Thành ưng viễn phóng
 Kỳ phùng tiên đảo cánh huê du,
 Nguyệt lương khách ý phi tam nhật
 Hồ hải quân tâm hữu tứ châu !
 Liệu tưởng minh triều tương biệt xứ
 Trùng dương vân thủy các cô chu.

Bản dịch của Lam Giang :

Cầu Hcành sắc liễu buồn thu,
 Cầm tay chia biệt viễn du ngàn tràng
 Thành Hoa, ước cũ tương phùng
 Đảo tiên đạo bước ta cùng nắm tay.
 Sáng trăng ý khách lâu ngày,
 Lòng anh hồ hải xa bay bốn trời
 Mai này thương nhớ chơi voi
 Giong thuyền đôi ngả ra khơi một mình.

Trái với một số thơ văn thù phụng của các quan lớn, thứ thơ văn tán tụng nhau là bậc kỳ tài, là... chính trị gia thông minh sáng suốt v.v... nhạt như nước ốc, chán phèo như thứ bia hộp phế thải vì quá hạn, bài thơ của Mỹ sứ quả là chan chứa cảm tình. Chúng ta thấy có cảm hứng và văn thái phong lưu của một nhà thơ chân chính.

Bùi Viện có họa lại, bài họa cũng rất hay, rất xứng với bài nguyên xướng và nhất là bộc lộ được tâm tình yêu nước của một người sinh vào thời quốc sự đa đoan Nguyên văn bài họa đó như sau :

Ly chước Hoành Tân cứu nguyệt thu,
 Nam vân hồi thủ chính du du,
 Ba đào mộng tỉnh sinh tân hứng,
 Thủy thổ hoài thâm ước-cự du
 Ca vũ tăng đài kim hải quốc,
 Phồn hoa nhân vật cổ Bồng Châu.
 Vi hoan tự tích hoàn vi biệt,
 Tiên lữ hà niên cộng phiến chu !

Bản dịch của Lam Giang :

Tàn thu, rót chén Hoành Tân,
 Mây Nam ngoảnh lại tần ngần xót xa.
 Sóng dồn tỉnh giấc mơ hoa,
 Cuộc chơi còn nhớ bặt ta thuở nào.
 Đài Kim ca vũ xôn xao
 Phồn hoa nhân vật khác rào Bồng Châu
 Vui rồi ly biệt càng đau
 Hẹn ngòy gặp lại cùng nhau dạo 'huyền.

Lòng Bùi Viện đau xót vì nước Việt mất 3 tỉnh miền Đông, quân Pháp sẽ thôn tính luôn 3 tỉnh miền Tây, có rãnh đâu mà thưởng thức ca vũ nhạc ở mấy nhà hàng sang trọng bên bờ biển. Ông chỉ có ước vọng là Tổng Thống Abraham Lincoln sẽ tức tốc phái binh thuyền sang Viễn Đông...

Có lẽ người Mỹ đã can thiệp vào chiến tranh Việt Nam từ những năm 1865-66 nếu Tổng thống Abraham Lincoln không bị tuyệt mạng bất ngờ.

Phải đợi đến 100 năm sau.. Âu đó là thiên số. Chuyện văn chương cũng như chuyện quân sự chấm dứt tạm thời ở đây.

**Khi lái buôn và
 quý thầy thông ngôn..
 làm văn hóa**

Như chúng ta đã thấy, giao tình Mỹ-Việt ở hiệp một trong thế kỷ XIX rất là tốt đẹp. Người đời sau mỗi lần tưởng niệm còn cảm khái bàng khuâng. Mỹ sứ khuyên Bùi Viện rằng :

Cự ước Hoa Thành ưng viễn phóng...

Bùi Viện đã vượt trùng dương sang Hoa Thịnh Đốn, đúng như lời đã ước hẹn với nhau. Người thất tín không phải là Bùi Viện, cũng không phải là Mỹ sứ vì Mỹ sứ làm gì có đủ quyền để

gửi quân đi tác chiến phương xa. Người kể vị Tổng thống Abraham Lincoln là Johnson (lại cũng ông... Johnson, nhưng không biết có bà con với thuyền trưởng Johnson White và ông Johnson ở giữa thế kỷ XX này không) nhất định không chịu nhìn sang bên kia Thái Bình Dương.

Chuyện quân sự lớn lao ấy mà không có chính sách kể tục, nói gì đến chuyện văn chương.

Hơn trăm năm sau thì có cả chuyện quân sự và riêng về văn chương thì :

*Bỗngưng xuất hiện một Raffel
Bút mực xa gần hẳn nổi danh
Khảo sát văn chương mười thế kỷ
Và khoe tài dịch rất ... tinh anh.*

Mười thế kỷ văn chương Việt-Nam tóm lược trong 75 trang, trừ mấy tờ bỏ trống và bài tự luận chiếm mất 20 trang, còn lại 55 trang. kề ra thực là mỏng manh và ít ỏi. Nhưng không sao... miễn là chúng ta được thưởng thức những bài dịch hay ho và đúng nghĩa

Sự thật, Burton Raffel không làm văn hóa một mình mà có cả một ê-kíp thông ngôn giúp sức. Quý thầy thông ngôn này muốn cho chắc ăn và tiện việc nên với mỗi tác giả, quý thầy chỉ lựa những bài thơ nào ngắn nhất, dễ dịch nhất mà đưa ra thôi !

Những « October House Inc. Publishers » vì muốn tiện việc nên cứ tự tiện in tên các tác giả Việt Nam theo kiểu chính tả.. Mỹ Quốc. Do đó, Đặng Dung biến thành Dang Dung, Trần Tế-Xương biến thành Tran Te Xuong... Người Việt mình vốn dễ dãi, ai muốn biên tên tuổi thế nào cũng được. Chứ giả dụ như ông Burton Raffel mà bị biên « Bọt-Ton-Ráp-Phên »

thì có lẽ ông sẽ phản đối ngay. . Đừng ai nghi rằng kỹ thuật ấn loát của Mỹ-Quốc không đúc nổi các dấu chữ !

Quý thầy thông ngôn trồ tài chữ nghĩa và một đôi khi cũng dịch khá đúng nghĩa về những bài thơ ngắn như bài « Ngẫu hứng » của Trần Tế Xương

Xin sao lục nguyên văn đề hải nội và hải ngoại chứ quân tử tiện việc đối chiếu :

Ngẫu hứng

*Hán tự dịch biết Hán,
Tây tự dịch biết Tây
Quốc ngữ mù tịt nốt
Thôi thì về đi cày.*

*Trồng khoai và trồng đậu
Cấy chiêm lại cấy mùa.
Ăn chẳng hết thì bán,
Bán có ông Tây mua*

*Được tiền thì mua rượu,
Rượu say rồi cỡi trâu.
Cỡi trâu thế mà vững,
Có ngã cũng không đau !*

*Ăn lương hàm chính thất
Thôi thôi thế cũng xong...
Vì mà nhà nước dụng,
Hắn bỏ tòa canh nông.*

Bản dịch của Burton Raffel với sự cộng tác « quân sự văn học » của quý thầy thông ngôn :

1

*I know no Chinese
And no French
And no Vietnamese either
I'll go work the fields, where I belong*

2

*I'll grow corn, beans
I'll transplant, produce double crops*

*If we can't eat it oll I'll sell some :
There are always French men.*

3

*If there's money I'll buy wine
If I'm drunk I'll ride on a buffalo.
A buffalo's a good, steady animal :
Even when you fall it doesn't hurt.*

4

*As for salary, let my wife earn it.
That's the way !
If the government want to hire me
It will have to be in the Agricultural
Department !*

Thơ Trần Tế Xương là loại thơ nông na, dễ dịch. Thế mà quý thầy thông ngôn cứ muốn làm cho mau xong chuyện Câu "Thôi thôi thế cũng xong" mà dịch là "That's the way!" thì quả thực là cầu thả hết chỗ nói!

Dẫu sao thì quý thầy cũng chưa bồi nhọ sử học và văn học Việt Nam bằng những bài sau đây. Ví dụ như bài "Thuật hoài" của Đặng Dung, danh tướng nhà Hậu Trần, sơ điệp thế kỷ thứ XV mà quý thầy cứ nhất định ghi là thế kỷ thứ XVIII (18th century)

Nguyên văn bài thơ ấy như sau :

*Thế sự du du nại lão hà !
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ diếu thành công dị,
Sự khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chúa hữu tâm phù địa trục
Tây binh vô lộ vấn Thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch
Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.*

Lê Thần Trần Trọng Kim diễn nôm như sau :

*Việc đời rắc rối tuổi già vay
Trời đất vô cùng một cuộc say.
Cá thớt gặp thời lên cũng dễ,
Anh hùng lỡ bước ngấm càng cay.
Vai mang trục đất mong phò Chúa,*

*Giáp gột sông trời khó vén mây.
Thù nước chưa xong đầu đã bạc,
Gươm mài ánh nguyệt biết bao rày.*

Đây là một bài thơ mà rất nhiều người Việt Nam, nhất là những người hoạt động cách mạng, đã thuộc nằm lòng vì bài này đã phản ánh đúng một phần nào tâm trạng của họ. Lịch sử của dân tộc há chẳng phải là một cuộc trường kỳ kháng chiến chống các tham vọng đế quốc để bảo tồn quyền sống của dân tộc hay sao? Trong cuộc chiến đấu chống một kẻ thù đông hơn về quân số, mạnh hơn về vũ khí, dồi dào hơn về phương tiện tài chính, đã có rất nhiều chiến sĩ cách mạng phải ngậm ngùi ngâm câu :

"Thời lai đồ diếu.." để tìm một chút an ủi trong cảnh bốn đào khổ sở.

Với bài thơ có giá trị quốc bảo ấy, quý thầy thông ngôn đã giúp cho danh sĩ Mỹ là Burton Raffel phiên dịch một cách vô vị, thiếu nghĩa và đôi khi phản nghĩa như sau :

Regrets

*Old — and so much still to do
Heaven-and-earth is too vast : drink up !
With luck even a fool wins glory,
Without it a hero is helpless.
I fought like my lord, dreamt of holding
the earth's axis :
There's no way to reach the heavenly
river.
I've revenged nothing, my hair was
turned white.
How many times, in the moonlight,
have I sharpened my sword ?*

Hai câu bộc lộ tâm trạng đau xót của tác giả là hai câu 3-4. Chữ "đồ diếu" mà dịch là "a fool" thì quả thật quý thầy thông ngôn đã xem thường, xem khinh người đọc bây giờ và sử sách ngàn xưa quá lắm. "Đồ diếu"

nguyên nghĩa là anh chàng xẻ thịt và anh chàng đi câu. Trong cuộc Hán sở tranh hùng, danh tướng của bên Hán như Phàn Khoái trước làm nghề bán thịt chó, Hàn Tín làm nghề câu cá. Phàn Khoái lập được chiến công lớn, được phong làm Vũ Dương Hầu. Hàn Tín làm đại nguyên soái một lần Đông chinh mà hạ ngay đất Tam Tần, lược đất Triệu, hiếp đất Yên, về sau hạ nước Tề, đánh tan hơn 50 vạn quân Sở ở Cai Hạ. Võ công lừng lẫy như thế nhưng một phần lớn là nhờ vận may. Nếu mà ở bên Sở, Tây Sở Bá Vương Hạng Võ biết nghe theo kế sách của quân sư Phạm Tăng và các tướng như Chung Ly Muội, Quí Bố v.v., thì nhất định quân Hán không làm sao thắng được ! Đó chẳng phải là thời vận may mắn cho bọn đồ điều hay sao ?

Chí như Đặng Dung lãnh nhiệm vụ gian nan với nhà Hậu Trần, quân Minh đã đánh tan quân của Hồ Nguyên Trừng, vào sâu trong đất Việt, lòng dân ly tán, nhà Hậu Trần vừa dấy lên thì đã gặp sự chia rẽ nội bộ giữa vua Giản Định và vua Trưng Quang, « trong là quốc nạn, ngoài là địch nhân », dẫu cho Đặng Dung can đảm đầy mình, thao lược có thừa cũng không làm sao thắng được quân thù, rửa hận cho nước.

Sự khừ, anh hùng ảm hận đa !

« Sự » đây là sự cơ, thời cơ. Quý thầy thông ngôn có lẽ quên hết sử sách, điển tích, dịch đại là :

With luck even a fool wins glory,

Without it a hero is helpless.

Làm y như hễ là « đồ điều » thì phải ngu si ! Phàn Khoái và Hàn Tín

đâu phải là phường ngu si, sao mà quý thầy dùng « từ ngữ » như vậy được.

Người Việt yêu nước phải biết các danh nhân và nhất là những vị anh hùng dân tộc. Đặng Dung tuy không đuổi được quân Minh ra ngoài bờ cõi nhưng tấm lòng trung liệt ấy đã làm vinh dự cho lịch sử nước Việt rất nhiều.

Quý thầy đã không cần biết Đặng Dung là ai chỉ vì chuyện Đặng Dung không có liên quan gì đến đồng đô-la xanh, đô-la đỏ. Sử sách mà làm một lúc đến hàng 3 thế-kỷ thì thật là một kỷ lục vô song, ít ai phá nổi.

Vì không ai phá được kỷ lục ấy, cho nên quý thầy phải tự phá lấy. Mới sai có 3 thế kỷ thôi thì đã lấy gì làm nhiều. Ở những trang 59, 60, 61, 62, 63, quý thầy đã đem những Thiền sư Vạn Hạnh, Bản Tĩnh, Mãn giác v.v... làm các thi-gia của thế kỷ thứ XIX. Xin nhắc quý thầy rằng Vạn Hạnh Thiền sư là người đã giúp Lý Công Uẩn rất nhiều trong việc khai sáng ra nhà Lý. Nhà Lý trị vì từ năm 1010 đến năm 1225. Làm sao mà quý thầy lại lầm lẫn một cách kỳ khôi quá thế ?

Phải có quan điểm công bình

Burton Raffel là công dân Mỹ Quốc, một siêu cường lãnh đạo việc chống Cộng khắp bốn biển năm châu.

Quân Mỹ tham chiến ở Việt-Nam cũng là vì theo đuổi cái mục đích chống Cộng ấy. Không hiểu vì sao có một số trí thức Mỹ lo đi ủng hộ Việt-Cộng trên rất nhiều chiến tuyến, từ kinh tế đến tuyên văn.

Từ Hiệp-định Genève, đất nước bị chia đôi, một số lớn danh sĩ Việt-Nam

rút lui về miền Nam và vẫn tiếp tục sáng tác. Không lẽ cả miền Nam này không có một bài thơ đáng dịch hay sao ?

Nếu như Burton Raffel là người có một chút quan điểm công bình thì trong việc chọn thơ để dịch, ông có thể chọn của miền Bắc một số, của miền Nam một số, giúp cho những độc giả Tây phương có một khái niệm tổng quan về văn học Việt-Nam. Đáng này, Burton Raffel đã tỏ ra thiên vị rõ rệt.

Trong sách "From the Vietnamese Ten Centuries of Poetry", đến thế kỷ XX chỉ có mấy tác giả miền Bắc là Thế Lữ, Hồ chí Minh, Huy Cận là được dự vào tập thi tuyển... Mỹ hóa này mà thôi ! Thế Lữ với bài «Nhớ rừng», Huy Cận với bài «Trường giang», được Burton Raffel coi là những giai tác đặc sắc. Riêng Hồ chí Minh thì có những 11 bài. Con số kỷ lục của những tác giả được trích dẫn. Như vậy, quả Hồ chí Minh là một thi hào của nước Việt Nam rồi. Đó là một sự phát kiến vĩ đại của Burton Raffel, y như phát kiến Mỹ Châu của Kha Luân Bố vậy !

Đề đền đáp công ơn phát kiến độc nhất vô nhị này, chính quyền miền Nam còn ngần ngại gì mà chưa phát cho Burton Raffel một giải thưởng văn chương toàn quốc ? Sao lại không phải chính quyền miền Bắc đảm nhiệm việc phát giải thưởng ?

— Xin thưa rằng : Chính quyền ta vốn có độ lượng khoan hồng, rộng rãi vô biên... Cứ xem những .. nhân tài hồi chánh được trọng dụng hơn người quốc dân cách mạng thuần túy thì đủ biết. Có những ông Thượng tá, Trung tá,

Thiếu tá từ rừng núi về, chỉ cần len lỏi ít lâu là lên mặt giảng dạy « chủ nghĩa quốc gia », « cách tranh thủ dân tâm » ở nông thôn cho những phần tử suốt đời phụng sự Cách mạng dân tộc

Burton Raffel dịch nhiều thơ ở tù của Hồ chí Minh, từ nhà tù Quế Sơn đến nhà tù Nam Ninh. Công phu sưu tập của ông « Ráp Phên » kể đã siêng năng lắm vậy. Nhưng mà vẫn còn thiếu .. ! Chúng tôi xin mách nước cho ông. Một phê bình gia văn học ở miền Bắc là Hoài Thanh đã từng chú giải và khen thơ Hồ-chủ-tịch quả thật là thứ thơ đại chúng nhất, cảm hứng bình dân nhất như bài «Xuất lung» Nguyên văn bài thơ ấy như sau :

*Một hữu tự do chân thống khổ,
Xuất lung đã bị nhân chế tài
Lung khai chi thì đồ bất thống
Đồ thống chi thì lung bất khai.*

Một nhà thơ (?) Miền Bắc đã dịch như sau :

*Không có tự do sao khổ thế ?
Đi cầu cũng bị người hạn chế.
Lúc cửa lồng mở, bụng không đau
Khi bụng quặn đau, cửa chẳng hé.*

Hoài Thanh đã « bốc thơm » khen nức khen nở là hay. Rất tiếc là Ông Ráp Phên nhà ta không được dự phần. Thế là ông đã bỏ mất một dịp may rồi !

Một điểm đặc biệt nữa là bìa sau quyển «From the Vietnamese Ten Centuries of Poetry» Ông Ráp Phên còn cao hứng trích dẫn thơ Hồ chí Minh nữa. Ở trên tám bìa quý hóa ấy chỉ có hai người được trích thơ. Thứ nhất là Nguyễn Du. Thứ nhì là Hồ chí Minh,

Quả thật, Nguyễn Du là một nhà tiên tri hay ít ra cũng có linh cảm. Trước khi qua đời, ông có làm mấy câu đề lại :

*Chi phần hữu tình lân tử hậu,
Văn chương vô mệnh lụy phần dư.
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ thù nhân khắp Tố Như*

Tạm dịch như sau :

*Phần son đến kiếp hoa tàn,
Hữu tình lắm kẻ vẫn còn xót thương
Buồn cho một kiếp văn chương
Lửa Tàn thiêu đốt còn vương hận sầu.
Ba trăm năm lẻ về sau,
Hỏi trong thiên hạ ai đâu khóc mình ?*

« Văn chương vô mệnh lụy phần dư » lời nói sao mà giống như lời sấm tiên tri vậy. Văn chương dầu đem đốt trên ngọn lửa hồng đi nữa thì người sáng tác vẫn còn mang lụy vì văn chương. Nguyễn Du quả thật có mang lụy vì văn chương khi bị ông Ráp-Phên đem ráp mình một bên Hồ-chí-Minh.

Khi ráp đại như thế, không biết ông Ráp Phên có e thẹn một chút nào về cái « tài » văn chương của mình không ? Hay là ông Ráp Phên cứ nhắm mắt, nghe lời quý thầy thông ngôn xúi dục.

Phàm muốn khảo sát về văn chương nước nào thì người khảo sát nên tìm

văn hữu, thi hữu trong giới cầm bút ở nước đó. Có lẽ ông Ráp Phên « Hán tự đếch biết Hán, Tây tự đếch biết Tây, Quốc ngữ mù tịt nốt... » nên không thể giao thiệp với một văn sĩ, thi sĩ nào trên đất nước Việt Nam. Ông đành đặt tin tưởng vào quý thầy thông ngôn « Mỹ ngữ cấp tốc » để tìm hiểu văn chương nước Việt.

Kết quả là tập sách của ông có những lỗi lầm về Văn học, Sử học như chúng tôi đã trình bày sơ qua trên đây.

Kề ra những cái sai lầm của ông Ráp Phên còn nhiều lắm, có thể dán chặt một bức phên nhưng chúng tôi không muốn trưng dẫn thêm e làm mất nhiều thì giờ của bạn đọc.

Những người có thể cảm thấy lo phiền về sách « Mười Thế kỷ thi ca nước Việt » chắc là những người có trách nhiệm trong công tác... thông tin hải ngoại. Thông tin hải ngoại là đề tranh thủ cảm tình quốc tế. Những người hữu trách đã làm việc như thế nào mà cảm tình của một số người trong giới văn bút Mỹ Quốc lại dồn hết về miền Bắc ? Thông Tin (bất luận ở phạm vi hải nội hay hải ngoại) không thể chỉ tóm lược trong một phạm vi nhỏ hẹp, đơn thuần kể lẽ số địch quân đã chết ở chiến dịch này bao nhiêu, chiến dịch kia là bao

THUỐC BÒ

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI

BỒI BỔ CƠ THỂ

CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÀ LAN

nhiều. Tất phải có những bài nói về lịch sử, văn học nước nhà, giới thiệu Tổ quốc, trình bày những cái hay, cái đẹp của quê hương.

Những quyển sách như «From the Vietnamese...» chính là những bằng chứng hùng hồn rằng chính sách thông tin hải ngoại của chúng ta đã thất bại. Hoặc nếu có chính sách đúng thì cán bộ của ta đích thị là bất lực, bất tài.

Còn những ông dân biểu, ông nghị sĩ của ta ư! Các ông đi giải độc ở tận đâu đâu mà văn sĩ Mỹ cùng một tập thông ngôn Việt đem đọc rải vào tận nước ta, sau khi đã rải khắp thế giới mà các ông không hay không biết gì hết trời? Hay là các ông còn bận tâm trí... đi mua lịch, đi cạy tượng Chăm mà quên mất việc bảo vệ danh dự cho Tổ-

quốc? Người ta bồi lộ văn học, lịch sử nước Việt, các ông hưởng bổng lộc trọng hậu của quốc gia mà các ông cứ tọa thị điềm nhiên! Những Ủy ban Thông-tin ở hai viện đang bận công tác gì chẳng?

*Lâu các những ai nhiều điểm phúc,
Chắc gì tận tụy với giang sơn?*

Cuối cùng chỉ có những chiến sĩ quốc dân Cách mạng là nóng mặt vì quốc thể, Và những văn sĩ «chạy ăn từng bữa toát mồ hôi» là chịu khó lãnh nhiệm vụ bảo vệ danh dự quê hương.

Việc đời, việc văn bút đến như thế này thì không cần cất chén quỳnh riêng hỏi bạn tri âm cũng cứ biết rằng «Đời đáng chán».

VŨ-TIẾN-PHÚC

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Pub. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT

Ảnh tượng về nước Đức

Nói về người Đức, tôi không thể quên nhận định hóm hỉnh của Karl Marx và Engels. Marx : « Nếu dân Anh biến con người thành những cái mũ, thì trái lại dân Đức biến những cái mũ thành tư tưởng. Người Anh : đó là Ricardo, một chủ ngân hàng giàu có và là nhà kinh tế học xuất sắc ; người Đức : đó là Hegel, một giáo sư quèn ở đại học Bá-linh. » Và Engels : « Đã từ lâu, dân Đức chứng tỏ họ không thua kém bất cứ dân tộc văn minh nào trong các ngành khoa học ; không những thế, họ lại còn xuất sắc hơn trong hầu hết mọi bộ môn. Duy chỉ trong hàng ngũ các học giả về khoa kinh tế chính trị là không có lấy được một bóng người Đức nào ! »

Hai nhận định trên đây hoàn toàn giống nhau. Marx nói Hegel là giáo sư quèn, nhưng ông và Engels, bạn chí thân của ông, vốn rất thán phục tài ba của triết gia mà Engels cho là một trong những bộ óc thông thái nhất mọi thời đại. Thật ra, nếu không có Hegel, thì cũng không có Marx và Engels, nhưng họ muốn nói Hegel chỉ là thiên tài trong lãnh vực của mình mà thôi, đó là lãnh vực tư tưởng. Với tư cách đó, ông là đại diện xứng đáng cho dân Đức, một dân tộc có bộ óc suy tư khác thường. Người Anh không thế : họ thực tiễn hơn. Đó là những láai buồn (nói theo lý luận của Marx và

Engels) biết toan tính khôn khéo, không lý thuyết viển vông. Họ chẳng có lý thuyết, thì thường chỉ quay chung quanh những thuyết duy-nghịem, duy-danh (nominalisme), duy cảm-giác (sensualisme), ngôn ngữ học (linguistique). Marx chê Hegel và đồng bào ông chỉ làm cách mạng trong tư tưởng, chứ không thay đổi được gì trong thực tế. Đề dùng một hình ảnh táo bạo của chính ông tổ chủ nghĩa cộng sản : Hegel đi bằng đầu, còn hai chân thì chổng ngược lên trời. Bao giờ đặt hai chân ông xuống đất, bấy giờ mới có cách mạng thực sự !

Cố nhiên Marx và Engels đã phóng đại. Vì nếu dân Đức chỉ thích lý thuyết viển vông thì làm sao cắt nghĩa được những hiện tượng như « phép lạ kinh tế » của họ hiện nay ? Máu cách mạng đã làm hai anh em bạn nổi xung và quên cả đắn đo, mực thước !

Nhưng họ cũng phần nào có lý. So với Anh và cả với Pháp, thì Đức sâu sắc hơn về phương diện tư tưởng. Có thể nói : người Đức suy tư, người Pháp xếp đặt và tô vẽ cho hấp dẫn và cuối cùng người Anh đem ra thực hành. Đó là nói đại khái ! Lấy một tỉ dụ trên địa hạt triết học : Sartre chịu ảnh hưởng của Husserl và Heidegger. *L'être et le néant* của Sartre là một thứ bình luận về tác phẩm *L'être et le Temps* của Heidegger.

— Một thứ bình luận sai lầm, nhưng đầy thiên tài ! (Il y a des contre-sens géniaux, nói theo ông J.— M. Palmier). Kết quả là tư tưởng của ông trở thành một thứ « mốt » rất đại chúng, còn tư tưởng sâu sắc của Husserl và Heidegger chỉ dành cho một nhóm người nào đó thôi.

Khi tôi mới ở Pháp qua Đức, mỗi khi làm bài, giáo sư thường khen : « Rõ ràng anh ở Pháp qua. Cũng chỉ bằng ấy tư tưởng, nhưng anh biết tô vẽ, thêm lông thêm cánh dễ coi. Nếu là một người Đức viết, thì chỉ trong mấy hàng là xong, vừa cộc lốc, vừa khô khan. » Nhưng nhiều giáo sư khác không đồng ý như thế. Họ nói : có thì nói có ; nói có sách mách có chứng, thêu vẽ vô là chuyện đáng hồ nghi ! Lối lý luận đó biểu lộ một đức tính căn bản dân Đức : họ có một cái gì nặng nề trong cách sống cũng như trong phương pháp làm việc và lối suy tư ; nặng nề vì muốn đi đến tận gốc, cặn kẽ. Mở một cuốn sách Pháp và một cuốn sách Đức cùng nói về một vấn đề và cùng dành cho một giới đọc, người ta thường thấy cuốn trên ít trích dẫn và nếu có thì thường không trích xuất xứ cặn kẽ, còn cuốn sau thì đầy những dẫn chứng khoa học !

Đem áp dụng vào lãnh vực văn hóa đức tính này đẻ ra những tác phẩm sâu sắc, phong phú, có ảnh hưởng lâu dài. Chẳng hạn triết học Kant, Hegel, Marx là những tư tưởng lớn nhất của cận đại vì đã mở ra những chân trời rộng rãi và mới mẻ. Cũng như triết học của Husserl và Heidegger hiện nay. Nhưng văn chương Đức rồi chung không giàu những giá trị nhân bản như văn chương Pháp. Ngay chữ văn hóa (Kultur) của Đức có một ý nghĩa khác với chữ cul-

ture của Pháp. Paris có Bảo-tàng-viện Louvre vào đó người ta sẽ gom góp được một ý niệm về văn hóa Pháp. Munich có bảo tàng viện khổng lồ *Deutsche Museum* chỉ chứa toàn là những khám phá và thành tích khoa học. Đó là một dấu hiệu bề ngoài, nhưng rất đầy ý nghĩa. Bạn muốn một dấu hiệu bề ngoài, khác ư ? Thì hãy so sánh chương trình Ti-vi của hai nước ! Cái hay của nước này là cái dở của nước kia : chương trình giải trí của Pháp rất hay nhưng thua hẳn chương trình có tính cách giáo dục của Đức. Và ngược lại ! Đức thiếu một cái gì nhẹ nhõm, hóm hỉnh, duyên dáng và khoáng đạt. Nhân viên trình bày chương trình của họ không mấy khi làm hay nói theo cảm hứng (improvisation) và chẳng bao giờ thấy pha trò. Đó là những chuyện không hiếm ở xứ cụ Molière !

Áp dụng vào phạm vi nghề nghiệp, đức tính nói trên kia tạo nên một đức tính khác là lương tâm nhà nghề. Tôi chẳng thấy họ làm nghề gì mà không được học hành hẳn hoi. Muốn làm bánh, muốn đóng sách, muốn làm thịt heo cũng phải đi học mấy năm trời, mới được lãnh bằng cấp. Lãnh bằng cấp rồi, còn phải làm thợ bận trong một thời gian, lúc ấy mới được phép mở hàng. Một bạn Việt nam mới qua Đức nói với tôi : « Ở đây, người nuôi gà cũng có bằng đốc-tờ ! » Cái hay nhất là người làm nghề nào cũng rất hãnh diện về nghề của mình. Khi người làm thịt heo chết, trên giấy báo tử người ta vẫn ghi cho mọi người biết đó là người bán thịt heo (Không ai dấu diếm, vì không ai coi đó là một nghề không đáng trọng). Người ngoài thường chê dân Đức trọng chức tước. Như thế cũng đúng : Anh X. mới đậu đốc-tờ, nhưng khi tôi viết thư cho anh, tôi vẫn phải gọi anh là *Herr Doktor*

(ngài Đốc-tờ), dù chúng tôi là bạn bè quen thân. Nhưng lời phê bình trên chỉ đúng có một nửa, vì người ta quên rằng chính anh hàng thịt cũng hãnh diện về « cái chức » của mình không riêng gì bác sĩ, giáo sư ! Nếu thế thì đáng chê hay đáng khen ? Yêu nghề nên hành nghề cách tận tâm, thêm vào đó còn tính chuyên cần và tinh thần kỷ luật, trách gì chỉ trong vòng mấy năm trời sau khi bại trận, nước Đức đã thành một xứ kỹ nghệ đứng vào hàng đầu thế giới.

Tiếng *gründlich* (tạm dịch là : đến nơi đến chốn) mà người Đức thường dùng, có một hương vị riêng. Nó bởi tiếng *Grund* mà ra. *Grund* là nền móng, là căn bản, là manh mối. Làm gì cũng phải làm cho *gründlich*. Ăn uống, nghỉ ngơi cũng thế. Ở Âu-châu đài Ti-vi một số nước thường tổ chức chương trình giải trí chung, gọi là *Trò chơi không ranh giới*. Đó là những cuộc thi trò chơi giữa những thành phố khác nhau, đa số thuộc về sáu nước của Thị trường chung. Chỉ là trò chơi thôi, mà người Đức cũng thường đoạt giải, hỏi tại sao, thì họ đáp : Chơi cũng phải chơi cho *gründlich* !

Một tiếng khác họ thường dùng nữa là : *gemütlich*, dịch nghĩa : ấm cúng. Nhưng ấm cúng không nói hết cái thi vị của chữ *gemütlich*, nhất là khi nghe từ miệng người Đức nói ra. *Gemütlich* là một cái gì ấm cúng mà thấm thía tận tâm hồn, tạo nên một tâm trạng thân mật, an nhàn thư thái (*Gemüt* có nghĩa là : lòng trí). Khác với người Pháp, người Đức không trau cái ăn cái mặc, nhưng nhà cửa thì luôn luôn sang trọng sạch sẽ, vui mắt, *gemütlich* !

Buổi chiều sau một ngày làm việc,

tôi thấy người Bỉ kéo nhau ra tiệm cà-phê ngồi uống bia và xem Tivi. Người Đức, trái lại, thích ngồi ở nhà, vì ở nhà « thân mật » hơn. Tôi quen một số tu sĩ người Đức. Mỗi chiều thứ bảy, họ quét dọn phòng thật sạch, đánh giầy bóng loáng, tắm rửa rồi mặc bộ áo thật mới vào, dù họ chẳng đi đâu và dù là tu sĩ. Hỏi tại sao, họ đáp : Như thế mới là *gemütlich* !

Nhưng khi một nhóm người Đức ngồi lại với nhau để uống bia, hút thuốc và hát hăng thì không phải chỉ vì nhu cầu tìm *Gemülichkeit* (sự ấm cúng) mà thôi, nhưng còn là vì nhu cầu chuộng tập đoàn nữa. Tôi không dùng tiếng : tinh thần cộng đồng, vì tuy đúng nhưng nó không tiêu biểu. Tôi muốn dùng chữ : óc tập đoàn (*instinct grégaire*) mặc dù biết tiếng này có một nghĩa không đẹp. Người Đức cảm thấy thoải mái, khi họ nhập đoàn vào một đám đông. Dường như họ muốn đánh mất bản lĩnh mình trong cái vô ngã, trong « cái ấy » (*Es*). *Es* là một. Freud gọi cái sâu thẳm nhất của ý thức là *es* (Pháp dịch là : le ça). *Es* cũng chính là cái sâu thẳm nhất của nhân loại nữa. Khi nhiều người họp lại với nhau để cùng sống cái *Es*, thì ta thấy họ đáng sợ khác thường. Lúc bấy giờ người ta như cảm thấy sôi sục từ dĩ vãng về hay từ những vực thẳm âm u một sức sống thần bí mãnh liệt hơn những con người đang múa may trước mắt ta kia. Phải, đám đông nào mà chẳng thế. Nhưng nơi người Đức, cái gọi là tâm lý đại chúng lại còn ghê gớm hơn, vì tựu trung dân Đức giàu tình cảm vô cùng, tuy tình cảm đó không có cái tế nhị của người Pháp. Một dân tộc giàu óc khoa học mà đa tình, mới nghe qua,

có vẻ mâu thuẫn, nhưng không phải là không thể có. Hãy nói chuyện với bất cứ người Đức nào trong dịp lễ Giáng sinh (là lễ rất lớn của họ) dù là người có vẻ gộc gạc nhất, bạn mới biết họ đa cảm thế nào !

Người ta thường chê dân Đức cục mịch. Nhưng nếu đặt đặc tính này trong khung cảnh những đặc điểm nói trên như kỷ luật, đến nơi đến chốn, cần cù, thì hai tiếng cục mịch sẽ giảm bớt nghĩa xấu của nó. Cục mịch, vâng ! Gặp khách, họ không đơn đả, lịch lãm và tế nhị như dân Pháp chẳng hạn, nhưng mỗi thiện cảm của họ đối với khách thường thành thật và bền bỉ hơn. Dân Ý, dân Pháp lắm khi gây cho ta ấn tượng họ chỉ xã giao lúc ban đầu mà thôi ! Cục mịch, phải ! Cô gái Đức thiếu cái duyên dáng của cô gái Pháp, nhưng nói chung cô không ngồi trên ngai bắt chồng cung phụng !

Nói đến phụ nữ Đức, người ta thường dùng ba chữ K để mô tả : *Küche* (nhà bếp), *Kinder* (con cái), *Kirche* (nhà thờ). Lối mô tả đó có phần nào đúng người phụ nữ xưa, nhưng nay đã trở thành một thành kiến vô giá trị. Dù vậy, tôi nhận thấy đa số phụ nữ tân thời Đức vẫn quay về Paris để học đòi cái lịch lãm của cô gái kinh thành, hoa lệ.

Sau hết, tôi có ấn tượng dân Đức mang một mặc cảm quá nặng về tội lỗi của mình, quá nặng đến nỗi đường như họ tìm cách dẫn vật mình, làm khổ mình để yên tâm. Cách đây không lâu, báo *Le Monde* nhận định : dân Pháp cũng không thiếu người phạm tội trong thời thế chiến vừa qua, thế mà nay họ vẫn được xã hội bỏ qua, còn dân Đức, mấy chục năm sau chiến tranh, vẫn còn thích bới móc lỗi lầm của nhau, dù là những lỗi lầm «rất dễ hiểu» và do đó, dễ tha thứ. Xét cho cùng, người Đức thiếu phần nào tự tin. Nhược điểm đó đang được Tân đảng Quốc-xã của Von Thadden khai thác kỳ cùng. Trong một nước Đức thiếu truyền thống dân chủ và lắm khuynh hướng cực đoan, đảng này đã bành trướng khá mau, nhưng tôi tin rằng dân tộc này không thể đi giết lùi lại trên con đường mà họ đã dẫn bước từ vài chục năm sau đây.

Xưa kia tôi rất buồn vì thấy người trí thức Việt-nam chỉ biết đến có văn hóa Pháp mà thôi. Ngày nay đã thấy sinh viên ta quay sang những nền văn hóa khác như Nhật, Mỹ và Đức. Để tiến theo đà văn minh hiện đại, một nước nhỏ bé như Việt-nam ta, không thể chọn con đường khác, mặc dù không vì thế mà chối bỏ cái bản lĩnh của dân tộc mình.

NGUYỄN-KHÁNH-HÒA

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỔ C

Neurotonic

HN. 783/BVN/OCDF/16.6.66

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Một cái nhìn đông-phương về VẤN ĐỀ TÍNH DỤC

V.— HÔN NHÂN VỚI TU-SỸ KY-TÔ-GIÁO

Nói cho đúng, thì vấn đề hôn nhân chưa hề đặt ra với tu sỹ chính cống Ky-tô-giáo, mà chỉ đặt ra với linh mục thôi. Thực ra, linh mục chỉ là một thầy tế, và trong các tôn giáo, thầy tế thì khác, mà nhà tu hành thì khác.

Hiểu như trên, ta sẽ thấy vấn đề linh mục lấy vợ hiện nay chưa đến nỗi trầm trọng như người ta tưởng. Từ lâu rồi, đã có thói quen lập gia đình trong giới nhà sư bên Cao-ly và Nhật-bồn, họ là những tu sỹ chính danh chứ không phải thầy tế. Chứ còn bên Ky-tô-giáo, chưa ai đòi quyền kết hôn cho tu sỹ thực thụ bao giờ cả.

Vậy trong bài này, chúng tôi xin phân biệt rõ một bên là linh-mục và một bên là tu sỹ Công-giáo khi tìm hiểu vấn-đề hôn-nhân trong tương quan với mỗi bên. Chúng tôi bắt đầu bằng cách xác định tình trạng của cuộc tranh-luận hiện nay, và tìm hiểu xem, xét theo bản tính và hoàn cảnh, hôn nhân có thích hợp cho linh-mục hay không. Căn cứ vào Thánh-kinh và truyền-thống, chúng tôi cũng tìm xem giáo-sỹ có đòi hỏi một đạo-đức nào giống với tu-sỹ, do đó cần phải sống độc thân hay không. Sau cùng chúng tôi không quên đón trước vấn

đề có thể sau này sẽ được đặt ra, và đó là vấn đề : Hôn nhân với đời sống tu hành thực thụ trong Ky-tô-giáo.

Cuộc tranh luận hiện nay

Cuộc khủng hoảng về độc thân linh-mục đã ngấm ngấm từ mấy chục năm nay. Nhưng nó chỉ trở thành một tranh luận công khai và gay gắt kể từ sau công-đồng Vatican II mà thôi. Tạp-chí thần-học quốc-tế Concilium, trong số tháng ba 1969, đã xác định tình-trạng cuộc tranh-luận này trên thế-giới.

Bên Nam Mỹ, hình như chỉ có mấy tạp in ronéo chuyên tay và chững bản dịch từ báo ngoại quốc. Đây là một miền quá thiếu linh-mục, và tín-hữu nhiều khi sống xa xôi giữa những chốn hoang vu, hẻo lánh, nên vấn-đề nếu có đặt ra, thì cũng dừng lại ở quan-điểm mục-vụ mà thôi.

Tình-trạng bên Phi-châu cũng không hơn gì. Sống giữa những xáo trộn chính-trị và xã-hội, linh-mục cũng như bao người khác còn rất nhiều việc phải làm và giải quyết hơn là tranh luận-thần-học về những vấn-đề xa xôi ấy.

Còn bên Á-Châu chúng ta thì sao ?

Á-châu vốn có một truyền thống tu hành rất cao và đồng hóa tu-hành với khổ hạnh. Thế mà linh-mục lại được đồng-hóa với tu-sỹ, nên ngài không thể đòi lấy vợ mà không lo người đời đàm tiếu. Cố nhiên, đó không phải là tất cả lý do của sự im hơi lặng tiếng này. Nói cho đúng ra, số linh-mục Á-châu đạo-hạnh và thích sống đồng trinh vẫn còn hết sức đông.

Rút cuộc, khu vực tranh-luận chỉ còn sót lại những nước giàu có và văn-minh kỹ-thuật : bên Mỹ-châu có Hoa-kỳ, và bên Âu-châu thì phải kể trước tiên Hòa-lan, Đức và Pháp.

Bên Hoa-kỳ, tại Đại học Notre-Dame từ mùng 6 đến mùng 8 tháng 9 năm 1967, có cuộc hội thảo toàn quốc về Độc thân linh mục, mà kết-quả là việc công bố một tuyên-ngôn đề-ngợi cho linh-mục được quyền tự-do chọn lựa kết hôn hay sống độc thân. Nhưng tháng 11 cùng năm, các giám-mục toàn quốc họp tại Washington đã khẳng-quyết giá-trị của độc thân đối linh-mục, cho rằng những ai hy-vọng luật độc-thân này rồi sẽ bị hủy bỏ, những người ấy đã suy-tưởng vô căn cứ và thiếu tinh thần trách nhiệm. Tuy thế, cuộc tranh luận vẫn tiếp tục và gay gắt. Cho đến nay, vẫn không ai phủ nhận giá trị của độc thân, nhưng điều người ta đòi hỏi là để linh-mục được quyền chọn lựa.

Bên Âu-châu, bàn cãi sôi nổi nhất là ở Hòa-lan, rồi đến Đức, và thứ ba đến Pháp. Cuộc tranh luận tuy nhiều khi thiếu bình tĩnh và tinh thần khách quan, nhưng lại giàu tính chất thần-học. Nhiều nền tảng của vấn-đề được truy-cứu : nền tảng Thánh - kinh và

Truyền-thống, nền tảng lịch-sử trong và ngoài Ky-tô-giáo, nền tảng thần-học và điều-kiện mục-vụ, nền tảng nhân-chúng-học và tâm-lý-học.

Thực ra, nguồn gốc của cuộc khủng hoảng phải được tìm ở ngoài những chứng-cứ người ta thường dựa vào khi tranh luận.

Thế giới ngày nay đang trải qua những biến chuyển lớn lao về kinh-tế, xã-hội, đạo-đức và tư-tưởng. Giáo-hội Công-giáo, sống giữa thế-giới ấy, cũng không thoát khỏi một khủng hoảng. Những sửa đổi từ công-đồng Vatican II và sự nới rộng kỷ-luật, tuy là điều phải làm và còn phải tiếp tục làm nhiều hơn gấp bội nữa, (1) nhưng đã gây nên một vài xáo trộn. Nói cho đúng hơn, ngòi thuốc từ lâu âm-ỷ cháy đã có dịp nổ tung lên.

Trong cái thế giới đã đổi khác xưa này và giữa một xã hội đã hoàn toàn "tục hóa", vị linh-mục, ông vua của ngày trước và gia chủ giữa họ đạo của mình, vị linh-mục ấy đã mất gần hết địa vị và ảnh hưởng rồi. Ông thấy như không còn gì để bù đắp vào những hy sinh, cũng như tự cảm thấy mình đã trở nên một đồ thừa, không mấy ích cho đời nữa. Và giữa khủng hoảng, giữa trống rỗng như thế, ông bắt đầu đặt lại vấn đề độc thân của mình.

Vả lại, "phái tính" (le sexe) ngày nay được quảng-cáo vô cùng mạnh mẽ bằng tất cả những phương-tiện truyền-thông mới phát minh, khiến con người cảm thấy nó như một thức bách không thể cưỡng, và do đó cảm thấy độc thân là một ân huệ chỉ dành riêng cho một vài tâm hồn mà thôi. Thế rồi người ta

(1) Đề thích ứng với hoàn cảnh mới và sửa chữa những tệ đoan,

tự hỏi: Làm sao Giáo-hội có quyền liên-đới chặt chẽ ơn thiên-triệu linh-mục với đoàn-sủng (charime) độc thân, trong khi mà bản tính linh-mục không đòi hỏi như thế?

Thêm vào đây, khoa tính-dục-học phát triển cho thấy rằng bước tiến của tính-dục đi đôi với trưởng thành cơ-thể và trưởng thành tâm-lý nơi con người. Đồng thời Giáo-hội cũng ý thức hơn về giá trị của thể-xác cũng như của hôn-nhân. Như thế, tại sao lại khinh rẻ hôn-nhân khi hôn-nhân ấy là của linh-mục, và như thế, vi phạm đến quyền bất khả xâm phạm của mỗi người được kết hôn?

Xem như vậy, vấn-đề quả là phức tạp và khó giải quyết. Ở đây, chúng tôi chỉ đưa ra một vài nhận định về tương quan giữa linh-mục với lối sống độc thân.

Bản tính linh-mục trong liên đới với độc thân

Như trên kia đã nói, linh-mục là một thầy tế. Trong Ky-tô-giáo, thầy tế là một chức-vụ đặc biệt, khác hẳn chức vụ thầy tế trong các tôn-giáo khác.

Nói cho đúng ra, trong Ky-tô-giáo không có nhiều thầy tế, mà chỉ có một: một môi-giới (1 Tim. II. 5) và một thầy tế (Heb. XVIII. 6; IX. 5 và XII. 24). Môi-giới và thầy tế ấy là Chúa Giêsu. Kỳ hơn nữa, Chúa Giêsu chẳng những là thầy tế, mà còn là chính vật tế nữa.

Giáo-hội là « Thân-thể huyền-nhiệm » của Chúa Giêsu và Giáo hội ấy là cộng-đoàn các người tin theo Chúa. Do đó, họ cũng làm nên « một dân tộc dành riêng », nên « thầy tế »

(sacerdos) để « dâng hiến tế thiêng-liêng » cho Thiên-Chúa (1 Pet. II. 5 và 9; Apoc. I. 6; V. 10; XX. 6).

Ở giữa cộng-đoàn thánh của các tín hữu ấy, có những chức-vị được nổi bật lên. Trước tiên là các tông đồ và các đồ đệ trực tiếp của các ngài. Thiên-Chúa đã trao cho các ngài « sứ-mạng hòa giải » giữa con người với Thiên-Chúa (2 Cor. V. 18), do đó các ngài trở nên « sứ-giã cho Chúa Ky-tô » (V. 20).

Các tông đồ và đồ đệ nói trên đặt ra những người thay thế các ngài để lãnh đạo giáo-đoàn mỗi miền khi đã thành lập xong. Những người đó có tên là episkopos tức giám-mục theo tiếng dịch của ta, presbuteros (prêtre) hay linh-mục, và diakonos ta dịch là phó-tế hay thầy sáu.

Ở giáo-đoàn miền Philippé (Phil. I. 1), chúng ta gặp tiếng episkopos và diakonos lần đầu tiên. Còn ở các giáo-đoàn Do-thái, thì có presbuteros (1), vì presbuteros theo ngữ-nguyên là kỳ-hào, và đó là danh-từ lấy ở tổ chức « hội đường » (synagogue) Do-thái-giáo ra. Episkopos và presbuteros có khi là một (Act. XX. 17 và 28), có khi lại là hai (Tit. I. 5). Thực ra, episkopos, presbuteros cũng như diakonos, chỉ cùng một chức-vụ đứng đầu giáo-đoàn, nhưng được gọi tùy theo những loại giáo-đoàn khác nhau và độc lập đối với nhau. Dần dần chúng mới biến thái để trở nên cấp bậc như ngày nay, ít là từ thời thánh Ignace d'Antioche (2).

(1) Act. XI. 30; XIV. 23; XV. 2 và Jac. V. 4.

(2) Magn. VI. 1; XIII. 1; Trell. III. 1; VII. 2.

Presbuteros có nghĩa là kỳ-hào, epis-kopos là quản-đổ: và diakonos là trợ-tá, nên đều biểu-thị sự lãnh-đạo và phục vụ (1). Vậy đây là những trách-vụ có tính cách xã hội, trách-vụ đối với cộng đoàn trước đã, rồi từ đó mới trở thành một chức vụ đối với nhiệm-tính. Phải, vị Presbuteros, mà nay ở Việt-nam ta dịch là linh-mục, vì đứng đầu và thay mặt giáo-đoàn nên mới chủ sự các nghi-lễ, nhất là thánh lễ Misa, tức « Lời tạ ơn » (eucharistia).

Chức vụ linh-mục có tính chất xã-hội, và đó là trách-vụ đối với hiệp-nhất của giáo-đoàn, hiệp nhất trong tình bác-ái. Thế mà tiêu biểu nhất cho sự đoàn kết ấy là « việc bẻ bánh » tức nghi-lễ Hiệp-thông Thánh - thể, nên chức vị linh-mục gắn liền với nhiệm-tính này. Phải, khi cử hành thánh lễ Misa thì linh mục là chủ sự, là thầy tế (sacerdos) theo ý nghĩa chuyên biệt của nó.

Lễ Misa là một hiến tế thánh giá. Trong hiến tế này, Chúa Giêsu vừa là thầy tế vừa là vật tế, lại vừa là bàn thờ tế nữa. Ngài thì hành sứ mạng như là đại diện, là Đầu của cộng đoàn tín hữu. Do đó một cách huyền nhiệm, chính cộng đoàn tín hữu cũng được hiến tế ở nơi Ngài. Vậy nơi Ngài, cộng đoàn tín hữu như Ngài cũng là thầy tế, vật tế và bàn thờ. Và nơi Ngài, ở giữa cộng đoàn tín hữu, linh mục càng phải là thầy tế, vật tế và bàn thờ hơn nữa. Cho nên, chức vị linh mục không phải là cái gì tô điểm cho ông ở bề mặt, như một tước hiệu mà thôi, mà nó còn biến cải con người của ông từ nền tảng nữa. Cho nên, linh mục không thể chỉ được thánh hiến (consacré) như tín hữu thường bằng

Thánh tẩy, ông còn phải được thánh hiến một cách chuyên biệt bằng một nhiệm tính khác nữa (2). Và trong cái viễn tượng ấy, ông cũng phải được « dành riêng ra » hơn ai hết, phải xứng đáng một cách đặc biệt.

Do đó ông phải được tuyển chọn, được gọi cũng như được thánh hiến. Và theo Thánh kinh, thì episkopos và diakonos được các tông đồ hoặc đồ đệ của các ngài tuyển chọn trong số những người chính trực, tử tế và chỉ kết hôn một lần thôi (3).

Dẫu sao ohàng nữa, các episkopos, presbuteros và diakonos vẫn còn khác biệt rất nhiều với các tông đồ. Tuy tông đồ truyền thụ chức vị của các ngài cho họ, nhưng không phải là tất cả, và cũng không phải ở cùng một mức độ. Mãi sau này, chức vị ấy mới được nâng lên, để một phần nào họ là sự nối dài và nối tiếp của các tông đồ.

(1) Chúng tôi dùng tiếng *lãnh đạo* chứ không *cải trị*, vì theo Chúa Giêsu, các người trên trong Nước Ngài phải phục vụ, chứ không được chế-nghệ như các nhà cầm-quyền thế-tục. Cũng vì lý do này mà Tân-ước không dùng tiếng *arkhê*, *timê* và *telos*, tức quyền-hành theo ý-ghĩa thông thường, để chỉ quyền lãnh-đạo giữa các tín hữu, mà trái lại đã dùng tiếng *diakonia* nghĩa là phục-vụ.

2) 1 Cor. XIV. 16 có nói đến trường hợp người không được thánh hiến như thế mà cũng dâng « lời tạ ơn » tức cử hành lễ Misa. Vậy theo W. Kasper, thì có thể có nhiều lối và trình độ khác nhau cho thánh lễ, và dù trong trường hợp nào đi chăng nữa, cũng có thể có Chúa Giêsu hiện diện giữa cộng-đoàn. Trường hợp nói ở 1 Cor. XIV. 16 ít ra có thể kể là cử hành thánh lễ *ex voto* (do ước muốn) (*New outlook on the priestly ministry Concilium* éd. anglaise March 1969, trg. 17).

3) Act. VI. 6 ; XIV. 23 ; 1 Tim. VI. 14 ; V. 22.

Ở đời hỏi thoát tục cũng thế, trong khi từ episkopos trở xuống, người ta vẫn ở lại xứ sở và gia đình, thì các tông đồ và đồ đệ trực tiếp của họ là những người thoát ly gia đình hoàn toàn rồi.

Thực ra, với các đồ đệ riêng, Chúa Giêsu đòi hỏi họ một "bỏ đời", dứt khoát như thế:

— Hãy về bán hết sản nghiệp, lấy tiền bố thí cho kẻ nghèo, rồi đến đây theo Ta (Mt. XIX. 21; Mc. X. 21; Lc. XVIII. 12; XII. 33).

— Đừng mang túi, bao, giày, đừng mang tới hai áo và tiền nong (Lc. IX. 3; X. 4).

— Bỏ cửa nhà, cha mẹ, anh em, vợ con vì Nước Thiên Chúa (Lc. XVIII. 29).

— Làm thái giám vì Nước Trời (Mt. XIX. 12).

Nói tóm lại, Ngài đòi hỏi sự bỏ đời, và sự bỏ đời ấy thể hiện nhất là dưới hai hình thức: thoát ly gia đình và không có của cải. Sự thoát ly này vừa có tính cách khổ hạnh (ascétique) vừa vì mục đích tuyên giảng lời Chúa và hiến thân phục vụ Nước Chúa. Cho nên nó khá giống nếp sống tu hành theo quan niệm cổ điển. Nó giống tu-hành ở tinh thần thoát tục dứt khoát và ở hai hình thức cụ thể hóa việc thoát tục ấy: sống độc thân và thanh bần. Nhưng khác với tu hành, nó không cực đoan ở hình thức, nhưng nhấn mạnh vào tinh thần. Khác với tu hành nữa, nó không bỏ đời mà vào đời, dù vào đời với một tinh thần siêu thoát. Và như thế, có thể gọi các tông đồ là **bán tu sỹ**.

Ngày nay, giám mục được coi như kế vị các tông đồ, và linh mục tham dự vào chức vị của giám mục do thánh

hiến và ủy nhiệm. Nếu sống theo đúng lời kêu gọi của Chúa Giêsu đối với đồ đệ, thì các ngài phải sống tinh thần xuất thế được tiêu biểu bằng thanh bần và độc thân, một cách hoàn toàn cho giám mục và một cách nào đó cho linh mục.

Nhưng thực ra, giám mục cũng như linh-mục chưa bao giờ bị cưỡng bách phải sống thanh bần cả. Còn giới-dâm thì đó là cả một lịch sử. R. Clément D. T., trong bài *L'Épiscopat en Orient* đăng tải trong *Proche-Orient chrétien* năm 1962 đã trình bày lịch sử ấy như sau:

Ở ba thế kỷ đầu, không hề có luật độc thân cho giáo-sỹ. Nhưng giáo-huấn của Chúa Giêsu và thánh Phaolô đã khích lệ một số người tự nguyện sống nếp sống ấy.

Đến thế-kỷ IV, độc thân bắt đầu được luật chế. Năm 300, công-đồng Elvire cấm giám-mục, linh-mục và phó-tế không được lấy vợ. Khởi xuất từ Tây-ban-nha, luật ấy dần dần phổ cập khắp Âu-châu. Sang thế kỷ V, cả đến tùy phó-tế cũng bị cấm kết hôn nữa. Khi ấy, luật độc thân chưa có năng lực tiêu-hôn. Các linh-mục lấy vợ vẫn thành, tuy đó là điều tội.

Sau này, vì có nhiều người không giữ luật, nên đề bài trừ tệ đoan ấy, công-đồng Latran (1123) biến luật độc thân thành tiêu-hôn (dirimant) cho các giáo-sỹ từ tùy-phó-tế trở lên.

Song vì phong-hóa suy-đời rồi, nên khoản luật ấy không biến cải nổi tình thế. Phải chờ đến thế kỷ XVI và XVII, nhờ công-đồng Trente và cố gắng của bao bậc hiền đức, luật độc thân nói trên mới có thể được áp

dụng nhiệm chính. Việc thành lập các chủng-viện đã góp phần vào sự thành công ấy nhiều nhất, đồng thời mang đến cho giáo-sỹ một tinh thần và một sắc thái phần nào giống với tu hành.

Bên Cận và Trung-đông, cũng ngay từ đầu thế kỷ IV, nhiều công-đồng địa phương cũng cấm giám-mục, linh-mục và phó-tể không được kết hôn khi đã thụ-phong. Ít lâu sau, luật ấy nói rộng đến tùy-phó-tể nữa. Có điều như ta thấy, là người ta có thể kết hôn trước khi thụ-phong, và thụ-phong rồi, người ta được tiếp tục sống nếp sống gia-đình đã có. Công-đồng Trullo (692) ấn định thêm rằng các giám mục phải giới dâm hoàn toàn, còn các giáo-sỹ dưới thì giới dâm trong thời gian thi hành chức vụ thiêng, nghĩa là gần trước khi cử hành lễ Misa (1). Còn theo thói quen, thì người ta chọn giám-mục trong giới tu sỹ, và linh mục trong giới những người có gia đình.

Ở giáo hội thuộc đế quốc phương đông (byzantin), cả tùy phó tể cũng bị cấm kết hôn. Trái lại, ở Tây-Á (Syrie, Coptes, Arménie) phó-tể được kết hôn. Còn đối với giám-mục, thì đâu đâu cũng buộc sống độc thân.

Đối với Công-giáo thuộc nghi điển « Đông-phương » (2), thì bộ *Giáo-luật Đông-phương* cấm kết hôn kể từ chức-vị tùy phó-tể, nhưng cho tiếp tục hôn-nhân những ai đã có gia-đình trước rồi. Tuy nhiên, ảnh hưởng các thừa-sai Tây-phương dần dần đã hướng giáo-sỹ về lối sống độc thân, và có nhiều miền, bằng luật chế cấm giáo-sỹ kết-hôn, trừ trường-hợp được giám-mục cho phép.

Gần đây, tại một vài nơi, người ta nhận thấy tín hữu càng ngày càng sa sút

về tôn-giáo, bởi lý do giáo-sỹ kết-hôn không còn nhiều, mà giáo-sỹ độc thân thì lại bị cô độc khó sống giữa những miền hoang vu hẻo lánh, nên một vài chủng-viện đã được thiết lập, nhằm mục đích huấn luyện những người đã có gia-đình để làm linh-mục.

Xem như thế, chỉ vì nhu cầu mục-vụ, mà đôi khi giáo-hội phải tiếp nhận những người có gia-đình rồi vào làm linh-mục. Nhiều hay ít, linh-mục độc thân vẫn được ưa chuộng hơn, vì họ không thuộc về một người, do đó thuộc về hết mọi người, và cũng vì các linh mục kết hôn thiếu huấn luyện chu đáo.

Xét về lý thuyết, sự độc thân « không phải là một đòi hỏi xét theo bản tính linh-mục », đúng như khoản 16 sắc lệnh *Presbyterorum ordinis* nói rõ. Nó chỉ thích hợp hơn với chức-vị thiêng liêng và đáp ứng hoàn toàn hơn với nhu cầu giáo-vụ mà thôi. Cho nên, cũng vì nhu cầu giáo-vụ, có thể một ngày kia, giáo-hội La-mã sẽ nói rộng phần nào khoản luật độc thân ấy, dù nếp sống độc thân, cùng với tinh thần hiến thân phải kèm theo, bao giờ cũng cần được triệt để khuyến khích. Còn nếu như tính cách cưỡng chế kia mất đi, thì e rằng nếp sống độc thân khó có thể được bảo toàn, và mức sống đạo-hạnh của giáo-sỹ cũng giảm sút theo, cho đến gần ngang với của tín-hữu thường. Gương Triều-tiên và Nhật-bồn thực rõ như ban ngày. Bên hai nước ấy, từ lâu các nhà sư Phật-giáo đã kết hôn, và ngày nay riêng bên Nhật, số độc thân còn lại rất ít và

(1) Thời đó, linh-mục không làm lễ hàng ngày.

(2) *Tiếng Đông phương* ở đây chỉ các giáo hội ở về phía đông Âu châu và theo nghi điển khác với của giáo hội La-mã.

già nua. Riêng dân chúng thì vẫn kính trọng những nhà sư độc thân hơn. Gần đây, chính phủ Nam-Hàn ra luật, dành cho tăng-lữ sống độc thân những đặc ân mà người kết hôn không được, khiến cho một vài nhà sư có gia-đình đã tự thiêu để phản đối. Cuộc tranh đấu bình như không mấy kết quả, có lẽ vì không tìm được hậu thuẫn nơi dân gian. Các dân-tộc Đông-phương vốn sẵn có một truyền thống tu hành xuất thế rất cao, nên hơn ai hết, họ phải nghĩ rằng đi tu là xuất thế, và dấu hiệu căn bản nhất của xuất thế là từ bỏ giàu sang và từ chối những lạc thú của thế xác. Vì thế, hẳn là họ coi những vị sư kết hôn chỉ như tu-sỹ hạng nhì thôi.

Độc thân và tu hành

Chúa Giêsu đòi hỏi các môn đồ chính tông của Ngài một tinh thần thoát tục hoàn toàn để phục vụ Nước Chúa. Sự thoát tục ấy phải được thể hiện bằng hai điều từ bỏ: từ bỏ gia-đình (làm thái-giám vì Nước Trời) và từ bỏ của cải (mang sản-nghiệp phân phát cho người). Kèm theo đó, còn hai điều nữa như nũa: « vác thập-giá hằng ngày của mình » và « theo Ta », nghĩa là bước vào con đường nên thánh, tận hiến cho Nước Trời.

Những đòi hỏi ấy không nhằm hoàn toàn vào giáo-sỹ, vì giáo-sỹ không phải là tu-sỹ thực-thụ, ít là bởi lý-do họ không phải từ bỏ của riêng. Giáo-sỹ thừa nhận quyền-hành của các tông-đồ, nhưng không bó buộc tiếp nhận tất cả truyền-thống « bỏ mình » của các tông-đồ. Vậy con đường Chúa Giêsu vạch ra cần phải được thực

hiện nơi một nhóm người khác, những tu-sỹ chính cống.

Những người đó đã được thúc đẩy do *Bài giảng trên núi*, bài giảng sau này đã ảnh-hưởng sâu xa đến cả Tolstoi và Gandhi. Nếp sống của họ là một thể-hiện cần thiết của tinh-thần thoát tục, y hệt như trong các tôn-giáo lớn khác. Không biết rằng họ có chịu ảnh-hưởng của nhóm người Do-Thái Esséniens hay không? Những người này, như khám phá Qunrân cho biết, tự xưng là tín-đồ Do-thái-giáo chính tông, là « con cái ánh sáng » đối lập với « con cái bóng tối » danh-từ dùng để ám chỉ những người không thuộc Do-thái và Do-thái-giáo, hoặc những người Do-thái-giáo không trung thành với đạo.

Nhóm người Esséniens sống đông đảo giữa một miền hoang-vu.

Trước năm 1947, chỉ có Plinie l'Ancien và hai sử-gia Do-thái: Flavius Josèphe và Philon d'Alexandrie nói về họ. Plinie tả đúng vị trí chỗ họ ở: phía Tây Biền-Chết và phía bắc Engaddi. Trong cuốn « Lịch-sử thiên-nhiên », Plinie viết:

— « Đó là một dân-tộc có một không hai và đáng tán dương trên khắp hoàn cầu, vượt xa những dân-tộc khác: giữa họ không có một người đàn bà nào và họ hoàn toàn thoát ly biên tình: họ không tiền bạc và chỉ có các cây lá tán làm bầu bạn thôi... »

Nhưng theo Josèphe, thì có một nhóm người Esséniens chấp-thuận việc có thể kết hôn. Những cuộc đào quật trước 1966 minh chứng sự độc thân của loại người này. Cho mãi đến 1966 và 1967, nhà cổ-học S H. Steekoll bỗng

nhiên tìm thấy ba bộ xương phụ-nữ trong số 11 mộ được khai quật. Dù sao chẳng nữa, chắc chắn là phần lớn những người Esséniens, nếu không phải là hầu hết, đã sống độc thân và thanh-bần cộng-đồng, đã hy sinh tất cả để phụng-sự Thiên-Chúa.

Vả lại, thời xưa bên Tây-phương, cũng có lẽ tẻ một vài truyền thống tu hành, như cộng-đoàn Druides ở miền Bretagne, những Theraputes nhắc đến trong Philon và những đạo sỹ Tân-Platon-phái, v.v

Dù những nhóm tu-sỹ kể trên có ảnh-hưởng đến nếp sống tu hành Ky-tô-giáo buổi ban đầu hay không đi chẳng nữa, thì ai muốn thoát tục tự nhiên cũng nghĩ đến hai cái lạc thú to lớn nhất và « nặng-nề » nhất cần phải từ bỏ : lạc thú phu-phụ và lạc thú giàu sang.

Hồi thế kỷ II, nhiều văn kiện như của thánh Ignace d'Antioche đã từng đả động tới những đạo-sỹ và trinh nữ, những người đã bỏ đời để tận-tâm phụng-sự Thiên-Chúa. Nhưng phải chờ đến thế kỷ III, lối sống tu hành mới trở nên rõ rệt và có văn-kiến chứng-minh. Khi đó, một tín-hữu có tên Phaulô lần tránh sự tầm nã giáo-đồ thời hoàng-đế Dèce, vào nương náu trong miền Thébaïde hoang vu. Ở đấy, ông đâm ra ưa thích lối sống ăn dật và sự khổ hạnh, và ông cứ sống như thế cho đến chết. Kể đến Antoine, cảm động vì

câu Phúc-âm « nếu con muốn toàn thiện, hãy bán sản-nghiệp... », đã từ bỏ tất cả để vào tu trong sa mạc, ở đó ông quy tụ dần dần một số đông đệ-tử và mở đường cho lối sống dật-sỹ (ermites). Sau ông, đến lượt Pacôme thành lập những tu-viện (monastères) đầu tiên và Basile viết nên cuốn luật tu-hành.

Bên Âu châu, đời sống tu hành tới muộn hơn một vài thế-kỷ. Bộ luật tu hành của thánh Benoit, viết hồi thế-kỷ VI tại Monte Cassino, ấn định rõ cho tu-sỹ hằng năm phải ăn chay bảy tháng và kiêng thịt suốt đời. Thêm vào đấy, mỗi người phải trải qua một thời gian tập-aur (noviciat), phải đoan nguyện Tùng-phục, Khiết-tĩnh và Thanh-bần.

Hồi đầu, tu hành thường có nghĩa là ăn dật. Nhưng rồi người ta nhận thấy nếp sống Ky-tô-giáo lý-tưởng phải rập mẫu nếp sống của các tông-đồ : vừa thoát tục lại vừa tuyên giảng Lời Chúa nữa, và chính tu-luật Augustin cũng nhắc nhở đến điều thứ hai này. Đồng thời, về phía giáo-sỹ, thánh Pierre Damien cũng kêu gọi họ trở về với nếp sống của các tông đồ xưa, nghĩa là từ bỏ của riêng để sống chung với nhau, đồng thời với việc hằng say tuyên giảng Phúc-âm. Do đó, bắt đầu mọc lên cho một số giáo-sỹ những « nhà tông-đồ » trong đó họ sống chung với nhau « theo lý tưởng của nếp sống tông đồ ».

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Như thế, trong suốt lịch sử Ky-tô-giáo, giáo-sỹ và tu-sỹ vẫn có nhiều cố gắng tiến gần nhau trong cách sống, tu-sỹ thì nhắc nhở mình về bốn phận tông-đồ và giáo-sỹ đề ý nhiều hơn đến thoát tục. Ngày nay, rất nhiều tu hội đã phá vỡ gần hết những bức tường ngăn cách họ với đời. Những người thuộc nhiều tổ-chức mới có danh hiệu là « instituts séculiers » hoàn toàn sống một mình giữa đời và y như người đời, trừ tinh thần thoát tục và ba điều hứa hoặc đoan-nguyện : tòng-phục, thanh-bần và khiết-tịnh.

Chưa bao giờ người tu-sỹ Công-giáo đòi được quyền lấy vợ cả, vì hiểu rằng độc thân là một trong ba điều cốt yếu của tu hành. Nếu bỏ ba điều ấy đi, thì họ không còn chi khác với tín hữu thường. Nói cho đúng ra, họ chẳng cần phải ở lại làm tu-sỹ nữa, vì khác với Phật-giáo, một Ky-tô-hữu thường vẫn có thể được giải thoát và nên thánh — dù khó khăn hơn — nếu gắng sống thoát tục và hy sinh trong gia-đình của mình.

Vả lại, khổ hạnh đối với Ky-tô-giáo

không phải chỉ mục đích giúp con người dễ siêu thoát, mà còn cần thiết như một hành vi đồng khổ để đồng cứu chuộc với Chúa Ky-tô nữa. Cho nên, khổ hạnh có một sắc thái riêng trong Ky-tô-giáo và là cốt yếu của đạo. Sự sống độc thân cũng nằm trong chương trình khổ hạnh đó, và là biểu hiệu thích ứng nhất cho khổ hạnh. Cho nên tu-sỹ và bán-tu-sỹ, tức linh-mục, với lối sống độc thân họ vui lòng tiếp nhận trong toàn bộ của chương-trình khổ hạnh và cứu chuộc, sẽ là bằng chứng hùng hồn cho Siêu-nhiên và ánh sáng dẫn lối cho trần gian, nhất là giữa cảnh phong-hóa suy đồi và duy-vật chủ-nghĩa của thời đại này.

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

Kỳ sau . VI. Hôn-nhân với tu-sỹ
Ấn-giáo và Phật-giáo

(1) Trong Phật-giáo phải cần đến tam bảo mới được giải thoát. Tam bảo đó là : Phật, Pháp (dharma) và Tăng (sống tu hành).

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ



Nhức đầu
• Nhức
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY:

TỰ' LỰC

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP,

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Toán số với càn khôn

(Tiếp theo B. K. số 316)

Luận-lý ký-hiệu

Cùng với thuyết toàn-bộ, luận-lý ký-hiệu hay biểu-tượng có liên-quan với thuyết nhóm của Galois. Toán-gia Anh George Boole (1815 - 1864) ngoài công-trình khác về toán đã sáng lập đại-số luận-lý của thế-kỷ 19 và nhờ đó vạch đường cho luận-lý ký - hiệu (được Wittgenstein, Russell, Carnap, v.v. sau này khai diễn). Boole xuất bản năm 1847 sách phân-tích toán về luận-lý (*Mathematical Analysis of Logic*) và năm 1854 cuốn Luật tư-tưởng (*Laws of Thought*). Ý căn bản của Boole là nếu đề đơn-giản của luận-lý có thể dùng ký-hiệu đúng đắn, tương-quan giữa hai mệnh-đề có thể đọc như phương-trình đại-số. Trong thực tế, Boole lập ra ngành toán gọi là đại-số Boole áp-dụng trong máy điện-tử và cả trong việc biện-hộ tư-pháp.

Luận-lý ký-hiệu chỉ xét đến hình-thức của đề, không quan-tâm đến nội-dung hay ý-nghĩa. Hình-thức với nội-dung được phân biệt nhờ một ngữ đặc-biệt. Ngữ này phải chính - xác, không chất chứa những ý hàm-hồ, bóng bẩy, uyển-chuyển như trong một ngôn-ngữ thông thường. Một luận-lý ký-hiệu là một hệ-thống biểu - tượng

theo luật cấu tạo nhất định, và vì thế, có thể xây dựng rất nhiều hệ-thống.

Toán về mệnh-đề sẽ định lối ký-hiệu cho những ý : *và* (hay *với*), *hay là* (hoặc), *không*, *nếu*, *vậy thì*, v.v.. Nhiều nhà luận-lý dùng biểu-tượng khác nhau. Phần lớn chỉ mệnh-đề bằng p hay q , liên-kết thì viết sát pq , nghĩa là mệnh-đề p và mệnh-đề q , đề p hay đề q sẽ viết pvq (v là dấu hiệu *hay là*). Phủ nhận đề p , hay không phải đề p sẽ viết np , vv...

Có những nhà toán-học và triết-học nghi rằng có thể dịch Thánh Kinh bằng luận-lý ký-hiệu để tránh được những sự giải-thích sai lầm hay trái ngược. Trong khi chờ đợi, giáo-sư triết Ernest Nagel, ở đại-học Columbia, đã dịch một đoạn truyện Alice vào xứ thần tiên (*Alice in Wonderland*) của Lewis Carroll.

Không phải chỉ vì tinh-thần khoa-học và toán-học đương thời đã chi-phối công việc nghiên-cứu trên, sinh ra những kết-quả có vẻ lập-dị và có giá-trị còn hạn-chế, kỳ thật, trong xã hội hiện nay, vấn-đề ngôn-ngữ đã được đặt lại một cách cần-thiết khẩn cấp, vì ngôn-ngữ (bất luận tiếng nước nào) không còn phải là danh-nghĩa con người nữa, không còn tác-dụng chuyển-thông nữa.

Nhiều yếu-tố chủ-quan đã làm hư-hỏng ngôn-ngữ, dấu-hiệu, tác-hiệu, thụ-hiệu, nghĩa-lý không còn ăn khớp với nhau. Môi-trường xã hội biến-đổi cũng thay đổi không ngừng nghĩa của danh-từ. Người nói chuyện với nhau như những người điếc, một chữ nói lên gây nhiều âm-hưởng, và tùy theo ý muốn hay nhu cầu của ai sẽ chọn lấy những âm-hưởng nào thuận-lợi. Giữa những cơ-cấu chính-trị, xã-hội hay tôn-giáo, ngôn-ngữ càng thấy tỏ rõ vô-hiệu của mình. Thế nào là dân-chủ? Thế nào là xâm lăng? Thế nào là đàn áp? Càng nói chừng nào, những người « đối thoại » lại càng thấy xa nhau hơn nữa. Khung-cảnh, thời-gian, địa-vị, uy-thế của người này, người kia, phe này, phe kia, v.v. làm cho sự chuyển-thông thêm phức-tạp, chưa nói đến tác-động luận-lý có thể xử-dụng một cách lỏng lẻo hay theo một hệ-thống biểu - tượng xa lạ (:).

Ảnh-hưởng của toán-học đối với triết-học không phải là ít. Những lối chứng-minh và định lý của luận-lý hình-thức hay ký-hiệu chẳng khác ở toán-học, và thành những sự thật phổ quát. Sự thật toán-học không chỉ là thứ tổng-quát tâm-lý, và đối-tượng không chỉ gồm những ảnh tượng tâm-linh. Những số, trái với một mô quan-niệm, chẳng có gì tâm-linh hay vật-lý cả. Frege, cùng hai môn đệ của Brentano, Meinong và Husserl đã chủ-trương có một thế-giới thứ ba (xin lưu ý, chẳng dính líu gì với một danh-từ ấy trong chính-trị), phản-ánh một phần nào chủ-thuyết của Platon, một thế-giới với thực-thể không phải vật-lý, không phải tâm-lý, mà chỉ gồm ý-niệm, số, lớp, đề. Và như vậy, đối-tượng của triết-học đã được xét lại một cách minh-bạch. Triết-lý không

dính líu gì với tâm-lý-học, đã hay sẽ trở thành một khoa-học trong các khoa-học. Triết-lý không phải làm việc quy-nạp, thí-nghiệm hay quan-sát; triết-lý quan-hệ đến ý-niệm, với nguyên-lý toán-học. Thế-giới thứ ba là thế-giới có đối-tượng luận-lý hay nghĩa-lý. Russell góp công xây dựng triết-lý toán-học, cuốn *Tractatus Logico-Philosophicus* (1922) của Wittgenstein nhắc đến sự quan-trọng của việc nghiên-cứu ngôn-ngữ là định vị-trí của luận-lý hình thức và, như thế một bề, vị trí của triết-học nói chung. Công-trình mấy bậc tài ba ấy cần thiết để hiểu những nghiên-cứu hiện-đại về luận lý, về nền tảng toán học, về triết-lý khoa-học. (Bản-chất của vô-cực và liên-tục lúc xưa thuộc về triết-học, ngày nay thuộc về toán-học, Russell.)

Hai địa hạt mới của toán

Ngoài ảnh-hưởng to lớn đối với khoa học chính-xác nhất là đối với vật-lý-học mà những tiến-bộ trong năm mươi năm gần đây bằng tiến bộ của mấy thế - kỷ trước, toán-học đã đặt lại vấn-đề nhận-thức cho nhiều môn học bấy lâu chỉ dựa vào những phỏng đoán trực-nghiệm hay chủ-quan, toán-học thấm nhuần từ tâm-lý-học đến những môn học khác đặt chung dưới danh-từ khoa-học nhân - văn. Với phương-pháp khoa-học hơn, những môn này gần đây đã trỗi dậy một cách mạnh mẽ và kết quả trở nên đầy hứa hẹn. Hệ - thống công-lý được dựng cho mỗi môn; thống-kê và phân-tích nói lên ảnh-hưởng của luận-lý ký-hiệu và toán mới. Nghiên-cứu huyền-thoại hay nghiên-cứu sự-kiện xã-hội

(1) Xem Cung Giũ Nguyên, *Danh và Lý* (sẽ đăng trong *Bách-Khoa*)

cũng đặt vấn-đề cơ-cấu và hệ-thức. Một khoa-học tươi trẻ và phong phú phát-triển thích hợp với nhu-cầu gắt gao của trí-tuệ hiện-đại. Thế-giới thứ ba, thế-giới trừu-tượng của ý-niệm, lượng-số, mệnh-đề, nói rộng phạm-vi của mình. Cuộc phiêu-lưu của tư-tưởng con người, đi từ thách-đố này đến thách-đố khác, chưa bao giờ đạt được những đích cao như vậy, nếu dừng nghỉ đến những tầng bậc cao xa hơn nữa mà trí-tưởng tượng dễ dàng đạt đến mà chẳng có gì kiểm-chứng, hay của ảo-tưởng, trong cuộc say sưa tự-tạo về lời nói, đưa tinh-thần lên, bất chấp luật của trí-tuệ hay luật thiên-nhiên.

Thế-giới toán-học được giàu thêm với hai địa-hạt mới: thuyết trò được-thua, có tác-dụng thật-tế và thuyết vị-tướng nói rộng được kiến-thức về vũ-trụ nhưng đến nay chưa có nhiều ứng dụng trong đời sống thông thường.

Trò được-thua

Toán-gia Đức David Hilbert, từ đại-học Göttingen, gây ảnh-hưởng trong giới toán với công-trình bao trùm những vấn-đề từ đại-số thế-kỷ 19 đến tân luận-lý và vật-lý toán-học. Hilbert chủ-trương tất cả ý toán có thể ăn khớp với nhau một cách hòa-điều và tin rằng bất cứ một vấn-đề toán nào cũng có thể giải được «hoặc dưới hình-thức một giải-đáp thật-sự hoặc là với bằng-chứng không thể có giải-đáp.»

Trong khi đó luận-lý ký-hiệu làm xuất-hiện một định-lý ngộ nghĩnh và cũng gây nhiều ảnh-hưởng cho toán hiện-đại. Gödel, mới 25 tuổi, tìm ra năm 1931 một lối lập-luận rất trừu-tượng — thường được gọi Bằng-chứng Gödel — cho thấy không có ngành toán hữu ích

nào có thể xây-dựng với một hệ-thống công-lý mà không sinh ra ít nhiều vấn-đề không giải-quyết được trong khung cảnh các công-lý ấy. Ví dụ cơ-cấu của hình tam giác vuông không thể kiểm-chứng được với các công-lý của Euclide, mới đưa đến định-lý của Pythagore. Về số-học bằng chứng của Gödel chứng minh rằng tất cả hệ thức giữa những nguyên-số không thể diễn từ bất cứ tiên-qui-đề căn-bản nào. Hệ-thức hay sự thật về số cũng vô-cùng như số. Xét toán-học một cách chung Gödel nghĩ rằng không bao giờ nắm hết cả vấn-đề được và không có một giới-hạn nào cho kết-quả có thể thấu nhận được. Định-lý Gödel gặp phải nhiều sự chống-đối và cười ngạo, vì không hợp với quan-niệm của toán-gia hi-vọng lập cho mỗi ngành toán một hệ-thống công-lý vững chãi, vì làm ngã lòng những nhà nghiên-cứu khi biết rằng không thể khắc-phục tất cả toán-học được. Một trong số này là John Von Neumann, một người đã góp công trong việc chế tạo bom nguyên-tử. Nhưng có công nhiều hơn khi đưa ra thuyết-lý về trò được thua, tỏ ra rất thật-tế trong thời-đại cạnh-tranh ráo riết về muôn mặt này.

Người phương Đông tự hào có những binh-pháp của Tôn-Tử, Khổng-Minh không kém gì binh-pháp của Nã-phá-luân hay của Clausewitz. Dựa vào lý-thuyết các chiến-lược-gia Trung-Hoa, người Việt-Nam (chưa nói đến lị h-sử gần đây) cũng đã biết dùng binh-pháp của kẻ mạnh để đánh lại họ. Tài-liệu được biết đến nhiều là hai cuốn *Vạn-kiếp Bí-truyền* và *Binh-thư yếu lược* của Trần Hưng Đạo, người anh-hùng đã oanh liệt thắng quân Nguyên. Nhưng các thế-trận mang danh Thái cực rạn-

thế, Tiên-thiên tận-thế, Hà-đồ trận-thế hay Bát-môn kim tỏa trận-thế cũng không khác gì những trận-thế của sách binh-pháp Trung-Hoa, vì tất cả cũng do một nguồn gốc huyền ảo và phong phú là *Kinh Dịch* mà sắp đặt. Nếu chính-trị có Cửu trù, địa lý có Cửu châu, toán pháp có Cửu cung, Canh-nông có Tỉnh-điền, thì binh pháp cổ-nhân có Hà-đồ lạc-thư làm cơ-sở. Ảnh hưởng của siêu-hình hay hình-nhi-thượng quá mạnh mẽ trong việc bày binh bố trận. Quan niệm về Thái-cực và phép lý-số chi-phối mọi khai-triển và áp-dụng. Những danh từ cũng không thoát ra khỏi hệ-thống tư-tưởng có sẵn. có quân Động và quân Tĩnh cũng theo luật biến-hóa âm-dương. Những đội mang tên tinh-tú hay ngũ-hành : Nhật-đội, Nguyệt-đội, Phong-đội, Vân-đội, v.v. Nhưng phân-đội của Trung-quân lấy tên các chu-kỳ của Tiên-thiên : Càn, Khôn, Ly, Khảm, Cấn, Đoài, Tốn, Chấn, và có phương-hướng tương-ứng nhất-định, Càn ở phía Nam, Khôn ở phía Bắc, Ly ở Đông, Khảm ở Tây v.v. Dùng tam tài (Thiên, Địa, nhân), Tồn-tử đã đặt ra ba phép cốt yếu của binh-pháp (Thiên-thời, Địa-lợi và Nhân-hòa) đến nay vẫn thường được nhắc đến.

Nhưng chiến-lược chiến-thuật của thời-đại này với những sự khác-biệt về khi-giới, chiến-trường, lượng-số và cơ - cấu các binh - chủng, phải biến đổi nhiều và không thể hoàn - toàn dựa vào những giải - thích siêu - hình hay đạo - lý. Tất cả tiến - bộ về các môn - học, thống - kê, kỹ-thuật dựa trên vật-lý-học, hóa-học, cơ-học, tâm-lý-học, xã-hội-học, toán-học, v.v. đều được đem dùng vào nghệ-thuật chiến-tranh. Trong khung-cảnh phức-tạp hay mới lạ, vấn-đề quan-trọng, cũng như trong khung-cảnh xưa kia tương-đối giản-dị, vấn-đề vẫn là thắng. Dựa vào toán-học rất tế-lợi (việc giải những bài tính khó với những số lớn không còn là chướng-ngại đối với những máy tính điện-tử) tìm ra được những phương-trình để thắng trận, chắc hẳn là một lợi-khí cho phe nào có phương-tiện sử-dụng. Một thuyết như của Von Neumann chắc hẳn đáng được nghiên-cứu, và nhiều giới, không kể đám toán-gia chuyên-môn, đã đem dùng thí-nghiệm.

(Còn tiếp)

CUNG-GIỮ-NGUYỄN

HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC

của KIM ĐỊNH

An-Tiêm xuất bản

Một dân tộc cũng như một cá nhân, chỉ có thể chống lại đoàn lũ hay những tư trào tràn vào gieo rắc phân tán dân tộc mình là khi nào tâm thức dân tộc ấy được tổ chức chu đáo trên một cơ sở tinh thần vững mạnh. Quyền này thử đề nghị một chương trình giáo dục có cơ sở như thế, rất cần thiết cho nước nhà. Thiếu cơ sở thì một nền giáo dục và văn hóa sẽ thiếu xương sống, rất yếu đuối vật vờ...

Nhân vụ tăng giá giấy báo vừa qua
thử nhìn lại tương quan giữa :

Chính quyền và báo chí tại các nước chậm tiến

● TRẦN - ĐẠI

Luật số 019/69 ngày 30 tháng 12 năm 1969 ấn định qui chế báo chí đã được mọi người coi như một tiến bộ đáng kể, một công nhận quyền tự do báo chí của chính quyền.

Đùng một cái, ông Tổng Phạm Kim Ngọc tăng giá giấy báo lên gần 1000/o. Làng báo la hoảng lên : Tự do báo chí bị xâm phạm. Làng báo Việt-Nam vốn nổi tiếng là năm bè bảy mối, lắm nghiệp đoàn, bồng dưc đoàn kết chặt chẽ, nhất quyết một phen sống mái với chính quyền. Các khẩu hiệu được nêu lên đề phản đối là tự do báo chí bị xâm phạm, chính quyền định áp dụng chính sách ngu dân v.v.

Công việc tranh đấu đã kết thúc. Trong phạm vi bài này chúng tôi muốn nhìn lại vấn đề kiểm soát báo chí của chánh quyền tại những quốc gia chậm tiến để có thể hiểu tại sao làng báo lại la hoảng lên như vậy, mặc dù đã có qui chế báo chí.

Tự do báo chí theo luật định

Hầu như hiến pháp của bất cứ quốc gia nào trên thế giới cũng đều công nhận quyền tự do báo chí. Tuy nhiên quan niệm tự do báo chí của từng chế độ không giống nhau. Tại các quốc gia tiến bộ Tây-phương quyền tự do báo chí được bảo đảm. Tất cả tư nhân đều có quyền ra báo, viết báo v.v... theo một luật lệ qui định. Thường thường theo luật này báo chí chỉ không được tự do phạm tới đời tư người khác, tới an ninh quốc gia, và có bổn phận gìn giữ cho xã hội trong sạch, có nghĩa là

không được viết những điều gọi là phạm thuần phong mỹ tục. Tại các quốc gia gọi là dân chủ nhân dân, quyền trên lại được cắt nghĩa một cách khác. Theo lý thuyết của các quốc gia cộng sản, quyền tự do dân chủ là của nhân dân, không thể để cho bọn tư bản hưởng dụng quyền này, vì vậy chỉ có nhân dân mới có quyền ra báo. Mà đại diện cho nhân dân ở trong xã-hội này tức là chánh phủ, bởi vậy chỉ có đảng và chánh phủ, hoặc các cơ quan và tổ chức liên hệ trực tiếp

mới có quyền ra báo. Nhân dân muốn nói gì thì đảng và chánh phủ đã đại diện cho nhân dân nói giùm rồi. Thành thử nhân dân khỏi phải nói?

Hai quan niệm trên tuy có tính cách đối chọi nhau, nhưng lại giống nhau ở một điều, đó là nói thẳng cái quan niệm «tự do báo chí» của mình cho dân chúng rõ. Đó, «quan niệm tự do báo chí của chúng tôi là như thế đó». May mà sinh trong các nước dân chủ, các nhà báo tha hồ nói miễn là không vượt khỏi luật định. Còn nếu sinh vào các quốc gia cộng sản thì đỡ phải nói vì đã có người nói hộ rồi. Chỉ ở các quốc gia chậm tiến vấn đề trên mới sinh lắm điều rắc rối. Một mặt hiến-pháp của các quốc gia này công nhận tự do báo chí, và cũng cắt nghĩa cái quan niệm tự do báo chí này theo Tây-phương. Cá nhân nào cũng có quyền phát biểu cảm tưởng, ý nghĩ của mình. Nhưng mặt khác, lợi dụng những cơ hội hiếm có, các quốc gia này thường ra những đạo luật có tính cách giai đoạn, để ngăn chặn quyền tự do trên. Tuy gọi là giai đoạn, và thường thì hiến-pháp của những quốc gia này bao giờ cũng lớn tiếng nói rằng, nếu có ấn định các giới hạn của quyền này trong một giai đoạn nào đó thì phải qui định rõ ràng khoảng thời gian là bao nhiêu lâu, nhưng trong thực tế những cái gọi là giai đoạn này tại nhiều quốc gia chậm tiến đã kéo dài cả đời người.

Nhiều quốc gia chậm tiến — nhưng cứ luôn luôn thích mọi người gọi là quốc gia đang mở mang — lại dùng nhiều cách bay bướm hơn. Một mặt, trên luật pháp, chánh quyền tại các nơi này vẫn tôn trọng quyền tự do báo chí,

công nhận hoàn toàn, chẳng có một chút xiu giới hạn nào, mặt khác họ lại dùng những biện pháp ngoài luật định để kiểm soát báo chí, để đánh những đòn chí tử vào báo chí. Có thể coi những biện pháp đó như là những miếng võ — như danh từ thông dụng hiện tại — những võ này có nhiều miếng, do nhiều môn phái chánh quyền khác nhau xử dụng.

Xâm phạm quyền tự-do báo-chí bằng luật-pháp

Thằng tay ngăn cấm báo chí nói động tới nhà cầm quyền bằng những đạo luật là một điều mà các chánh quyền thực dân thường làm đối với dân bản xứ.

Trong thời gian chiếm đóng Ấn-độ, Anh quốc cũng đã xử dụng quyền này bằng cách bắt báo chí phải chịu kiểm duyệt và phải xin phép trước khi xuất bản mặc dù rằng, như ông Sommerlad nói trong cuốn *Press in developing country*, nước Anh là một nước đã có một truyền thống lâu dài về tự do báo chí.

Nước đã có tự do báo chí lâu dài còn không nề hà gì kiểm soát báo chí, nói chi tới những quốc gia thực dân khác như Pháp chẳng hạn mà tự do báo chí là một quyền đã bị chết đi sống lại nhiều lần. Tại Algérie, tại Việt-Nam, nhà cầm quyền Pháp đã nhiều lần bắt báo chí phải xin phép, phải chịu chế độ kiểm duyệt v.v... Đó là chưa tới những ký giả nào viết sơ hở, đụng chạm tới chánh quyền là có thể bị khủng bố thẳng tay.

Tại Việt Nam thời Pháp thuộc, trên nguyên tắc, chỉ cần khai báo với biện-ly-cuộc là có quyền ra báo, như luật 29-7-1881 qui định. Nhưng luật nói trên

đã bị tạm đình-chỉ bởi luật ngày 13 tháng 12-1941 buộc phải có giấy phép mới được xuất bản báo chí. Sự tạm đình chỉ này kéo dài cho tới ngày người Pháp về nước và còn được duy trì đến tận ngày ban hành qui chế báo chí trong năm 1969 !

Nhiều nhà báo Việt đã bị đưa ra tòa và ông Nguyễn-văn-Sâm vì tranh đấu cho tự do báo chí mà đã bị đưa đi an trí.

Việc bóp nghẹt báo chí của các chánh quyền thực dân tại các thuộc-địa chỉ nhằm một mục đích duy nhất : bóp nghẹt sự tranh đấu cho nền độc-lập của những quốc gia này.

Thực dân ra đi, luật pháp thực dân còn ở lại

Tại các quốc gia chậm tiến, cựu thuộc địa của các cường quốc, các chánh phủ đuổi được người ngoại bang, hoặc đã được ngoại bang trao trả lại độc lập, đã giữ y nguyên những nguyên tắc thu hẹp quyền tự do báo chí. Có quốc gia đã làm lơ cứ để y nguyên luật lệ cũ mà áp dụng. Có quốc gia chịu khó sửa đổi đi đôi chút. Nhưng mới hay cũ vẫn giống nhau, nghĩa là giống như thời thực dân cũ.

Không những thế luật lệ của họ còn có phần tinh vi hơn. Thí dụ như dưới thời thực dân các báo chí tại một vài quốc gia kém mở mang đã trả đũa sự kiểm duyệt của chính quyền bằng cách để trống những khoảng trắng. Việc để trống những khoảng trắng đó có tác dụng là thu hút được sự chú ý của dân chúng. Tờ báo sẽ được nhìn như tờ báo dám chống đối, dám nói mạnh, do đó số báo bán được sẽ tăng lên.

Nhưng khi các quốc gia thâu hồi được

độc lập chính quyền đã bắt các nhà báo không được để những khoảng trắng như vậy nữa. Sự kiểm duyệt tuy có, nhưng bỗng trở nên âm thầm thâm độc và không độc giả nào đoán ra nổi.

Dưới thời Tổng Thống Ngô-đình-Diệm, báo chí đã phải theo nguyên tắc kể trên. Ngay cả khi xuất bản một cuốn sách người xuất bản hiện nay vẫn nhận được một tờ giấy phép với những hàng ghi chú : những chỗ gạch bỏ không được những khoảng trắng, phải in liền lại.

Tại một vài quốc gia, việc ra báo vẫn phải được Bộ Thông Tin cho phép. Có quốc gia phải được phép của một Bộ gọi là Bộ Tin-tức và Hướng dẫn (Ministry of News and Guidance). Nhiều quốc gia còn giới hạn quyền ra báo cho một số người khoa bảng, hoặc có những điều kiện thật đặc biệt (tại Hồi Quốc, Ba Tây, Chí Lợi, Cam Bốt, Togo). Ở Libyan, muốn ra báo ít nhất phải đủ 25 tuổi, không can án, phải hiện diện ngay ở địa phương muốn xuất bản báo, không liên lạc âm mưu với bất cứ một cơ-sở công cộng nào và phải qua một một kỳ thi về Sử-ký Libyan, về Hiến pháp và luật lệ báo chí. Nghĩa là, dù ông là ai chẳng nữa muốn ra báo cũng phải thi cái đã và thi mà rớt thì ông có đậu tiến-sĩ, cũng chỉ được hành một cái nghề bình thường là dạy ở Đại-học chứ đừng hòng hành nghề cao quý là ra báo !

Vì quốc gia hay vì « cuộc vào »

Tất nhiên, các chánh quyền của những quốc gia chậm tiến cứ để nguyên luật báo chí cũ mà xài không phải là vì làm biếng, Có lý do hẳn hoi. Lý do đó được cắt nghĩa một cách

ngghiêm trang chứ không cà rỡn. Tại Liên-hiệp-quốc, năm 1958, khi bàn về tự do báo chí, những quốc gia chậm tiến đã phản đối cái quan niệm gọi là tự do báo chí. Họ đã không đồng ý về điều khoản 12 và 19 của bản Tuyên ngôn nhân quyền. Điều 12 nói rằng tất cả mọi người có quyền phát biểu ý kiến mình, không biên giới gì hết và, cũng như tình yêu, không sợ ai ngăn cản. Điều 19 giới hạn quyền trên, bao gồm những điều căn bản mà báo chí không được phép đụng tới như xâm phạm đời tư của người khác, an ninh quốc gia và xâm phạm thuần phong mỹ tục. Ngược lại, họ cho rằng tại các quốc gia đang mở mang của họ, muốn cho mở mang nữa, thì phải hạn chế quyền tự do báo chí. Vì chế độ của họ là chế độ dân chủ hướng dẫn, chứ có phải dân chủ thực sự đâu? Báo chí cần phải được hướng dẫn, vì nhiều lý do. Nếu quốc gia đó là quốc gia thanh bình, sự hướng dẫn báo chí, theo những người này, có điều lợi là có thể thực thi được chính sách của chính quyền. Mà chính sách có nhiều điều cao quý như nâng cao mức sống dân chúng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội v.v. Nếu để cho bọn nhà báo thường hay ngửa mặt đã đồng tới các chuyện trên thì hỏng kiêu. Chính sách khó thì hành. Dân chúng lại nghe theo những bọn nhà báo, vốn hay nói, nhưng rất dốt nát kia, thì sao? Hơn thế nữa kiểm soát báo chí chỉ lợi cho những ký giả vì theo những người này, kiểm soát báo chí là nhằm mục đích nâng cao nền báo chí tại quốc gia họ. Báo chí sẽ được tài trợ, được gửi ký giả đi tu nghiệp v. v.

Cắt nghĩa như vậy tất nhiên được nhiều quốc gia thẳng thắn phát biểu, không những tại Liên-Hiệp-Quốc, mà còn tại nhiều hội nghị quốc gia quốc tế khác nữa. Trong kỳ hội thảo về báo chí tại Strasbourg vào năm 1960, hai nhân vật thuộc quốc gia đang phát triển cũng bày tỏ quan điểm của họ. Ông Diop Obey, Tổng trưởng Thông tin Sénégal, sau khi nói rõ về nhiệm vụ của ký giả tại quốc gia ông là đóng góp vào việc phát triển quốc gia, và nước ông vẫn công nhận tự do báo chí — dù chỉ kiểm duyệt báo chí có một chút xíu thôi — ông thêm rằng: "Mọi người đều biết rằng yếu tố lịch sử đã định sự thành hình của quốc gia trẻ chúng tôi và định khung cảnh kinh tế và xã hội của quốc gia đó, đã bắt các ký giả phải tự bó buộc trong quốc gia chúng tôi, và như vậy chắc chắn giới hạn quyền phát biểu tư tưởng của họ".

Ông Smail Boulahia, là một ký giả của tờ El amal của Tunisie cũng xác định: "Ý thức được hoàn cảnh, chánh phủ đã thành lập một cơ quan hướng dẫn thông tin giữ nhiệm vụ tổ chức lại báo chí để báo chí giữ một vai trò hợp với một xứ sở độc lập, liên hệ với những nguyên tắc tự do và dân chủ" và cái vai trò đó là « hướng dẫn và xây dựng quần chúng trên đường phát triển quốc gia và quốc tế ».

Những lời phát biểu của những người đại diện, không phải hoàn toàn nguy hiểm. Vì thực ra, báo chí tại một quốc gia chậm tiến, ngoài nhiệm vụ thông tin; cũng phải đóng góp vào công việc phát triển quốc gia. Công việc này không riêng gì của báo chí mà là của toàn dân, từ ông Tổng thống cho tới người « dân ngu cu đen » cũng phải làm.

Thế nhưng, sự giới hạn quyền căn bản của con người nhiều khi chẳng phải cho quốc gia mà cho một cái gì gọi là «cuộc vào». Cuộc vào tiền bạc, vợ con và nhiều thứ khác cho một số nhà lãnh đạo tại các quốc gia này hơn là cho quốc gia. Ông Sokarno có tới 3, 4 vợ. Lại nữa có lần, tại một quốc gia thuộc Châu Mỹ La tinh, ông Tổng thống đã truyền ngôi cho con. Ông con này lại thuộc loại ăn chơi khét tiếng. Ông bắt bồ với nhiều nhân tình, kể cả các đào hát bóng Mỹ quốc, ông mua du thuyền đi chơi khắp thế giới. Nhiều khi dân chúng tại những quốc gia chậm tiến mới ngã ngửa người ra khi thấy các nhà lãnh đạo của quốc gia mình đã phát triển về kinh tế gia-đình hơn là kinh tế quốc gia. Báo chí thỉnh thoảng lại công bố vài danh sách những ông bự tại các quốc gia đang kiểm soát báo chí để phát triển ấy, những con số trưng mục cùng số tiền khổng lồ để ở ngân hàng Thụy-sĩ, (ó tiếng là bảo đảm bậc nhất.

Như vậy, có những nhà lãnh đạo kiểm soát báo chí là để phát triển quốc gia, nhưng cũng không thiếu gì các nhà lãnh đạo kiểm soát báo chí vì lý do «cuộc vào».

Đó là trong một quốc-gia ổn-định, không có những biến cố quan trọng xảy ra, không có những chống đối bạo động, không có chiến tranh. Nhưng nếu tại những quốc gia này có binh biến, sự kiểm soát báo chí sẽ đứng trên tiêu-chuẩn là vì lý do quốc phòng và an ninh quốc gia. Thực vậy, điều này không phải riêng các quốc gia chậm tiến, mà ngay tại các quốc gia tiến bộ luật pháp cũng quy định sự giới hạn trên. Chiến tranh lan tràn, tự do báo chí phải thu hẹp lại. Tại Algérie, sau khi đảo

chánh ông Ben Bella, chánh quyền mới tái lập lại chế độ kiểm duyệt. Tại Sénégal, theo ông Diop Obey, sau biến cố ngày 19 và 20 tháng 8-1963, chánh quyền cũng đã lập chế độ kiểm duyệt. Không riêng gì quốc gia chậm tiến, mà trong kỳ thế chiến 1914-1918 và 1939-1945, hầu hết các quốc gia tham chiến đều phải lập chế độ kiểm duyệt báo chí.

Tuy nhiên có hai điều khác biệt giữa quốc gia chậm tiến và những quốc gia tiến bộ.

Tại những quốc gia Tây phương khi có kiểm duyệt báo chí, chế độ đó chỉ áp dụng trong khoảng thời gian có chiến tranh và hết chiến tranh là chế độ đó chấm dứt ngay. Còn tại các quốc gia chậm tiến không hiểu vô tình hay cố ý, sau thời gian chiến tranh hay biến động, quý vị trong chánh quyền thường quên mất là phải bỏ chế độ kiểm duyệt, và cứ để nguyên như thế để xài suốt trong thời gọi là thái bình thịnh trị. Riêng tại Việt-nam người viết phải ghi nhận một điểm son của chánh quyền đối với báo chí là sau ngày 11-11-1963 chế độ kiểm duyệt chỉ có tính cách giai đoạn. Hơn thế nữa, với qui-chế báo-chí mới ban hành ngày 30 tháng 12 năm 1969, điều 2 của điều khoản căn bản đã ghi nhận : «chế độ kiểm duyệt báo chí không được chấp nhận», mặc dù Việt-nam Cộng-hòa đang ở vào thời kỳ chiến tranh.

Điều khác biệt thứ hai của các quốc gia tiến bộ và các quốc gia chậm tiến về việc kiểm soát báo chí trong thời chiến, là cách thức kiểm soát ở hai quốc gia khác nhau. Người ta nhớ rằng trong cuộc thế chiến thứ hai, đại B.B.C của Anh quốc vẫn có thể loan những tin chính xác, hoặc đôi khi có điều bất

đồng ý-kiến với chính phủ, nhưng đài này lại cũng vẫn là một ph rơng tiện, một niềm hi vọng cho dân tộc Châu-Âu thời bấy giờ, với những bài sưởi ấm niềm hi vọng của những dân tộc bị chiếm đóng, và những bài diễn văn trấn an lòng người một cách hữu hiệu của Thủ-tướng Anh Winston Churchill gửi cho dân chúng Anh và cho các dân tộc trên toàn thế giới.

Ngay tại Ấn-độ, trong cuộc tấn công của Trung Cộng vào biên thùỵ Ấn vào tháng 10 năm 1962, nhà cầm quyền Ấn, cũng theo như các quốc gia dân chủ khác, đã hạn chế một vài phạm vi của quyền tự do báo chí vì lý do an ninh quốc gia. Nhưng điều lo xa của chánh phủ gặp phải những bất ngờ. Tất cả báo chí Ấn-độ bỗng dưng đoàn kết thật chặt chẽ để ủng hộ chánh phủ chống lại quân thù. Có một điều mà theo bản phúc trình của cơ quan UNESCO trong năm 1962-63 khiến mọi người phải ngạc nhiên, là mặc dù báo chí Ấn vẫn thận trọng với vấn đề bảo đảm bí mật cần thiết cho quốc gia trong một tình trạng thật nguy khốn, mà vẫn thông tin cho dân chúng một cách khách quan, và vẫn có quyền chỉ trích chính phủ ở bất cứ lãnh vực nào thấy xét ra cần thiết.

Trong khi đó, tại một số lớn các quốc gia khác thuộc Châu Phi, Châu Á, và Châu Mỹ La-tinh chính quyền lại nắm lấy cơ hội thời chiến để cấm đoán báo chí nói tới những điều có lợi cho cộng đồng, nhưng dĩ nhiên có hại cho tập thể lãnh đạo của quốc gia đó.

Như vậy dù trong thời chiến, cũng không thiếu gì chánh quyền nhân danh

quốc-gia để « cuốc vào » cho cá nhân các vị nắm quyền hành.

Các biện pháp dùng để ngăn chặn quyền tự do báo chí, theo luật định, gồm có : thẻ lệ xin phép : (ai muốn ra báo phải xin phép trước) kiểm duyệt những bài báo chống đối chính quyền, đình bản báo đối lập, tịch thu những tờ báo có bài nguy hiểm, và sau cùng đưa ra tòa để truy tố tác giả những bài báo đã vi phạm luật lệ v.v...

Võ hội chợ

Trên đây là những cách kiểm soát những điều trình bày trên báo chí bằng luật pháp.

Tại những quốc gia khác việc kiểm soát báo chí không dựa vào luật pháp, nhưng dựa vào nhiều điều khác, ngoài cái gọi là qui chế báo chí. Những cách kiểm soát này có tính cách tế nhị, không khác gì Ông Tổng Phạm Kim Ngọc có lần đã bảo : « Xăng có phải là nhu yếu phẩm hay không, là một điều tế nhị ! » Những cách này phần nhiều không thẳng thắn. Nó giống như một địch thủ đánh võ, miệng thì cười nói với đối thủ báo chí là : Anh không sợ gì tôi cả, tôi công nhận quyền của anh, nhưng trong khi đó, lại lừa lúc bất ý của ông bạn to miệng này mà đấm một phát vào sườn cho hằn qui luôn. Nếu hằn không qua bên kia thế giới thì cũng bại liệt tứ chi, hết cả la lối. Bởi vậy những cách kiểm soát này có thể quan niệm như là các thế « võ ».

Cái thứ võ có vẻ lộ liễu nhất là võ hội chợ.

Hành động võ hội-chợ này được xử

dụng ngay bằng tay chân. Chính quyền tổ chức người tới biểu tình đập phá tòa báo, nêu lên lý do này hay lý do khác : hoặc phản bội lại quyền lợi của dân tộc hoặc làm lợi cho địch v.v...

Một trường hợp điển-hình là sự hành xử của chế-độ Péron tại Argentine đối với tờ La Prensa. Những người biểu tình đã vây quanh tòa-soạn này, dùng đá ném bể cửa kính, sau mấy ngày liên tiếp gây khủng hoảng cho thợ in và nhân viên tòa-soạn. Thợ nhà in và nhân viên tòa soạn được bảo đảm an ninh theo như lời hứa của cảnh sát. Nhưng khi các nhân viên tòa soạn bỏ chạy ra ngoài thì không thấy bóng cảnh sát nào và những người biểu tình nổi lửa đốt cháy tòa soạn La Prensa. Kết quả : một người bị giết và 14 người khác bị thương.

Người ta nhớ lại dưới thời của Tổng Thống Diệm cũng có những đoàn biểu tình tới đập phá tòa báo Thời-Luận và làm cho tờ báo này không còn tiếp tục ấn hành được.

Võ kiểm soát các phương tiện để ấn hành một tờ báo

Muốn ấn hành một tờ báo, người làm báo phải có những phương tiện tối thiểu. Những phương tiện đó là tin tức, nhà in, máy in, mực in và nhất là giấy báo. Như vậy muốn làm cho tờ báo thiếu thốn những phương tiện đó, chánh quyền chỉ việc kiểm soát tất cả. Sự kiểm soát này tất nhiên làm các nhà báo trở thành khốn đốn. Tin tức không có, báo chí trở thành nhạt nhẽo, khó bán. Những tin lầm lẫn như «luộc» thông-cáo, ít hấp

dẫn người đọc. Mực in, giấy in không có thì cũng phải bó tay, dù là những nhà báo xuất sắc.

Để thực hiện những việc kiểm soát có tính cách gián tiếp đó, chánh quyền tại các quốc gia chậm tiến thường áp dụng những phương thức sau đây.

Kiểm soát tin tức : chánh quyền có thể kiểm soát nguồn tin, không phân phối tin tức, làm chậm nguồn tin, dùng các hãng thông-tấn quốc-gia để ảnh-hưởng tới báo chí.

Kiểm soát nguồn tin là kiểm soát báo chí một cách gián-tiếp. Chánh phủ sẽ ra lệnh cho các cơ quan không được phổ biến tin tức của mình cho các nhà báo biết. Cách đây không lâu dưới thời Thủ-tướng Nguyễn-văn-Lộc đã có một thông-tư cấm các công chức không được phổ biến các nguồn tin. Nhiều quốc-gia tại Châu Mỹ La-tinh đã trừng phạt nặng nề những người tiết lộ nguồn tin cho các báo chí biết.

Chánh quyền có thể không phân phối tin tức cho những tờ báo được coi là nguy hại đối với chánh quyền. Ngược lại chỉ phân phối tin cho những tờ báo được coi là thân cận.

Các tin tức cần phải nhanh chóng mới ăn khách. Muốn có tin nhanh các nhà báo tại các quốc gia chậm tiến chỉ có thể sử dụng một trong hai cách thông dụng : đánh điện-tín hoặc là gọi điện thoại. Nhưng những phương tiện này lại do chánh quyền của các quốc gia chậm tiến kiểm soát. Muốn làm hại báo chí chánh quyền chỉ việc không truyền tin đó đi, hoặc giữ lại vài giờ thôi cũng

khiến Tòa soạn tờ báo đ.ên đầu. Chỉ vài lần tin tức chậm trễ cũng khiến cho tờ báo giảm sút độc giả trông thấy.

Ngoài ra chánh quyền còn có thể dùng các hãng thông-tấn quốc-gia để kiểm soát báo chí một cách gián tiếp. Các ký giả tại các quốc gia chậm tiến đều biết điều này: vì phương tiện tài chánh eo hẹp, các tờ báo không thể nào sản được tin tức trên toàn quốc, họ cũng không thể tự động nhận tin từ các hãng thông tấn quốc tế. Những công việc này phải do sự trung gian của những hãng thông tấn quốc gia thường được mệnh danh là các hãng thông tấn nhà nước. Các hãng này, với sự tài trợ của chánh quyền, có đầy đủ các phương tiện. Số nhân viên nhiều, máy móc nhiều. Mọi người không lấy làm lạ khi thấy các tin tức, lấy của hãng thông tấn nhà nước, đăng trên các báo của những quốc gia chậm tiến có khi tới 60, 70 % tổng số tin trên các tờ báo đó. Ngoài ra lại chính hãng thông tấn nhà nước nhận các bản tin của những hãng thông tấn quốc tế để phân phát cho báo chí, sau khi đã coi lại để xem tin nào có lợi thì phổ biến có hại thì dìm đi.

Sự kiểm soát tin tức như trên, mặc dù không đụng gì tới qui chế báo chí cả, cũng vẫn làm cho báo chí điêu linh.

Kiểm soát phương tiện ấn loát :

Phương tiện ấn loát gồm có máy in, mực in và giấy in báo. Để kiểm soát những phương tiện này, chỉ cần đặt ra vài luật lệ nhập cảng máy in, mực in, giấy in, một cách khó khăn.

Riêng việc sản xuất giấy báo được coi như độc quyền tại một vài quốc-gia

như Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Nga, Phần-lan và Thụy-điển. Các quốc-gia trên đã cung cấp tới 3/4 tổng số giấy trên thế giới và riêng Gia-nã-đại cung cấp số trên tới quá một nửa.

Việc tiêu thụ giấy báo mỗi lúc một nhiều trên thế giới. Các báo chí trên thế giới với những số phát hành khổng lồ, với những số trang trung bình từ 30, 40 trang, hàng năm đã tiêu thụ giấy rất nhiều. Ông Henri Calvet cho biết trong cuốn *La Presse Contemporaine*, tại Liên-Hiệp-Anh số tiền chi phí cho giấy đối với một tờ báo vào khoảng 65 tới 70 0/0 tổng phí của tờ báo.

Như vậy vấn đề giấy đối với những quốc gia kém mở mạng là một vấn đề khẩn thiết. Chánh quyền có thể vin vào cớ này cớ khác để hạn chế số giấy nhập cảng, số giấy cung-cấp cho báo chí. Thường thì giấy báo được chánh quyền phân phát cho các tòa báo căn cứ vào số lượng xuất bản nhiều hay ít của tờ báo. Tuyn nhiên đó chỉ là nguyên-tắc. Vì tờ báo nào thân với chánh quyền, hoặc ít ra không đả động tới chánh quyền, mới được hưởng những phương tiện về giấy một cách rộng rãi.

Võ đánh vào dạ dày

Nói nôm na, võ này đánh vào những phương tiện dùng để giảm bớt chi phí và nuôi sống nhân viên tòa soạn. Nói cao xa hơn tức là biện-pháp dùng áp lực kinh-tế đối với báo chí nhưng bọn nhà báo thích gọi là võ đánh vào dạ dày.

Võ này cao siêu hơn võ kiểm soát các phương tiện để ấn hành một tờ báo, nhưng lại thoát thân từ võ kiểm soát mà ra. Thay vì kiểm soát một cách trực tiếp các phương tiện trên, chánh quyền

đã dùng những biện pháp kinh tế đối với việc ấn hành tờ báo, tức là làm tăng phí tổn của tờ báo lên.

Võ này có nhiều miếng như tăng giá bán các bản tin của các hãng thông-tấn quốc gia, tăng tiền bưu phí khi gửi tin đi, tăng giá giấy báo.

Tại các quốc gia Á-Phi, những biện pháp này được dùng rất nhiều. Chính quyền tại Bolivie, Mễ-Tây-Cơ, v.v... đều độc quyền nhập cảng giấy và bán lại cho báo chí với những giá do chính phủ ấn định. Tại Ấn-độ việc nhập cảng giấy cũng bị thu hẹp, và khi cần chính quyền cũng có thể bán với giá mà mình muốn.

Có những chính quyền khác lại đánh thuế thẳng thừng vào tờ báo: chế độ của Frondisi tại Argentine vào năm 1962 đã tăng tiền thuế từ 20 0/0 tới 70 0/0 vào giá bán tờ báo.

Những biện pháp này khiến các tờ báo không sớm thì muộn cũng phải đóng cửa. Vì chi phí tăng mà tờ báo sẽ không thể tăng giá thêm mãi được. Có nhiều quốc gia chận tiền số tiền mua một tờ báo bằng 1/5 số lợi tức kiếm được hàng ngày. Và ký giả dĩ nhiên không thể uống nước lã để mà viết. Chỉ còn những tờ báo do chánh quyền tài trợ là có đủ phương tiện mà xuất bản. Và như vậy phải nói tới một thứ võ khác gọi là võ tài trợ.

Võ tài trợ

Võ vừa kể trên nhằm mục đích đánh vào dạ dày của ký-giả làm cho ký-giả đói mà không dám chỉ trích chánh quyền nữa. Võ tài trợ ngược lại làm cho ký-giả no mà không mở miệng được.

Võ này gồm có 3 thể:

— Tài trợ trực tiếp cho những tờ

báo nào chịu nghe theo chánh quyền. Cách này được các quốc gia Trung-Đông và Châu-Mỹ La-tinh sử dụng nhiều nhất. Hầu như đa số các tờ báo tại các quốc-gia này có được tài trợ mới sống nổi.

— Đăng quảng cáo của các cơ quan chánh quyền trên các tờ báo nào chịu nghe theo mình. Quốc gia Pakistan là điển hình cho trường hợp này. Thế võ này bắt buộc võ công các nhà tư bản. Các báo chí tại tiểu bang Ohio của Hoa-kỳ đã ngừng đả kích hãng Standard Oil khi nhận quảng-cáo cho chi-cuộc hãng này.

— Mua chuộc một số ký giả tầm tiếng. Chánh quyền có thể xuất bản một tờ báo rồi mua những ký giả vẫn nổi tiếng là hay đả kích về làm cho tờ báo đó và không cần đòi kiểm soát trực tiếp. Việc này có lợi là nếu tờ báo không nghe theo chánh quyền thì tối thiểu cũng không đả kích chánh quyền nữa.

Võ thẻ ký giả.

Võ thẻ ký giả là một võ kỳ cục nhất, nhưng lại cũng đã được dùng tại Trung-Đông và những quốc gia Châu Phi nói tiếng Pháp.

Chánh quyền tại các quốc-gia này qui định là tất cả những người nào muốn làm báo phải có thẻ hành-nghề ký-giả. Tại Mauritanie những ký giả nào không có thẻ sẽ bị trừng phạt nặng nề.

Điển hình hơn cả là ở Cộng-hòa Mali: tại quốc-gia này có một hội đồng cấp- thẻ cho ký-giả.

Hội đồng này gồm có Tổng-trưởng Thông Tin, hai đại diện chủ báo và bốn đại-diện ký-giả. Điều kiện được cấp phát thẻ? Người ký giả phải kiếm được số lợi tức về nghề báo bằng 600/0 toàn

thẻ lợi tức người đó kiếm được mới được cấp thẻ. Có nghĩa là những giáo sư, luật sư... hành nghề ký giả mà chẳng may số lợi tức của những nghề dạy học, nghề cãi này chiếm hơn 400/o toàn thẻ lợi tức của các vị đó là không được cấp thẻ.

Việc cấp thẻ ký-giả là một điều đương nhiên, vì làm nghề gì phải có chứng-minh - thư của nghề đó. Nhưng những điều-lệ kỳ cục như trên đã làm nản lòng những người muốn bước chân vào nghề báo. Đó là chưa kể các cơ quan này còn có muôn ngàn cách làm khó dễ đối với những ký giả nào thường tỏ ra bướng bỉnh.

Võ Việt-nam ?

Trên đây, chúng ta đã kiểm điểm lại những thể võ kềm soát báo chí mà các chính quyền tại những quốc gia chậm tiến thường sử dụng.

Còn tại Việt-nam thì sao ? Thì cũng có môn phái Võ Việt-Nam :

Bản tin Việt tấ-xã đã tăng giá khủng khiếp mấy tháng trước đây từ 2000đ lên 10 000đ Ủy-ban theo dõi báo chí của Bộ Nội vụ được thành lập Rồi hạ tuần tháng trước, sôi nổi nhất là việc Ông Tổng trưởng Kinh tế tăng giá giấy báo lên 1000/o (mực in đã tăng từ lâu theo thuế Kiệm-ước) và hứa hẹn là các báo có thể được trợ cấp về giấy báo ..

Nhưng các báo chí đã lập Ủy-ban tranh đấu chống biện pháp trên đây và cuộc đánh đấm ông Tổng Kinh của làng báo đã diễn ra thật náo nhiệt, hào tưng : đình bản, cạo đầu... và chưa bao giờ các nhà báo V.N. đoàn kết nhất trí như vậy.

Nhưng khi chính quyền nhượng bộ, chấp thuận miễn thuế cho từ 8 đến 10 ngàn tấn giấy mỗi năm để các nhà

báo tự phân chia lấy thì Ủy ban tranh đấu coi là đã thỏa mãn, đã hoàn toàn thắng lợi !

Có thắng lợi hoàn toàn thực chẳng? Ý kiến rất trái ngược. Có những ký giả như Kiều-Phong, Sức Mấy, Đốc Đá v.v... đã tỏ ra hết sức bi quan, thì lại có vị như Thiên-Hồ hết sức lạc quan. Tuy nhiên thực tế thì chỉ có báo chí là được mua giấy rẻ còn mấy ngành khác cũng thuộc về văn hóa nằm trong cái khẩu hiệu là "chống chính sách ngu dân" hồi còn Ủy ban báo chí tranh đấu, cách đây mấy tuần, như ngành xuất bản tiểu thuyết, biên khảo v.v... thì hãy còn chung số phận với ngành làm giấy gói thuốc bắc, gói chè .. Ông Thiên-Hồ xác định : Giấy nhập cảng là để cho in báo chứ không phải in sách !

Cũng ông Thiên Hồ lại nói rằng : Vấn đề phân chia giấy chắc không gian lận vì có cách riêng. Nhưng trong kỳ họp vào trung tuần tháng 3 vừa qua giữa các nhà báo và Nha Báo chí đề bàn về chuyện chia giấy, thì đại diện chính quyền đã nhỏ nhẹ bảo các nhà báo tranh đấu thắng lợi là : Nếu quý vị khai số giấy tiêu thụ nhiều như thế này thì chỉ tới tháng 7 này là hết giấy in báo !

Ông Tổng-trưởng Kinh-tế vẫn còn đó. Chẳng ai nhắc tới nữa. Thái độ sôi nổi của báo chí xoay chiều nhanh như vậy, khiến các giới có thiện cảm với làng báo ngỡ ngàng. Thẻ thốt, hùng hồ, hứa hẹn, nhưng khi quyền lợi được thỏa mãn, rồi, lại là việc khác.

Đã đến lúc cần phải tự hỏi xem báo chí tiến bộ là vì sự cởi mở của chính quyền, hay là vì luân-lý chức-nghiep của những người cầm bút ?

TRẦN-ĐẠI

TRONG HẦM

Tôi đi theo ông Lợi vào con đường nhỏ chỉ vừa một người đi. Ông Lợi quay lại dặn tôi đừng đi lên cỏ, có chông. Một lúc sau ông Lợi dẫn tôi vào một căn nhà lợp ngói, tường, mái căn nhà trúng đạn sập đổ ngổn ngang. Một người đàn ông, một người đàn bà cùng một đứa bé trai đang bỏ những bó củi tre tro ngừng tay chào ông Lợi và tôi. Ông Lợi bảo tôi ngồi xuống chiếc chông tre đã gãy cả bốn chân, đặt trên nền nhà, rồi ông ta cũng bỏ nón ngồi xuống bên cạnh tôi. Ông Lợi quay sang hỏi người chủ nhà:

— Ở đây tối đông người ngủ không, anh Năm?

— Không có ai, chỉ có hai vợ chồng tôi với đứa con. Còn dư cái hầm đó. Người đàn ông đưa tay chỉ vào cái hầm nhỏ ở góc nhà. Ông Lợi đứng dậy đi lại cái hầm. Ông ta quì gối nhìn vào trong, rồi chui một nửa người vào trong hầm. Lúc đứng dậy ông Lợi nói với tôi:

— Lắm muỗi quá!

Ông Lợi có vẻ suy nghĩ, một lát sau ông dặn lại:

— Anh ngồi đây nghe, tôi lại đằng kia xem có chỗ nào ngủ tốt không.

Tôi nhìn theo ông Lợi đi vào khu vườn hoang cây mọc xanh um. Trời đã nhá nhem tối. Bỗng tôi nghe tiếng

«bụp», tiếng đạn súng cối bắn đi từ một đồn nào đó ở hướng bắc, tôi vội vàng chạy lại chui vào hầm. Hai vợ chồng người chủ nhà với đứa con cũng chạy ra nấp ngoài chiếc hầm đất ở góc vườn. Tiếng nổ nhe xà. Tôi nghe ngóng tiếng đạn bắn đi lần thứ hai.

Vùng này nằm trong làn hoạt động của súng cối từ mấy đồn lính, mà tôi nghe người ở đây nói là lính Đại-hàn. Trong vùng không còn căn nhà nào nguyên vẹn. Vườn ruộng, cây cối cũng bị đạn bom cày nát, sập đổ. Thoạt mới đến, thấy những người đi lại thấp thoáng, thừa thốt trong cảnh điêu tàn tôi có cảm tưởng họ là những hồn ma, và tôi không hiểu họ lấy gì để ăn. Nhưng sau thì tôi biết những người dân còn ở lại đây độ vài ngày lại gánh ra chợ quận một gánh củi, lúc trở về họ đem theo gạo, khoai, mắm, muối... Lúc mới đến, khi chưa nhận ra tiếng «bụp» của đạn súng cối bắn đi, có lần tôi ngạc nhiên thấy những người đang ngồi ăn cơm với tôi thỉnh thoảng cầm bát đĩa chạy ủa cả xuống hầm. Tôi chưa kịp xoay trở thì đã nghe tiếng đạn nổ. Bắt đầu từ đó tôi hiểu. Ở trong vùng này, ngoài sự cần thiết phải ra đi, không ai nên ở xa hầm cả. Cái hầm thế cho những căn nhà đổ nát, và quan trọng hơn hết, nó là vật che chở hiệu quả nhất cho con người tránh được những mảnh bom đạn. Tôi cũng

còn hiểu ở đây, ngoài đôi lỗ tai luôn luôn phải nghe ngóng tiếng « bụp » của đạn súng cối bắn đi từ mấy đồn gần đó và tiếng « ầm ầm » của đạn trọng pháo ở một vài nơi khác bắn tới không kể giờ giấc nào, đôi mắt cũng phải luôn luôn trông chừng những toán lính Đại-hàn xuất hiện bất ngờ trong những khu vườn hoang hay lối xóm vắng ngắt. Sự nghe ngóng trông chừng đã thành một thói quen, như thể nhịp hoạt động của một bộ phận trong thân thể, như nhịp đập của trái tim chẳng hạn.

Hai vợ chồng người chủ nhà cùng đứa con đã chui ra khỏi hầm và họ trở lại làm việc ở ngoài sân. Tôi chui ra nhưng ngồi lại ở miệng hầm. Trời đã tối sầm. Ông Lợi chưa thấy trở lại. Tiếng muỗi kêu như một đàn ong vờ tỏ và chúng bắt đầu chích trên da thịt tôi. Tôi đưa tay vào trong miệng hầm sờ soạng tìm một chiếc quạt mo cau, như tôi vẫn thường thấy trong những hầm khác mà tôi đã ngủ mấy ngày vừa qua, nhưng tay tôi chạm phải một quyển sách — thật đầu tôi tưởng là một quyển sách. Nhưng lúc cầm ra thì không phải là quyển sách mà là một cuốn vở học trò. Tôi đưa cuốn vở lên quạt đuổi muỗi. Chờ tiếng muỗi kêu đã lắng xa, tôi dở cuốn vở ra xem. Đó là một vở học chép những bài học giáo khoa đại số, chương trình đệ lục. Nét chữ mềm mại có vẻ như chữ con gái, nhưng lật ngược xuôi tôi cũng không thấy tên họ người học trò ghi trên cuốn vở ấy. Tôi nghĩ cuốn vở này của đứa con lớn trong nhà và hẳn là con gái. Nhưng tôi chợt nhớ lại lời người đàn ông nói với ông Lợi lúc nãy là chỉ có hai vợ chồng ông ta với đứa con ngủ trong hầm mà thôi, vậy thì chưa

chắc cuốn vở đó đã là của đứa con nào khác của vợ chồng người chủ nhà. Hay là đứa con vợ chồng người chủ nhà đã chết hoặc đã theo một trận công tác đâu xa. Bất giác tôi nhìn chung quanh tìm chiếc bàn thờ. Tôi không thấy chỗ thờ cúng ở đâu cả. Gian nhà trống hoang — tôi đoán đồ đạc người chủ nhà đã đem xuống hầm cả rồi — chỉ có hai chiếc khung cửa đã gãy nát để ở giữa nhà. Vùng này trước kia sống bằng nghề dệt vải và làm nón ; những người con gái làm nón ở đây đã nổi tiếng là đẹp. Chắc gia đình này trước đây cũng khá, và nếu họ có con gái, chắc cô ta cũng đẹp.

Giữa lúc tôi đang suy đoán về cuốn vở học trò ấy, thì tôi chợt nghe tiếng người đàn ông la lên :

— Vào làm gì đấy ? Đi ra ngay.

Tôi quay ra hướng người đàn ông la, tôi thấy người con gái mặc quần áo vàng hết sức dơ bẩn mà tôi đã gặp và thấy nhiều lần ở xóm dưới. Người con gái đứng ở lối vào nhà, tóc rối bù, một tay buông thõng, một tay cầm chiếc quạt cau quạt hờ hững trước ngực. Theo người ở đây nói thì người con gái đó điên, bị hiếp trong một cuộc hành quân rồi mang thai. Tôi nghĩ người con gái đó thật lạ. Có một buổi trưa, lúc tôi đang nằm ngủ trong một cái hầm ở xóm dưới, thì người con gái ấy chui vào. Tôi đoán chừng cô ta đi tìm đồ ăn — như mọi người ở đây đã nói — nên để mặc cô ta mà không hỏi han gì cả. Vì tôi biết trong hầm, lúc đó, không có thứ gì có thể ăn được, ngoại trừ gói bánh của tôi mà tôi gửi mua ngoài chợ quận để ăn cho đỡ buồn trong thời gian tôi chờ người của Mặt Trận đưa tôi trở về nơi tôi đã bị bắt gần một tháng

nay. Người con gái điên đến bên tôi — mũi hơi hám từ người cô ta xông ra rất khó chịu — cô ta chỉ vào gói bánh nói một tiếng :

— Bánh.

Tôi hiểu tiếng đó của cô ta, tiếng của những đứa bé mới tập nói mỗi lần muốn ăn thứ gì. Nhưng tôi cũng giả vờ hỏi lại :

— Bánh, mà sao ?

Cô ta có vẻ lưỡng lự, một lát sau cô ta nói, vẻ e thẹn :

— Cho bánh tôi, tôi...

Tôi chưa kịp hiểu cô ta có ý gì, thì cô ta đã nằm xuống bên tôi và tụt quần xuống đến tận đầu gối. Có thể nói là lúc ấy tôi choáng váng vì điều hết sức bất ngờ mà không bao giờ tôi nghĩ tới được. Tôi hoảng hốt la lên :

— Tôi không muốn làm thế, đi lên ngay.

Cô gái chưa chịu kéo quần lên, cô ta đã mất cả vẻ e thẹn, nói như nài nỉ :

— Mấy cha vẫn làm thế...

Tôi lờ mờ hiểu được câu nói của người con gái. Tôi đưa cả gói bánh cho cô ta, tôi giục :

— Thôi lên đi.

Người con gái nhe răng cười. Cô ta ngồi dậy cầm gói bánh, rồi chui lên miệng hăm. Từ đó tôi để ý thấy người con gái điên đó đi đến đâu cũng bị mọi người xua đuổi. Người ta sợ cô ta ăn cắp những thứ ăn được, dù là củ khoai sống, trái cà chua xanh... Tôi nghĩ, ở đây những thứ ăn được bao giờ cũng thiếu thốn, lại đi đến đâu cũng bị xua đuổi, chắc hẳn chỉ có "mấy cha vẫn làm thế" cho người con gái điên ấy ăn cô ta

mới có thể sống được. Nếu điều tôi nghĩ là đúng, biết đâu đứa con trong bụng người con gái điên lại chẳng là của "mấy cha vẫn làm thế". Nhưng tôi không dám nói điều ấy ra với ai, vì mọi người ở đây đã coi cái bụng của cô gái điên là kết quả tội ác của bọn lính Đại - hàn.

oOo

Người con gái điên đã bỏ đi, vợ chồng người chủ nhà cũng thôi làm việc. Họ ra giếng tắm rửa, Một lát sau, khi trở vào, người đàn ông bảo con :

— Thắp đèn lên con.

Đứa bé chạy ra góc vườn chui xuống hăm lấy cây đèn dầu lên và quẹt lửa thắp. Nó trở vào cầm cây đèn đặt gần chỗ tôi ngồi. Tôi ra hiệu cho đứa bé lại gần, tôi nắm tay nó và hỏi người cha :

— Em mấy tuổi rồi, bác ?

Người đàn ông ngừng vắn điệu thuốc, ngược mặt lên có vẻ nghi ngại. Ông ta nhăm nhăm, rồi đáp :

— Tính đến tháng 10 năm nay thì đúng 8 tuổi.

Tôi buột miệng kêu lên :

— Mới tám tuổi, mà em làm việc giỏi như người lớn.

Người đàn ông thở dài :

— Ở đây mà không làm thì lấy gì mà ăn.

Tôi buông tay, đứa bé chạy ra sau nhà. Tôi hỏi :

— Bác được mấy em tất cả?

— Hai đứa. Con chị thằng đó với nó.

Thôi đúng rồi, đúng quyền vợ ấy của đứa con gái ông ta. Nhưng tôi nghĩ không nên hỏi thêm điều gì nữa về đứa

con gái người chủ nhà, vì hỏi nữa tôi e rằng câu trả lời của ông ta, biết đâu, sẽ làm tan đi niềm xao xuyến mơ hồ trong tôi lúc ấy.

Bỗng người đàn ông hỏi tôi :

— Anh mới ở trên x'ống ?

Tôi ngập ngừng rồi dạ. Từ khi đến vùng này tôi đã được thay đổi quần áo theo lời ông Lợi, để tránh sự tò mò của dân chúng, nhất là tránh tai mắt của bọn «điệp nằm vùng». Quả thực tôi không rõ chức vụ của ông Lợi trong vùng này, nhưng tôi đoán ông thuộc hàng cán bộ lãnh đạo địa phương, căn cứ vào sự trọng vọng của mọi người dân ở đây, và nhất là tôi thấy ông Lợi đeo súng lục — những người trong Mặt trận gọi súng lục là súng ngắn và khẩu súng ngắn được ngàm cci là dấu hiệu của các cấp chỉ huy. Ở cạnh ông Lợi trong những ngày vừa qua tôi biết có nhiều người tưởng lầm tôi là người của Mặt trận, và là một nhân vật quan trọng ở trên núi mới xuống công tác. Dĩ nhiên là tôi không thích sự hiểu lầm như thế, nhưng tôi cũng không biết cách nào giải thích, vì những người của Mặt trận không muốn tôi nói thật ra trường hợp của tôi cho người dân ở đây biết. Nên đôi khi tôi đành phải miễn cưỡng nhận những trường hợp như người đàn ông chủ nhà vừa hỏi tôi.

Trong lúc tôi đang bối rối vì chưa

biết nói chuyện gì với người đàn ông chủ nhà để ông ta đừng hỏi tôi những câu mà nó sẽ làm tôi khó trả lời, thì ông Lợi trở về. Ông Lợi nói lúc còn ở đằng xa :

— Lại đằng này ngủ, mát, mà lại ít muối.

Ông Lợi bảo tôi lấy đồ và chào người đàn ông. Tôi cũng chào người đàn ông và nói ra chào người bản bà ở ngoài hầm, rồi ôm gói quần áo đi theo ông Lợi. Tôi đi theo ông Lợi vào con đường nhỏ lá cây chen hai bên lối đi, những chiếc lá hình như đã ướt sương đêm. Đi qua hốc một lúc khá lâu thỉnh thoảng tôi trông thấy ánh đèn của một ngọn đèn dầu hiện ra trong một túp lều tranh đầy khói. Trong lớp khói dày đặc tôi thấy có bóng người đang ngồi chúi đầu vào bếp thổi lửa. Tôi đứng lại ở bên ngoài. Ông Lợi chui vào trong lều, hỏi :

— Gì mà khói dữ vậy, bác ?

Ông già đang thổi lửa quay lại đáp :

— Bị mấy cây củi mục không chịu cháy.

Một lát sau đấy thì bếp lửa bật cháy. Ông già đứng dậy xoa xoa tay, hơi cúi người xuống, chào tôi.

— Mời, anh vào. Có hơi khói, nhưng hết ngay bây giờ.

Tôi đáp dạ, rồi chui vào đám khói đang bắt đầu tan loãng. Tôi ngồi xuống

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

chiếc chõng tre, và nhận ra sát bên chiếc chõng tre là một miệng hầm, bên dưới có ánh đèn. Ông già nói vọng xuống:

— Tỵ ơi, đem bình nước chế nóng, con.

Có tiếng người con gái đáp dạ dưới hầm. Ông Lợi cởi áo ra, nói với tôi:

— Tối nay ngủ đây.

Rồi ông Lợi nói với ông già:

— Mấy tối ngủ dưới kia, nhưng tối nay anh em về đông sợ chật chội, nóng ngủ không được.

Ông già lại xoa xoa tay, cười cười. Ông Lợi cầm áo đứng dậy. Ông già hỏi:

— Anh đi tắm hả? Đưa áo cho tôi. Phải đấy, tắm cho mát.

— Tôi mới tắm đó.

Ông già dường như chưng hửng, rút tay về. Ông Lợi chui xuống hầm. Tôi nghe tiếng người con gái nói nho nhỏ. Ông già ngồi xuống chõng tre, móc túi lấy gói thuốc ra vắn. Ông chỉ tay ra nền nhà ngoài bóng tối, nói:

— Mọi khi căn nhà đó chưa cháy, sập, nhà tôi có lần chứa cả đại đội bộ đội. (Ông già chợt có vẻ buồn) Lần thứ nhất trúng trái ca-nông sập mất một gian tôi sửa lại được, lần thứ nhì bị bom xăng cháy rụi nên tôi đành chịu. (Ông già chép miệng). Toàn gỗ mít mà cháy hết đấy, anh. (Ông già lại chép miệng). Tôi già rồi, chắc khó lòng làm được căn nhà như thế nữa!

Có tiếng ông Lợi ở dưới hầm bảo tôi đem đồ xuống. Ông già bỗng như nhớ ra điều gì. Ông hỏi tôi có uống cà phê không, tiện bếp đó. Nhưng ông cho tôi biết là đã hết đường trắng rồi, chỉ còn đường đen. Ông già như tỏ vẻ ân hận.

— Kề ra uống cà-phê với đường đen nó giảm mùi vị, chua chua. Nhưng uống đỡ cho vui.

Tôi hơi ngạc nhiên, nói cảm ơn ông già. Tôi cầm gói đồ chui xuống hầm. Người con gái đang ngồi xếp quần áo, gật đầu chào tôi. Tôi cầm gói đồ lách vào một góc hầm.

Hầm hình chữ chi khá rộng, khoảng giữa kê một bộ phản, hai đầu kê gỗ phản và trái chiếu. Tôi chọn nằm ở một đầu hầm để quay đầu ra bóng tối, khuất ánh đèn cho dễ ngủ. Ông Lợi vẫn chăm chú đọc quyển sổ tay, còn người con gái thì xếp quần áo vào một chiếc bao vải. Tôi nghe người con gái gọi ông Lợi bằng chú, và ông Lợi gọi người con gái bằng con này. Tôi đã thấy buồn ngủ, nhưng trước khi tôi không còn nghe tiếng người con gái và ông Lợi nói nữa, tôi được biết ngày mai người con gái lên công tác trên miền núi.

oOo

Tôi thức dậy và thấy tay mình vướng mấy sợi tóc, những sợi tóc thật dài. Tôi lấy tay ra và đoán chừng đầu người con gái đang ở ngang hông tôi. Tôi nhắm mắt lại định ngủ tiếp, nhưng từ đấy tôi không còn ngủ được nữa. Tôi chợt thấy nôn nao trong lòng, băn khoăn không hiểu những người của Mặt Trận hứa ngày mai cho tôi về họ có nói thật hay không, hay là họ chỉ nói cho tôi yên lòng để chờ đưa tôi đi một nơi khác. Tôi bị họ bắt trong một chuyến xe, và tôi đã khai với họ tôi chỉ là một thầy giáo trung học. Thoạt đầu họ không tin, nhưng sau họ nói họ tin tôi nói thật, nhưng họ không thả tôi về, họ dẫn tôi đi ở qua h quần trong những vùng Mặt trận kiểm soát, tính

đến nay đã gần một tháng rồi. Sau cùng họ thuyết phục tôi làm việc cho Mặt Trận, tôi không ngã lòng, nhưng phải giả vờ chấp nhận lời họ để được họ cho về.

Tôi nằm nghỉ ngơi miên man một lúc khá lâu, thì có tiếng động trở mình của người con gái. Một lúc sau người con gái gọi ông Lợi thức dậy, hỏi mượn hòm quẹt. Tiếng ông Lợi ừ ừ. Lúc ấy tôi mới biết ông Lợi nằm ngủ cạnh người con gái, đầu ông ta ở ngang chân tôi. Người con gái mượn hòm quẹt rồi chui lên hầm. Một lúc lâu sau đấy ông Lợi cũng ngồi dậy chui lên hầm. Tôi nghe tiếng ông Lợi và người con gái nói chuyện xầm xì. Khi tôi nghe tiếng gà gáy sáng ở một nhà nào đó, thì ông Lợi và người con gái trở xuống hầm. Trong hầm vẫn còn tối om. Dường như có tiếng cười nho nhỏ của

người con gái. Rồi thì tôi nghe tiếng áo quần kêu sột soạt, và tiếng thở dồn dập của ông Lợi và người con gái như thể xô đuổi, chông chát lên nhau.

Sáng hôm sau trong lúc ăn cơm người con gái cúi gằm mặt xuống mâm cơm. Tôi nhìn mái tóc ông Lợi đã lấm tấm những sợi bạc, tôi bỗng tưởng việc xảy ra trong đêm như một điều không có thật. Ăn xong tôi theo ông Lợi đi xuống xóm dưới. Tôi không nghe thấy người con gái nói với ông Lợi lời nào, và cô ta cúi mặt hoặc tránh né mỗi khi tôi nhìn cô ta. Ông Lợi dẫn tôi đi ngang một cái quán, ngoài cửa quán treo một nửa con heo, trong quán đông người. Tôi chợt thấy cô gái diện mặc quần áo màu vàng đứng tựa cột quán, cô ta đang nhe răng gặm một miếng xương lớn.

LÊ-TÂM

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

T ì n h đ ấ t

Nhà tôi nằm trong khu chợ quận. Cả quận lỵ chỉ vốn vẹn có một con đường chính trải nhựa, đó là quốc-lộ số một. Còn lại là những con hương lộ, xã-lộ ngoằn ngoèo. Vì vậy sự phồn thịnh của cả quận lỵ hầu như đổ xô lại hai bên quốc lộ.

Bên này đường là khu chợ và những dãy hàng bán chạp phô, tạp hóa, những hiệu sửa xe, sửa đồng hồ, sửa radio... Những tấm bảng hiệu với màu sơn chói lọi của tiệm chụp hình, lá lướt của những hiệu may và bay bướm của mấy hàng quán cà phê, giải khát. Bên kia đường là quận Hành-chánh, chi Thông-tin và Trường học. Xa hơn là Bệnh xá. nhà Hộ-sinh. Con đường xe lửa chạy ngang sau chợ, bên chân thiết-lộ đồng lúa mênh mông trải rộng. Ga xép dựng bên gò cỏ mà lúc nào tôi cũng nhìn thấy màu xanh của cỏ và màu mốc rêu của vài ngôi mộ đắp vôi.

Trong những năm còn thanh bình, ngày 4 lượt con tàu lửa chạy ngang qua xóm tôi. Hai lần nó bỏ đến, tôi mắc ngồi trong lớp học, một lần nó đi qua vào buổi hừng đông khi tôi còn đang ngái ngủ. Chỉ có một bận nó đến vào buổi hoàng hôn là được tôi đón tiếp bằng cả nhiệt tình. Nó chỉ ngừng lại ga xép chừng 5 phút rồi lại xình xịch trườn đi "Chỉ 5 phút thôi nên bao giờ chúng mình cũng lưu luyến nhau tàu

lửa nhỉ?" Tôi thường nói như thế với những chiếc hỏa xa khi toa cuối cùng lướt qua ga xép.

Không biết nhà mẹ tôi dựng ở đây đã được mấy đời. Kể từ ngày tôi ghi nhận được mọi sự việc thì cuộc sống nơi quận lỵ này gắn bó lấy tâm hồn tôi. Nếp sống buồn tẻ đều đều đó ăn sâu vào rễ trong tiềm thức tôi. Thế giới của vùng trời tuổi nhỏ như thu gọn trong tầm mắt. Đầu ngõ nhà tôi có cây trứng cá. Tôi thường leo lên tận chót vót ngồi ngắm cái thế giới của tôi, cái quê hương yêu dấu đó có một chu vi đo lường bằng mắt được. Phía Tây núi rừng trùng trùng điệp điệp với những ngọn núi lèn nhau tưởng như bát úp. Có một hôm nào đó tôi thả hồn phiếm du vào mơ ước: Tôi thấy mình nhảy chơi trên những ngọn đồi núi xa xăm đó. Tôi nhảy từ cụm núi này qua cụm núi kia, tôi bước bằng những bước chân chim thần thoại qua các ngọn núi như các cô bé chơi nhảy lò cò. Trong tầm tay tôi có mây trắng lửng lơ vật vờ như cánh bướm. Rừng núi bao bọc quanh quê hương tôi bằng hình cánh cung. Chu vi đó được tiếp nối bằng bãi cát phía đông, lác đác những rặng cây mờ mờ xa xăm trong tầm mắt. Nơi đó về mùa đông tôi nghe tiếng sóng xô bờ gầm thét vì hướng đó là miệt biển.

Ngoài cái chu vi đó, tôi tưởng, có một thiên đường mượt xanh thăm cỏ in dấu chân chim. Tôi mơ ước đến một ngày được đi xa, thật xa. Tôi nghĩ chắc ở nơi nào khác mình sẽ thấy lòng lúc nào cũng rộn ràng những niềm vui thoải mái. Tôi sẽ có một nếp sống mới bằng những sinh hoạt thay đổi. Nhưng rồi nếp sống hằng ngày vẫn ràng buộc tôi với quận lỵ này. Tôi đành chấp nhận cái thiên đường bé bỏng của tôi. Cái thiên đường dựng lên từ lớp đồng ấu, lớp tư, lớp ba... Cái thiên đường nhộn nhằng trong những buổi chợ phiên theo mẹ. Cái thiên đường có những cánh diều lá lướt trên không hay những buổi cắm câu bắt ếch. Thiên đường thu hẹp nơi ga xép với ngôi mộ đắp vôi có những hàng chữ Hán nét còn nét mất trong rêu. Thiên đường là gò cỏ xanh, nơi tôi cùng lũ trẻ thường đánh trống, giục cờ, u quạ.

Rồi chiến tranh từ một miền địa ngục nào đó tràn về. Những làng mạc ngoài xa quận lỵ đêm đêm bị bọn người mệnh danh giải phóng sách động nhiều nhưng. Từ đó quận lỵ mang vẻ mặt hằn học. Phía xa mọc lên nhiều tháp canh, pháo đài. Hàng kẽm gai lớp lớp mọc dày. Đêm đêm tôi nhìn ánh hỏa châu bùng sáng và nghe tiếng súng vọng về.

Chiến tranh đã ngăn cách mất những cuộc hành trình của chúng con tàu lửa thân mến của tôi. Tôi nghe có nhiều toa tàu bị lũ quỷ dữ nào nó đặt mìn cho nó nổ tung. Đường sắt nhiều nơi bị trốc tà-vẹt vì thiếu người chăm sóc. Ga xép với vách vôi không còn màu trắng nó đã ngả sang màu xanh đục. Nơi ghi sẽ những tấm lưới sắt cong queo, vênh ngược.

Tuy đã qua rồi thời tuổi đại, nhưng những buổi hoàng hôn tôi vẫn nghe như lòng mình có một nỗi nhớ nhung nào đó thoáng qua. Những hừng đông trong ngáy ngủ tôi mơ hồ nghe tiếng thở xình xịch lẫn tiếng còi quen thuộc của con tàu vướn vắt đầu đây. Hay trong giấc ngủ chập chờn mộng mị, hình ảnh con tàu lướt qua, tôi chưa kịp sống trọn với kỷ niệm thì đã phải thảng thốt thức dậy vì tiếng đại bác nổ ầm ỉ đâu đó.

Từng ngày tháng rời vụng nối nhau trôi đã cướp mất của tôi vùng trời thơ ấu. Tôi cảm tuổi trưởng thành đi vào cuộc sống đầy gai lửa. Nỗi bất hạnh nhục nhằn du tâm hồn tôi vào cái đen tối mệnh mang.

Tôi khám-phá ra mẹ tôi ở trong tổ giao-liên của V.C. Khi tổ-chức bị vỡ, mẹ tôi lên thẳng vùng V.C. Hôm sau tôi được mẹ cho người về đón tôi lên vùng « giải phóng » gặp mẹ. Thế là tôi bắt đầu sống những ngày cam-khổ ở vùng rừng núi. Bao nhiêu nỗi chán-chường ừn ừn kéo đến với tôi. Tôi từ bỏ cái thiên-đường xanh thơ-mộng của tôi để tìm về một thế giới thần-tiên khác, một thiên - đường hiện - hữu ở trần-gian. Nhưng tất cả chỉ là ảo-tưởng! Vùng đen tối lớp lớp chập chùng, vũng gian trá phỉn-khờ chôn chân những người mang tâm hồn chất phát, dễ tin. Tôi nghĩ rằng dù sao tôi và mẹ tôi cũng chỉ là hai con nai ngơ-ngác. Tôi thấy thương mẹ vô cùng. Mái tóc mẹ lâm râm màu muối tiêu, chứng-tích của những tháng năm phong-sương dầu-dãi ở canh bạc đời. Nhưng mẹ luôn luôn tỉnh sai, nghĩ trật. Người ta chơi cờ bạc bịp, mẹ mang tấm lòng chân-thật

vào sông bài làm chi cho đến phút chót bao giờ mẹ cũng sạch túi trắng tay.

Mẹ tôi vì tình-cảm mà đi vào con đường không có lối ra. Người ta đã lợi dụng tình-cảm của mẹ ở một sự ràng-buột liên-hệ gia-đình để đưa mẹ vào những hoạt-động hiểm nguy. Số là tôi có một người cậu đi tập-kết năm 1954. Bây giờ cậu tôi đã xâm-nhập vào Nam. Đó là lý-do tại sao một người đàn-bà chất-phát như mẹ tôi lại đi vào con đường chính-trị quanh co. Tôi nghĩ rằng mẹ tôi là một mẫu người bán buôn tần tảo, khôn ngoan trong công việc gia-đình nhưng lại quá đại khờ trong những mưu toan lừa đảo, và vì vậy mẹ tôi chỉ là một con nai tơ ngơ ngác lạc ở khu rừng chính trị điêu ngoa, ở một ý thức hệ nhiều khê phiến toái.

Cả tôi cũng vậy. Tôi lăn mình vào cuộc chiến đấu gai lửa hiểm nguy mà không có một niềm tin tưởng nào. Khi mình chiến đấu không vì lý tưởng niềm kiêu hãnh chạy trốn mất, sự ê chề chán nản hiện hình, mọc rễ. Tôi hững hờ thụ động trong nhịp quay của tập thể. Vì vậy những cặp mắt thăm dò nghi kỵ nghiêng xuống phía tôi. Tôi vẫn phải chịu đựng cực nhọc nhọc nhằn từ vật chất đến tinh thần, nhiều đêm ôm súng nằm giữa ô lá ướt sương đêm, mắt nhìn lên vòm trời trong sáng mà ghen ngào cho những mơ ước dở dang. Biển tình tú long lanh nhấp nháy, giòng Ngân-hà vắt vẻo ru tôi vào giấc mộng. Cả một trời luyến thương thơ ấu. Dưới xa kia là nhà tôi, là khu chợ quận miền thương yêu dấu. Ở đó sẽ là một môi trường tốt cho tôi thành công trong cuộc sống. Dù ở đó vẫn còn có những bất đồng vụn vặt vẫn còn nhiều sai lầm. Nhưng những con sâu con mọt không phải là hình ảnh

tiêu biểu cho cả chế độ. Dù sao thì ở dưới đó vẫn có một không khí tự-do cởi mở, vẫn có một nếp sống vật chất cao. Tôi quyết-định sẽ tìm dịp trở về. Ở đây là tôi tự đốt đi những ngày tháng vàng son của tuổi Thanh niên, là vùi chôn những hoa mộng của cuộc đời.

Trong một trận oanh kích của Phi cơ Đồng-minh, mẹ tôi đã gục ngã. Người nằm xuống lòng đất một cách lạnh lẽo âm thầm. Không một tấm ván, một chiếc chiếu để gói hình hài của mẹ. Năm mồ thấp lè tè lấp vùi, không nền đất, không mộ bia, nơi an nghỉ ngàn đời của mẹ đó. Mẹ ơi! mẹ được về với lòng đất, được đất ôm trọn trong vòng tay bao bọc, con nghĩ như thế mẹ còn nhiều diễm phúc. Có biết bao nhiêu người chết đi mà nằm xương tàn không được gói trong lòng đất, vất vương thối xương trong gốc cây hốc đá... Mẹ tôi đã chết rồi, chết giữa canh bài lừa bịp, chết giữa những tính toán sai lầm của mẹ.

Nhiều khi ra thăm mồ mẹ tôi muốn nằm xuống ôm nắn đất mà khóc thật nhiều, nhưng tôi vẫn đứng đó trong trạng thái thần thờ. Tôi không khóc thành tiếng được. Một nỗi tái tê khơi động trong hồn, tôi khóc âm thầm trong tim trong óc. Tôi muốn thắp cho mẹ một tuần hương, nhưng nhan khối nơi đây chỉ là ảo tưởng.

Mẹ tôi đã vĩnh viễn ra đi, trốn chạy cuộc đời phiến lụy. Nhưng bài toán của một canh bài thì mẹ chưa tìm ra đáp số. Tôi nghĩ tôi phải tiếp tục cuộc hành trình của mẹ. Tôi lại phải dò dẫm từ bước đầu để khỏi phải rơi vào hố thẳm như mẹ tôi.

Tôi nghĩ rằng dù sao thì ở đâu cũng có sai lầm. Nhưng tôi muốn

người ta đừng cố lấy sự sai lầm đó làm cứu cánh cho đường lối lãnh-đạo. Tôi quyết định rồi. Lăn ra thăm mộ mẹ cuối cùng, tôi đã hốt một nắm đất trên nắm mồ thấp lè tè của mẹ, nơi an nghỉ ngàn đời ấm êm của mẹ. Nắm đất đó tôi sẽ mang theo người mãi mãi. Tôi biết rồi đây nắm mồ mẹ sẽ bị san-bằng, dấu tích biến mất, còn chẳng chỉ có nắm đất vô-tri nằm trong túi tôi như một nhắc nhở u-hoài.

Rồi một ngày nào đó nơi an-nghỉ của mẹ sẽ thành gò hoang cây cỏ. Xương thịt mẹ thành phân bón cho cây xanh đâm chồi kết thành quả lành cây ngọt, hay cho một loài thảo-mộc gai-góc đắng-cay gì đó mọc lên. Thế là hết ! Không ai biết mẹ tên gì, đã chết ở đâu. Có thể ngày sau khi non nước

thanh-bình, con cháu của tôi sẽ đi du-ngoạn qua đây. Chúng sẽ căn lều đóng trại dưới gốc cây này, nơi râm mát cây cành ru là lướt. Nhưng chắc chắn chúng sẽ không biết dưới lớp đất kia là hài-cốt của Nội, bà Cố chúng. Cũng có thể sau khi dỡ trại đi chúng sẽ ỉa sẽ đái ngay nơi đó. Mồ của bà nơi an-nghỉ ngàn đời của bà các con đó, biết không ? Mẹ ơi ! có biết nhau triệu năm mồ như thế trong cuộc chiến dai-dẳng hai mươi mấy năm trên đất Việt mến yêu này.

Nín đi mẹ ! Khóc làm gì hỡ mẹ ! Tức-tưởi làm gì hỡ mẹ ? Mẹ đã làm lỡ cuộc đời của mẹ. Tở tiên chúng ta đã làm lỡ cuộc đời của Quý ngài nên con cháu bây giờ gánh chịu.

KHÁNH-LINH

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thinh Saigon

Hoàng Xuân Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo dục Hậu học đường và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hàm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo ; 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chúa nhật có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhật khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 1 / 4, 1 / 5 và 1 / 6

TIẾNG SƠN CA

Mùa mưa thưa dần. Những công tác Dân Sự Vụ, những cuộc phối hợp với Chi Cảnh sát để mở cuộc sưu tra dân chúng trong những vùng bất an ninh càng làm cho tôi thấy mình nghèo nàn một vốn liếng đi và sống. Tuy nhiên ở những vùng này dân chúng thiếu ăn, mỗi bữa cơm phải dọn thêm khoai, củ năng đã làm tôi suy nghĩ nhiều về thời cuộc.

Ngày nào tôi cũng phải có mặt ở văn phòng giải quyết một vài loại công văn qua loa rồi xem sách tới hết giờ làm việc. Chức vụ một viện Trưởng Ban Chiến Tranh Chính Trị quá nhàn. Thời gian trống rỗng tưởng không sao lấp đầy. Tôi lại xoay qua xem cuốn «Solfège pour tous», một thứ sách gối đầu nằm để tôi đứng bỡ ngỡ trước ngưỡng cửa của thế giới tiết điệu và âm thanh.

Từ lâu, tôi mê loại nhạc thính phòng gồm những bản bán cổ điển êm đềm và tươi sáng. Nhưng thưởng thức loại nhạc đó cần phải có một khung cảnh thơ mộng và ấm cúng với bao khuôn mặt quen thân cùng chung một sở thích với mình. Ở đây, cái chết và sự trần trụi bất an xảy ra hằng ngày. Tổ chức một khung cảnh lý tưởng với nước trà, bánh ngọt để nghe nhạc là cả một việc làm chường mắt người chung quanh.

Chiều hôm nay, trời hâm hấp nóng, Căn phòng dành cho tôi làm việc chật đầy những bao cốm dẹp, những thùng dầu ăn, những bao bột bắp. Tôi phải xem xét lại danh sách các cô-nhi quả-phụ để phân phát tặng phẩm cho họ. Khung cảnh thật bề bộn, khô khan. Từ lâu, ở chi khu không có những cuộc pháo kích về đêm, nên tôi bày ghế bố trong phòng và ngủ luôn ở đó.

Ngoài cửa sổ, màu trời vàng cam rực rỡ. Tiếng kèn chiều hôm báo một ngày làm việc chấm dứt. Toán tình báo chi khu sửa soạn cuộc đi kích đêm. Bên kia bờ rào, khu hành chánh vắng ngắt, các cửa sổ ở nhà việc đóng im ỉm. Cây còng và cây me keo không còn rung động dưới bầu trời im gió. Khung cảnh im lìm như trong một tấm tranh buồn thiu và nham nhở.

Tôi lại lục tập hồ sơ công điện từ Tiểu-khu gửi về. Ngày mai tôi sẽ tiếp nhóm sinh viên sĩ quan trong chiến-dịch Vi-dân. Họ phải thực tập len lỏi vào dân chúng để gây một không khí thân thiện với dân chúng, và tôi phải soạn thảo chương trình công tác cho họ.

Tôi sửa soạn đi tắm và đi ăn cơm. Quán thua khách. Từ lâu, tôi ăn cơm tiệm. Một mình ngồi ăn phần cơm chiều, giữa bầu không khí tẻ lạnh, tôi lại suy nghĩ đến những ngày về phép ở Saigon

Thế là một năm ròng, tôi đã vào quân đội, tiếp xúc với bao thảm cảnh xảy ra trước mắt, nhưng tôi có cảm tưởng mình sống một cách bông lông. Buổi chiều trôi chậm, làm tôi nản quá, nản đến muốn ngáp và ứa nước mắt.

Tôi nghĩ : ngày mai sẽ làm cái gì khác hơn. Đã bao lần tôi có nhều dự định thật hào hứng, nhưng qua một giấc ngủ êm đềm và thoải mái, tôi vẫn bỏ cuộc... Tôi đứng dậy, uống cạn ly trà đá và trở về Chi-khu.

Ông Thiếu-tá Chi-khu-trưởng chỉ-thị tôi phải đến một Đại-đội Tân-lập mở cuộc sinh hoạt để các anh em binh-sĩ học tập Chính-trị và tập hát những bài hát cộng-đồng. Đó là một sự thay đổi nhỏ nhất cho tôi trong cái tuần lễ mênh mông và trống rỗng này.

Lưng mang ba-lô, vai đeo súng M16, tôi ngồi lên chiếc xe Dodge. Người nghĩa-quân tài xế nhe hàm răng vàng chói cười nhìn tôi nói đùa :

— Trông Chuẩn-uy như sắp đi hành quân.

Tôi ngượng ngùng nói lảng qua chuyện khác ?

— Đêm nay, tôi ngủ luôn bên Đại-đội.

Chiếc xe lao ra cổng Chi-khu. Một vùng khai hoang trơ trụi nằm suông sã dưới bầu trời xanh mênh mông. Bên trái của doanh trại Đại-đội là một giải sông trắng súa mềm mại lượn quanh dưới chân rừng cao su trùng điệp hiện thấp thoáng trong bóng chiều tím sẫm. Chiếc xe lượn qua lượn lại những khúc quanh viền những khóm tre rậm rạp và những cây đào lộn hột hai bên lề đường. Đai Chiến-sĩ màu xám đứng tênh hênh gần bên một Giáo đường với mái ngói đỏ và tường sơn trắng.

Tôi ôn lại bài giảng và vài bài hát cộng đồng. Tự dưng, tôi buồn ngủ kỳ cục. Những bài hát hùng hồn dùng để làm kích lệ tinh thần binh-sĩ đã được đem hướng dẫn nhiều lần, nên làm tôi quá nhàm. Đây là những bài hành-khúc nhưng không phải để cho giàn quân nhạc trình tấu trong những buổi diễn-hành. Tiết điệu loại hát cộng-đồng có thể uyển-chuyển hơn, lời hát có đôi khi ranh mãnh và dí dỏm hơn ; nó không được trình diễn ở trong không khí trang nghiêm hoặc ở những nơi nghi lễ long trọng. Nó được anh em binh sĩ hát lên trong khung cảnh vui tươi, thân mật. Hát để quên nhọc nhằn. Hát để nhìn cuộc đời bằng một thái độ thoáng khoáng. Hát để đầu óc đỡ khô khan trong buổi học tập Chiến tranh Chính-trị trên một cái sân cát ướt lạnh nhìn qua bên kia dãy núi biên thùỵ.

Nhưng tôi mất hứng thú với những bài hát mà tôi dành trong chương-trình sinh-hoạt học tập. Một công việc gì mà lặp đi lặp lại nhiều lần gieo cho tôi một cảm tưởng về những nhịp điệu của máy móc. Niềm chán ngán như làm lu mờ đầu óc tôi từ bao giờ, hình như từ lúc tôi vừa đặt chân lên cuộc đất khô cằn này.

oOo

Sáng hôm sau, tôi về Chi khu vừa đúng lúc chào cờ. Những buổi sáng khởi đầu mùa Thu thường tươi mát, và sương mù tan rất nhanh. Đêm qua tôi dạy hát thật hứng thú một cách bất ngờ. Buổi sinh hoạt được mở màn bằng một câu chuyện tiểu lâm của một anh lính Địa-phương-quân. Chương-trình học-tập chỉ kéo dài nửa tiếng đồng hồ. Sau đó, tôi hướng dẫn họ hát một bản ca tụng đời sống đời mới ở nông thôn.

Dưới màn trời lấp lánh muôn vàn sao sáng, chúng tôi cùng hát, cùng ca ngợi một viễn ảnh xa xôi, và những điều chỉ nằm trong dự-tưởng trong khi đó bên Chi-khu, tiếng súng cối chốc chốc bắn ầm ầm, và trên đầu chúng tôi, thỉnh thoảng chiếc trực-thăng bay qua, rọi đèn sáng xuống một vùng xa rất xa và nã rốc-kết rầm rĩ. Song những câu chuyện thăm hỏi, tâm tình với binh sĩ đã mở cho tôi nhiều khía cạnh sắc sảo của đời binh-nghịệp. Đêm đó, tôi ở lại doanh trại, ngủ chung với một anh bạn Chuẩn-úy mới ra trường.

Ở cấp đơn-vị tôi phục-vụ, có hai Đại-đội Địa-phương-quân chiếm đóng. Nhưng hai ông Đại-đội-phó Chiến-tranh Chính-trị, một ông đã tử trận trong cuộc hành quân, một ông bị thương đang nằm điều trị ở Tổng-Y-Viện Cộng-Hòa, nên phần hướng dẫn học tập cho các anh em Địa-phương-quân đều do tôi đảm nhiệm.

Về tới phòng riêng, tôi thay quần áo, và đi ăn sáng. Ly cà phê đá làm tôi tỉnh ngủ hẳn. Hôm nay thứ bảy, tôi cảm thấy vui vui và nhẹ nhẹ nhõm một cách mơ hồ. Ngày mai sẽ có chuyến trực thăng đưa toán phát lương từ Đại-đội Hành chánh về.

Tôi lại trở về bàn giấy, xem qua những mớ giấy tờ chỉ dẫn về các chiến-dịch phải hoàn tất trong kỳ đệ-nhi-lục-cá-nguyệt. Màu trời hồng chói lọi ngời cửa sổ phai dần... Một buổi sớm mai vàng rực và trong suốt như len lõi vào đầu óc tôi. Tôi vớ lấy cây Tây-ban-cầm để tập xướng thanh.

Lật bật mà đã mười giờ. Khi tôi xếp cuốn «Solfège pour tous» lại thì anh binh nhì trực thuộc của tôi nói:

— Có toán sinh-viên sĩ-quan trong Chiến dịch Vi Dân đến.

Tôi cho mời họ vào phòng. Toán gồm tám sinh-viên khóa 5/69 trường Thủ-đức. Sau bận đi công tác cho chiến dịch này, họ sẽ trở về trường chọn ngành phục vụ và làm lễ mãn khóa. Tôi xin xem bản nội-quy của chương-trình công-tác và dặt họ trình diện ông Chi khu-trưởng. Rồi đó họ và tôi chia nhau ngồi ở phòng họp để nghe chỉ thị của ông.

Ông Chi-khu-trưởng bảo tôi sắp đặt cho họ cái chương-trình để họ làm việc trong thời gian hai tuần lễ và cho dọn chỗ để họ nghỉ ngơi. Họ có vẻ mệt mỏi vì sự di chuyển bằng đường bộ. Thật ra từ Saigon đến đây chỉ có tám chục cây số, nhưng con đường quốc lộ bị phá hư, lại mất an-ninh nên quân-xa phải đi vòng trên hai trăm cây số và phải tháp tùng theo đoàn công voa Mỹ lượn theo biên giới.

Trong số tám anh sinh viên, tôi chỉ để ý đến anh Tê, người Trung-hoa, thi đỗ bằng Cao-Trung, nói tiếng Việt chưa được rành. Anh có khuôn mặt trái soan, mắt một mí rất linh động, và một làn da nâu hồng. Anh là đề-tại để các anh em kia giễu cợt, nhưng lúc nào anh cũng đối phó bằng một nụ cười hiền lành và vị tha bất ngát.

Tôi đưa cả toán đi uống nước. Xong xuôi họ đi tắm rửa, ăn cơm và đi ngủ trưa. Chiều đến, chúng tôi tụ họp ở phòng là việc. Anh Lý lấy một tập nhạc quây ronéo và bảo:

— Chúng tôi đã ghé Ty Tiểu-học ở tỉnh xin những bài hát này để hướng dẫn trẻ em.

Cả bọn xúm lại hát. Anh Lâm đệm Tây-ban-cầm. Bài hợp ca chia ra

làm hai bè, một sự hòa âm rất vững vàng sừng sốt. Anh Tê hát bè thứ hai với một giọng mỏng và thanh. Tôi hỏi :

— Ai đã ghi hòa-âm ?

Lý chỉ anh Tê và cho biết là anh Tê đã tốt nghiệp môn dương cầm ở Đài-Bắc. Chúng tôi lại hát đi hát lại hai bản luân-vũ để đợi trời hơi mát rồi nhau đi viếng các tháp canh ở tiền đồn.

oOo

Sau hai ngày đi viếng các tiền đồn để hướng dẫn binh sĩ trong chiến dịch Vì dân, chúng tôi phối hợp với một trung đội Nghĩa-quân hô hào dân chúng việc khai-quang rào ấp. Tôi đi với Lâm, Lý, Lễ và Tê. Chương trình bắt đầu lúc tám giờ sáng. Viên Trung-đội-trưởng cho binh sĩ đem máy khuếch âm đi cùng ấp để cổ động vào hô hào. Lễ và Lý lo việc trà nước giải lao. Lâm và tôi ngồi trên xe Dodge với viên trưởng ấp phát thanh nói về sự ích lợi của công tác khai quang.

Gần chín giờ, các anh em mới gỡ xong mìn giăng bẫy hàng rào. Loại mìn ba râu được xếp vào trong đồn. Một anh nghĩa-quân lại cho tôi biết là có hai quả mìn chưa gỡ vì mất đầu mìn dây.

Một buổi sáng khô ráo và trong suốt. Gió từ núi thổi qua cánh đồng cỏ tràn ngập mùi thơm nhẹ nhàng vào ấp. Công việc khai quang tiến hành. Đàn bà và trẻ em cầm rựa dẫn mấy lùm cây hoang dại. Chúng tôi phụ với các anh em binh sĩ chặt tre để làm hàng rào. Chốc chốc, viên trưởng ấp cầm máy phóng thanh giải thích sự khai quang của chính quyền. Thùng nước đá lạnh cứ

vời lẫn và Lễ phải vào ấp mua thêm thùng khác. Tôi lân la chuyện vãn với một số đồng bào. Ở đây, mức sống tương đối trù phú, dễ chịu.

Tiếng chuông cầu kinh bên giáo đường sang sáng từng chập dội qua. Tôi cầm cây rựa chặt một đám cây lá nhỏ lẫn tần, khi Lâm dẫm lên, lá giập nát, bốc lên một mùi thơm cay sè và chúng tôi không rõ là gì.

Nhưng bỗng một tiếng nổ dội lên. Dân chúng cuống quýt nghi là Việt Cộng pháo kích. Tôi quay lại về phía Tháp canh. Cách tôi ba mươi thước, một cuộn khói bốc lên đen nghịt. Tôi bủn rủn đặt máy loa phát thanh xách tay xuống. Lý, Lâm, Lễ và Tê chạy lại chỗ cuộn khói. Tiếng kêu khóc vang lên. Một cảnh hỗn loạn xảy ra như điềm huyết gào tôi. Mìn ba râu nổ !! Sự sơ xuất của viên Trưởng Tháp canh đã vô tình gây một thảm cảnh rừng rợn. Quả mìn chưa tìm được mìn dây đã giết một nghĩa quân và ba thường dân. Toàn thân tôi như ướp nước đá. Cách đây mười phút, viên trưởng ấp rủ tôi lại phía đó để bắt chuyện, gây không khí thân mật với đồng bào. Nhưng tôi mắc bận đồn tre ở đây. Tôi thoát chết, nhưng viên trưởng-ấp đã ồm cánh tay đầy máu chạy ra xe Dodge.

Tôi điếng người, bên tai văng vẳng tiếng kêu khóc, tiếng gào la. Lâm và Lý chạy lại lôi dụng cụ băng bó trong tháp canh để cầm máu những người bị thương.

Bỗng một người đàn ông sồn sồn, cầm cây rựa chạy lại chỗ Lâm và Lý quát lên :

— Trời ơi ! quân chó đẻ, tội bây

giết con gái tao. Binh sĩ tụi bây gài mìn để giết dân vô tội. Con ơi là con ơi !

Cây rựa toan bỏ xuống đầu Lý thì một anh Nghĩa Quân chạy lại phía sau người cha kẻ bất hạnh đâm mạnh trên vai ông ta và bắt thần đoạt lấy cây rựa. Tiếng chửi vang lên từ phía dân chúng. Một bà già túm lấy tôi mà lý không tiếc lời. Đây không phải là lúc giải thích Dân chúng không cần nghe chúng tôi nói thêm một lời nào nữa.

Xác những nạn nhân nằm la liệt chung quanh chỗ mìn nổ. Những đồng thít bầy nhầy đầm máu và nám khói. Tôi bỏ vào đồn, không biết làm gì, không suy nghĩ gì hết. Xe cứu thương ở Chi Y-Tế và ở Quân-Y Diên-Địa đến. Nhưng tám mền xám trùm những thi thể không những cái băng ca màu dưa cải úa.

Tê bông chùi nước mắt, toàn thân rung động. Hẳn chưa quen cảnh thế thảm này.

Một anh tiểu đội trưởng nghĩa quân chừa gói thuốc Pall Mall về phía tôi, buồn rầu :

— Những kẻ gài mìn, thường chết về mìn bằng cách này hay cách khác. Anh Hát muốn tìm dấu dây nên bị nạn Ở những đồn bót khác, chung quanh có nhiều quả mìn mất dấu. Người gài mìn một khi chết đi không sao báo kịp cho kẻ khác biết những quả còn sót lại. Trên bãi mìn thường có oan hồn, oan oan tương báo...

oOo

Trọn buổi trưa, tôi không sao nuốt nổi một chén cơm. Buổi xế tôi phải dắt tám anh em đi vào ấp 4 để chia

buồn với gia đình những người bất hạnh. Khi chúng tôi đến nhà người đàn bà và cô con gái có đạo Thiên-Chúa tử nạn thì được thân quyến họ tiếp đãi khá thông cảm. Người cha cô gái xin lỗi chúng tôi, và không quên cử viên Trưởng Thập Canh ấp 4 một loạt thăm sét.

Nhưng khi tôi toan đến nhà cô gái nạn nhân thứ ba, theo đạo Phật thì anh cán bộ Xây dựng Nông thôn nói :

— Mới này, tụi tôi vào thăm bà mẹ thì bà vác dao phay muốn lụi tụi tôi. Bà đã đâm khùng rồi. Có trời xuống năn nỉ bà hóa may bà mới nguôi ngoai. Người ta có một mẹ một con mà.

Chúng tôi vẫn phải đến. Người đàn bà tóc tai đã rụng, mặc áo màu đen, vá lỗ đồ nhào lặn bên xác cô con gái, xía xói :

— Tới đây muốn giết tao nữa hả ? Nè sao không làm ơn giết luôn một lèo cho tao khỏi đau lòng ? Đồ...

Cơn ghen ngào chận lấy cổ người đàn bà. Bà gào lên :

— Con ơi, tưởng con đi đường nào thì má còn mong gặp mặt, chớ con đi đường này má hết mong rồi !

Mọi việc tới ngày cất đám ma trôi qua thật chậm: Ba giờ chiều ngày hôm sau, chúng tôi cùng anh em binh sĩ ở Chi-khu đem xe G. M. C. lại trước các tang gia để chở các quan tài ra nghĩa-địa nằm bên hông nhà thờ. Ông Trung-úy Chi-khu phó đã điều đình với ông Hiệu-trưởng một trường bán công, cho các em học sinh nghỉ học buổi chiều để đi đưa đám ma cho thêm phần long trọng.

Khi các em học sinh tới, tôi chia làm ba lớp ở mặt tại ba tang gia. Riêng tại nhà người theo đạo Phật, tôi bảo mỗi em thắp một cây hương trầm đứng sắp hai hàng từ cửa nhà đến chỗ đậu xe.

Buổi xế đang trong sáng, bỗng đổ lại rai một trận mưa ngắn ngủi. Không khí bỗng ngọt ngào và no bứ hơi nước. Bầu trời thấp xám xịt và im gió. Đúng ba giờ hai đám ma của hai gia đình công-giáo được đưa đến nhà thờ làm lễ cầu hồn cả đám ma ở gia đình theo đạo Phật cũng được đưa vào nhà thờ để cầu nguyện chung. Người đàn bà mất con từ nhà đến giáo đường xịu lên xịu xuống hai lượt, phải có hai bà hàng xóm lực lưỡng dìu đỡ hai bên.

Giáo đường ở trên dốc cao. Buổi xế buồn thảm. Tiếng đọc kinh rì rạc. Len lỏi trong muôn giọng người đều đặn, tiếng hát những bài thánh ca của một em gái trong sáng vút lên, càng lên cao càng chói sắc như một tia lửa vắt qua một đám mây ảm đạm, xoay cong theo nóc giáo đường. Buổi lễ chấm dứt. Tiếp đó là lễ rảy nước thánh và xông hương trầm. Tiếng khóc cất lên khi mọi người lại chuyển quan tài ra xe. Trời chiều vàng ủa. Gió bắt đầu xôn xao. Mọi việc kéo qua đầu óc tẻ tái của tôi như những chuyến tàu hỏa với những toa xe nặng nề khua động vào một cõi vô thức bằng bạc, mộng lung..

Sau khi tắm rửa, cơm nước, tôi mới lấy lại sự tỉnh táo. Mọi việc đã qua rồi, phải dứt khoát gạt bỏ mọi ảm ảnh. Buổi tối, trời có trăng, gió mát. Ông Cui-khu trưởng lại ra chỉ thị là tôi phải tập hợp tám anh em trong Chi-

địch ở tại phòng dành cho các sĩ-quan trong Chi-khu thường họp vào buổi sáng. Ông yêu-cầu chúng tôi hát những bài hát tươi vui, tả cảnh trường học, ca tụng ngày xanh, và tuổi ấu thơ. Cuối cùng ông nói:

— Các anh em có vẻ cực khổ nhiều. Vậy bắt đầu ngày mai các anh em đến các trường tiểu-học và trường Trung-học bán công để dạy học trò những bài hát này.

Tôi lại hỏi ông việc khai quang, rào ấp có thể tiếp tục nữa không? Mặt ông bỗng có vẻ buồn và ông uể-oải nói:

— Phải để cho dân chúng quên đi tai nạn thảm khốc đã.

Chúng tôi bỏ ra một ngày để kẻ các bản nhạc trên giấy sếp, vẽ thêm hình ảnh trang trí, rồi quay roneo. Hơn mười lăm bản nhạc được đóng lại thành tập và chỉ trong vòng một ngày chúng tôi đã quay được một trăm tập nhạc dùng để phân phát một cách dè sẻn trong các trường học. Tôi điều khiển vẽ hình, ghi nốt nhạc trên giấy sếp. Tôi điều khiển máy roneo và anh đã tỏ ra sành sỏi từ cách cho mực chạy vào máy đến vụ quay máy.

Buổi sáng ngày thứ năm trong chương trình công tác, chúng tôi chia làm hai toán: một đến trường Tiểu-học, một đến trường Trung-học bán công. Tôi có phần sự dòm ngó hai toán nên chạy từ trường Tiểu học đến trường bán công liền liền.

Khi chúng tôi vào lớp đệ-thất thì bài Công-dân giáo dục cũng vừa giảng xong. Các em học sinh hôm nay không mặc đồng phục nữa. Thường thì các em

gái mặc áo dài trắng, quần dài trắng, các em trai thì mặc áo sơ mi trắng quần dài xanh. Hôm nay, chúng mặc hỗn loạn. Nhưng hầu hết là những tấm áo cũ vá vù, hoặc những tấm áo quá cũ mà những bông, những kẻ vằn, những sọc đều phù màu.

Tôi nhìn chung quanh. Lớp học chật ních. Hầu hết đây là những khuôn mặt non choẹt nhưng bắt đầu đã đi kiếm sinh nhai rồi. Tôi thường gặp chúng chở những thùng kem, thùng nước cam vàng và cô-ca bán cho dân ở khu định-cư, hoặc cho bọn Mèo ở Cầu Tàu. Hình như còn có những khuôn mặt ở những chỗ Mỹ trong Lữ đoàn đồ rác để bươi kiếm những món gì có thể ăn được hoặc bán được. À, còn những khuôn mặt giấu những hộp cá, những cái trứng vịt dưới đáy thùng cà rem để bán ở những nơi chính quyền chưa kiểm soát, thường bị quân-cảnh Mỹ bắt đem về ban Phối hợp Tình-báo ở Chi khu ăng-kết và phạt vạ. Mỗi ngày các em học một buổi, buổi kia là khoảng thời giờ để các em đi kiếm tiền phụ giúp gia đình.

Chúng tôi bước vào giữa những vẻ mặt tò mò và nghiêm trang của các em. Bài hát mở đầu là bản «Trường làng tôi» của Phạm-Trọng-Lâm, Lý và Tê cùng hợp ca để mở đầu. Một loạt vỗ tay tán thưởng vang lên. Tê vẫn hát ở bè hai. Rồi đó, anh đích thân hướng dẫn. Giọng anh lơ lơ, và khi anh giảng nhiều, một chút nước miếng nhuyền và xộp đọng trắng bên mép. Các em học sinh cười bề ra từng chập với lối hướng dẫn của anh, nhất là giọng nói xí xồ, xí xào dù là nói tiếng Việt. Tuy nhiên các em vẫn chăm chú theo dõi anh và hát đến khi đúng giọng và trùng nhịp. Chỉ chừng nửa giờ

sau, lớp học vang lên tiếng hát trong vắt và vui rạng rỡ. Các em trai hãy còn nhỏ, chưa quá mười lăm tuổi đều có giọng thanh như giọng đàn bà. Trong một khối giọng rậm rạp, riu rít như tiếng chim, giọng của Tê thường phảng phất ở những chỗ cuối câu, mỏng và mịn, lẩn khuất như khói...

Bài hát chấm dứt, Thành lại kể một chuyện vui có tính cách giáo-dục ẩn trong những chi-tiết trào-phúng. Tiếng cười lạnh lạnh từng chập oà vỡ. Ông Hiệu-trưởng, chạy lại bắt tay tôi và mời cả bọn về nhà ông ở gần trường.

Chúng tôi uống rượu chát đỏ ngậm đá, nhìn ra khóm cây dạ-ly và khóm bông trang, sắp chương trình cho buổi chiều.

Tôi hỏi ông Hiệu trưởng :

— Sao hôm nay các em không mặc đồng phục ?

Ông nói :

— Có những em chỉ có một bộ đồng phục. Bởi vậy, trong tuần lễ phải dành cho nó một ngày để nó giặt áo chớ.

Trưa hôm đó, tôi ngủ một giấc thật trơ trụi, khỏe khoắn. Xế xế, tôi đi lại trường Tiểu-học để xem công việc của toán hướng dẫn. Lúc đó vào giờ ra chơi. Trẻ con hát om sòm bài chỉ dẫn ban sáng. Anh Tài, người cầm đầu trong toán đang trò chuyện với các cô giáo. Sau đó, tôi bước vào lớp do anh hướng dẫn. Khi giờ chơi chấm dứt. Lớp học chật ních. Trẻ em ăn mặc thật luộm thuộm, có đứa rách rưới, xác xơ.

Cô giáo Hát nói :

— Năm nay có thêm các em ở ấp định-cư đi học. Những gia đình thuộc

hạng thường trực tức là những gia đình có thể đi cạo mũ ở các đồn điền cao su mới có thể cho con em đi học. . . Còn các gia đình tùy dịp tức là gia - đình đang thất nghiệp, đợi có việc làm, và tình nguyện làm bất cứ những công việc gì thì bắt con em họ ở nhà phụ giúp các công việc lặt vặt.

Tôi vụt nhớ hôm tôi đưa các anh em trong toán đi viếng làng số 2, và tôi ghé một gia-đình tùy dịp. Một bà cụ già tóc bạc phơ, mặc áo đen ngồi đan chiếc võng bằng thứ chỉ bố. Bên cạnh bà một em gái bảy tuổi ngồi ăn chén cơm nguội với một chút mắm ruốc đen sạm. Giọng bà cụ lúc nào cũng vui vẻ và liến thoắng. Cụ cho biết là cụ đan võng để kiếm thêm chút đỉnh tiền cho con dâu cụ, hiện đang cuộc xới đám bắp và đậu phộng ở bên kia đám lá mật cật. Từ khi theo toán người di dân từ vùng bất an ninh về đây, nàng dâu chưa tìm được việc làm, và mỗi buổi chiều cả nhà phải ăn cháo và luộc thêm khoai mì. Cụ ngỏ ý trông cho mau yên giấc để cụ xem một tuồng hát bội, hoặc tuồng hát tích trong các loại thơ Tấm-Cám và Thạch-Sanh chém chằng trước khi cụ nhắm mắt. Và cụ chỉ nhắm mắt an ổn là khi nào lũ cháu cụ được đi học chữ nghĩa " với người ta ".

Tôi lắc đầu vì tự đứng ở hai bên màn tang tôi như có ai kẹp cứng ngắc. Tiếng hát của đám trẻ con lại the the vang lên. Tôi nhìn sâu xuống cuối lớp. Những khoé mắt rạng rỡ đưa đầy theo tiết điệu. Trên những khuôn mặt sạm nắng hay lem luốc, âm nhạc đã thấp sáng lên ở cái nhin trong trẻo.

Cô giáo Hát lại nói :

— Anh Tài được lòng tụi trẻ lắm. Dạy hát xong là ảnh dẫn tụi nó ra sân, bày trò chơi.

oOo

Khi nhận xong Sự-vụ-lệnh, tôi vội xách chiếc xắt tay bỏ lên xe Dodge. Tám anh em trong toán Vì dân lục đục chất ba-lô, súng ống lên sau.

Bổng Tê nói với tôi :

— Hãy cho xe chạy một vòng quận lỵ này rồi sẽ vào Lữ-đoàn của Mỹ.

Mọi người tán thành. Hôm nay, cả toán phải về tiểu khu. Chương trình công tác đã kết liễu. Hôm nay không có chuyến trực thăng về Tiểu-khu. Cả bọn phải đi về Di-An rồi đông luôn lên Saigon đề hai ngày sau họ sẽ đến Tiểu-khu trình diện. Còn tôi cũng phải về Tiểu-khu đề dự buổi hội thảo. Chúng tôi sẽ cùng đi một chuyến máy bay.

Phong, viên Chuẩn-úy coi về Bình-định Xây-dựng ở quận lỵ xe đưa chúng tôi ra phi-trường. Trời đã sáng hẳn, nắng mai thật trong vì đêm-quá có một trận mưa to. Khi đến chỗ cổng của một sở Mỹ, Tê reo lên :

— Núi đẹp quá !

Lâm nói :

— Khi trời quang đăng thì thấy núi xanh lơ.

Quả vậy, trước mặt chúng tôi, màu núi xanh như màu ngọc «sa-phia» và chúng tôi có thể thấy con đường nâu vàng từ chân lên đỉnh. Hôm qua trời âm u, những tầng mây trắng nõn và mềm mại đã che khuất núi.

Lý nói :

— Chuyến công tác này chỉ có ba điều đáng nhớ : vẻ đẹp trái núi, tiếng hát học trò và vụ mìn nổ.

Tài có vẻ ngậm ngùi. Chiều qua là ngày chót, các trẻ em học trường Tiểu học vây lấy anh có vẻ buồn rầu. Và chúng hát ôn lại những bài mà Tài đã hướng dẫn một cách say sưa.

Chiếc xe vẫn chạy chậm chậm theo cái chu-vi vòng quanh quận hình tam-giác. Bỗng trong một cửa hàng bán gạo một đám trẻ hát vang lên, bài hát nằm trong chương trình công tác của chúng tôi. Xe ngừng lại trước một tiệm mì gần đó. Tiếng hát bên tiệm gạo rút rít vọng qua, giọng trong và chất.

Chúng tôi dùng điềm tâm xong, tiếng hát vẫn còn. Tê nheo mắt lại, khoé mắt của anh long lanh và ướt. Anh nở một nụ cười băng quơ và cúi nhìn có vẻ lơ đãng hơn. Xe bắt đầu rời quận lý. Một toán nữ-sinh trường bán công đi ngược về phía chúng tôi. Hôm nay cả bọn đều mặc áo dài trắng. Chúng tôi vẫy tay các em rồi ngừng xe lại. Một em gái hỏi toán Vì dân?

— Chừng nào các «thầy» trở lại?
Lý chớp mắt.

— Không biết được nhưng trái đất tròn mà.

Cả bọn chla tập nhạc và bắt tám người sinh-viên sĩ quan ký tên để làm Kỷ-niệm.

Tôi chợt nhớ tới những khuôn mặt

ấu thơ hôm đưa đám ma. Những tà áo trắng, những cây nhang cầm tay đã ngăn lời thóa mạ của những thân nhân người chết. Và những giọt nước mắt của những cô em gái nhạy cảm nữa. Thảm kịch chỉ có mười ngày đã dần dần được tiếng hát sơ ca gột rửa đi. Tám anh em sinh viên sẽ rời xa cái tiền đồn dập dờn biển cổ này. Tôi sẽ ở lại, và phải nuôi dưỡng tiếng hát hồn nhiên, tươi sáng đó.

Hôm qua tôi có dịp vào ấp 4 và gặp lại một vài người trong gia-đình tang tóc. Họ chào tôi một cách niềm nở. Không nói ra, nhưng chúng tôi đã cố quên thảm cảnh. Tôi uống trà với họ. Việc khai quang rào ấp dù sao cũng phải tiếp tục trong một ngày rất gần. Không khí trong những ngày nắng ấm vẫn từng bừng. Trẻ em vẫn chạy bu lại quanh chiếc xe Jeep mà tôi ngồi trên đó. Chúng xin tập nhạc và tôi hứa sẽ quay thêm đề tặng chúng. Tôi hỏi han việc học từng đứa. Chúng nhắc nhớ Tê nhất. Không hiểu sao, tôi nói:

— Rồi thầy ấy sẽ trở lại với các em một ngày gần đây.

Một đứa nói:

— Hôm mìn nờ, thầy ấy khóc...

Tôi không phân tích ý nghĩa giọt nước mắt của Tê và tôi muốn giữ trọn

VIỆN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

NeuroTonic

HN. 709/ĐTV/CCDP/16.4.44

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

sự tin cậy trong tâm hồn các em. Sau đó, tôi viếng Tháp Canh ở ấp. Anh em Nghĩa-Quân có vẻ uể oải vì cái chết của anh bạn đồng đội gỡ mình. Tôi nói :

— Đêm mai, tôi sẽ vào đây mở cuộc sinh-hoạt đề...quên mọi việc đã qua.

Mình vẫn phải gài Công việc phòng thủ vẫn phải tiếp tục. Khắp thôn ấp vẫn bừng bừng sinh hoạt. Các tiệm nước, lò bún, trại cưa vẫn ồn ào. Tiếng chuông cầu kinh ở giáo đường từng lúc vang lên sang sáng. Ngồi trong một tiệm nước, tôi chột vưng bụng vì không có một khuôn mặt lạnh lẽo, một cái nhìn nghi kỵ nào gửi về tôi. Vết thương đã thu miệng lại, dù vẫn là vết thương, nhưng không có sự băng hoại, mưng mủ ngấm dưới lớp da. Tôi tin như vậy và tôi uống bia một cách ngon lành.

Khi chúng tôi, tới phi-trường thì nắng đã lên cao. Một tốp học sinh và hai cô giáo mặc áo trắng đang đứng chực ở đó. Đây là những em học sinh ở trường Tiểu-học ở làng số 2. Chúng là con em của những gia đình di dân từ vùng chưa kiểm soát về khu định cư. Viên Trưởng ấp nói :

— Hôm nay chúng tôi hướng dẫn tụi nó đi viếng Thảo Cầm viên ở Thị-Nghè. Tội nghiệp, có nhiều đứa chiều qua được tin sẽ đi máy bay nên mừng quá, suốt đêm lục đục không ngủ.

Chúng tôi chờ đợi phi cơ khá lâu. Các em học sinh trải giấy ngồi bệt xuống. Và để giết thì giờ tôi đề nghị chúng hát những bài Tài đã hướng dẫn. Tiếng hát đánh thức những quân nhân Mỹ đang lim dim ngủ trong những bóng râm mát ở chỗ ngồi đợi phi cơ. Họ nhìn các em, cười vui vẻ. Viên sĩ quan Mỹ, Trưởng phòng 5 Lữ-đoàn đem bánh và nước giải khát lại thết các em, gọi là bữa điềm-tâm.

Khi chuyển Caribu về Di An đến, chúng tôi từ giã các em và lên phi cơ. Những bàn tay vẫy và tiếng hát lại đuổi theo. Tài mơ màng :

— Những ngày đi công tác quá ngắn !

Tôi bước lại gần Ân nhìn ra cửa sổ, rồi quay lại tôi, chìa tập giấy :

— Xin Chuẩn-úy cho chúng tôi ý kiến về chuyến công tác này :

Tôi viết đại khái là anh em có tinh thần phục vụ cao, siêng năng, cần mẫn,

AN TIEM ĐÃ PHÁT HÀNH

HOA NẮNG

Thơ của Thi Vũ

...Trong ba tập thơ, tôi thích nhất tập « Hoa Nắng ». Đó là một tập của văn thi (poème en prose), giàu hình ảnh, giàu âm nhạc, chứa đựng bao kỷ niệm suy tư của con người đã từng thiền định về các kinh nghiệm sống, từng đối thoại với tâm hồn...

QUÁCH TẤN

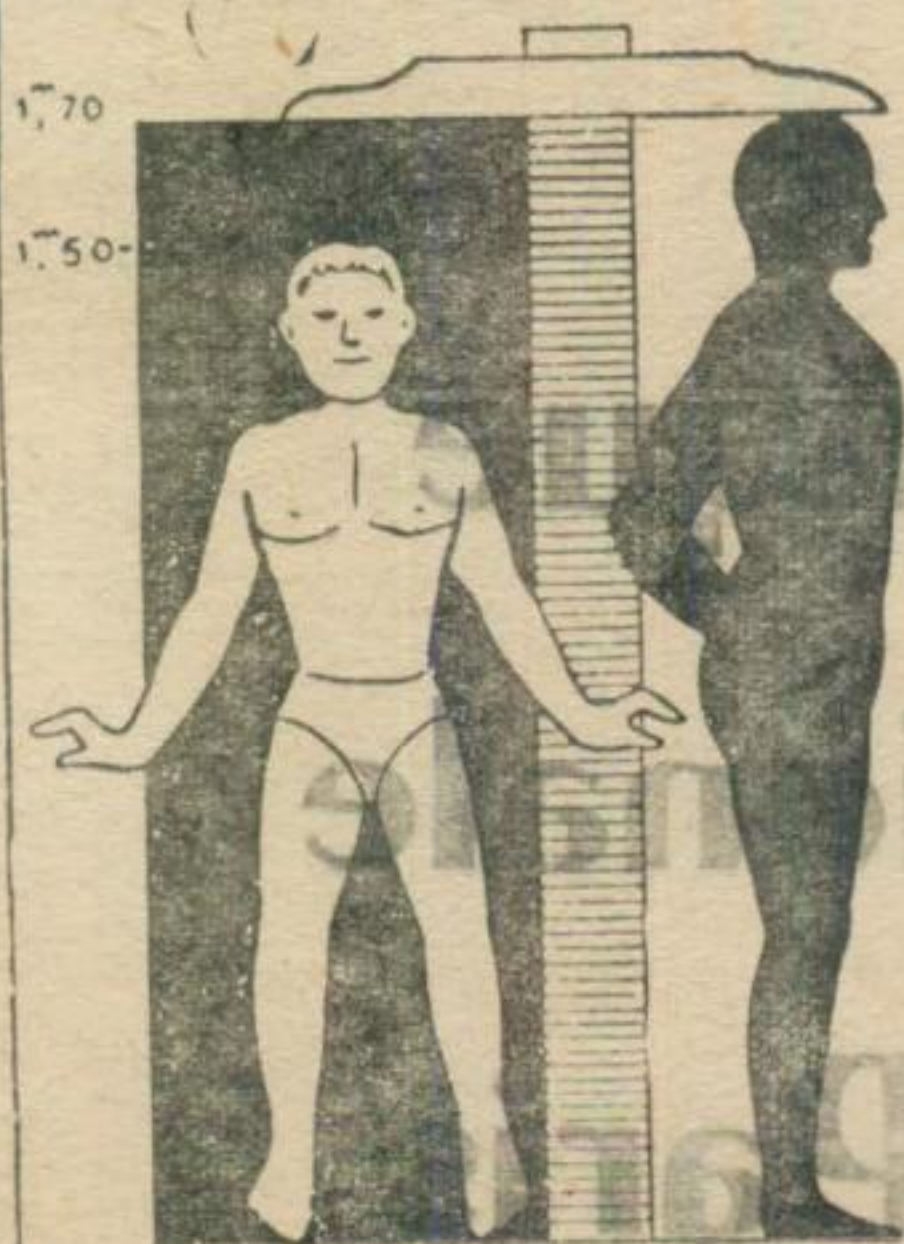
Song khi đọc lại những câu ý kiến của mình, tôi chỉ thấy đó là những chữ nghĩa phơi xác ngồn ngang. Linh hồn của mỗi giao cảm vẫn là những kỷ niệm trong ngày các anh em công tác do tôi hướng dẫn. Tôi nhớ lại vụ mìn nổ. Bên tai chúng tôi còn văng vẳng tiếng hát thoát bay từ những cửa miệng non tươi. Tiếng hát của lũ chim sơn ca đã giúp chúng tôi tạm quên vụ mìn nổ... Phi cơ cất cánh. Tê nhắm mắt lại, nghèo đầu

lên thành ghế dựa, trên tay vẫn còn cầm tập nhạc quay ronéo. Trước khi ngủ, anh áp tập vào ngực, và tôi nghĩ đó không phải là cử chỉ thừa thãi. Ăn nhin tôi rồi liếc qua Tê cười vơ vẩn. Suốt trong chuyến bay, có lần Tê cựa mình, tập nhạc rớt xuống sàn phi cơ, Ăn cẩn thận lượm lên một cách thành khẩn đặt lên ngực Tê...

HỒ-TRƯỜNG-AN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CÙNG XUÔNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CÙNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON — VỪA BÔ?

Số KN78 MBYT/QCDP

פנינת

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Tình ca cuối cùng

Thơ PHƯƠNG-HOA-SỬ

trời tháng giêng sao thoáng buồn xa vắng
vài con đường sao vẫn lạ hơn xưa
sáng tôi đi hay những sáng em về
hàng cây thức sao vẫn còn ngái ngủ
tôi qua phố hiền như bầy ngựa cũ
em xa xôi theo cỗ tích hiền về
ba năm dài dằng dặc những đam mê
tình mới sáng chợt nửa chừng bỗng tắt
trời đêm cũ từng vì sao mờ nhạt
em kêu kỳ vừng tưởng nhớ từng năm
em có vui theo những phiếm dương cầm
mùa xuân nọ có mọc mầm trên áo
tình tôi đó đã như người ngoan đạo
chiều giáo đường từng bóng huệ khó bay
em chợt đến đi con nước vơi đầy
em còn đấy nhưng suốt đời quay mặt
mai tôi về nhìn thùy dương bãi cát
biển thừa xưa dăm dọn sóng bạc đầu
em có nhìn ngày tháng vội trôi mau
tôi tha thiết những giọng thơ lặn dần
mai người về miền xuôi hay vùng đất lạnh
tập thơ tình rồi có liệu mang theo
mai mình xa nhau như sóng chán dào
lòng heo hút từng vùng mây đang dở
trời tháng giêng sao thoáng buồn như thế

Chiều quan ải

Thơ HOÀNG-NGỌC-CHÂU

Tặng Trần-Hoài-Thư

Trong nắng vàng rưng rưng lá kia

Vườn xanh thấp thoáng bóng ai về

Chiều đi rười rượi lòng ly khách

Sầu quặn bên mình nỗi nhớ quê

Biền biệt người đi hoài quan ải

Em xưa không biết có còn không

Chí cả chưa tròn chưa trở lại

Thì nghĩa gì đâu chuyện vợ chồng

Trời thảng Giếng nhiều mây trắng quá

Rừng xa chim lẻ bạn kêu chiều

Người đi khăn áo quàng mưa bụi

Kẻ đứng bên cầu vọng ngóng theo

Bao nhiêu rượu uống cũng không vừa

Ơi áo ai vàng cuối dậu thưa

Người có về qua vườn hạnh cũ

Lòng son thiếu nữ cố như mơ

Rượu ời sao rượu mãi chưa cùng

Say với ta mà mơ cổ hương

Nam nhi chinh chiến hề quan ải

Chinh chiến người đi như khói sương

(Bào, mồng 1 tháng Giêng năm Canh-Tuất)

NỖI BUỒN

Thơ ĐÌNH NGUYỄN

(Cho Thủy — Di Linh)

Tuổi trẻ và những nỗi buồn vô duyên có
Những nỗi buồn mọc rêu trên phiến tâm hồn
Trùng hơn hơi thở của người sắp chết
Linh hồn lạc loài đôi cánh chim đêm

Vai chúng mình cả một đời trĩu nặng
Không gian đen chôn sống những con người
Nói ước vọng là tìm về quá khứ
(Quá khứ bỗng bênh những mảnh vụn đôi mươi)

Có phải nỗi buồn của giòng sông khô
Quanh ngọn đèn hắt hiu trên khung cửa chết
Tiếng khóc, vành khăn ngày mồng một Tết
Cậu đã về thăm Huế một lần chưa ?

Có phải nỗi buồn của trái phá nằm im không nổ
Sao không cho đó là niềm hy vọng sau cùng
Lửa hừng hực đốt khô căn tri nhớ
Vết thương đầy chưa ăn kịp da non

Chúng mình có nỗi buồn của người cầm súng
Nhìn tương lai từ lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi
Ngón trở khô cầm làm mòn đời sống
Hy vọng nào hơn những cuộc săn người

Còn buồn nào hơn ruộng khô cỏ cháy
Ngón tay gầy cổ bới đất tìm khoai
Chín-Giòng-Sông chảy quanh hồn mê dại
Quê hương mình sao cứ tưởng quê ai

Rừng Cẩm 7/69



THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

Thời-sự Thế-giới

T U - T R I

Những ngày vừa qua đã đánh dấu tình hình chính trị quốc tế bằng nhiều sự kiện quan-trọng. Cuộc đảo-chính tại Cam-Bốt và những hoạt động quân sự gia tăng ở Lào đã đưa Á-châu vào một giai-đoạn mới có nhiều ảnh-hưởng tới chiến cuộc ở Việt-Nam.

Tại Âu-châu Tây và Đông-Đức đang dùng dằng trước cuộc gặp gỡ lịch sử Brandt-Stopph. Cả hai bên đều đang « trả giá » mạnh để mỗi bên đều có thể thu lại cho mình những mối lợi tối đa.

Đảo chánh tại Cam-Bốt

Trong khi Thái-tử Sihanouk đang nghỉ tại Pháp thì nhiều biến chuyển đã rồn rập xảy ra khiến cho đời sống chính trị Cam Bốt trở nên sôi động. Từ nhiều năm qua, Thái Tử Sihanouk, trước đe dọa của khối Cộng-sản Á-châu, đã cố gắng có một đường lối trung lập. Ông hy vọng rằng đường lối trung lập này sẽ là một bảo đảm cho nền độc lập của nước ông. Vì vậy ông tuyên bố không liên kết với cả Hoa-Kỳ lẫn Trung Cộng.

Nhưng trên thực tế, Ông Sihanouk đã bắt buộc phải nhượng bộ phe Cộng sản nhiều hơn. Tuy biết rằng đe dọa Cộng sản trầm trọng hơn là đe dọa của Tây phương nhưng vì Bắc-Việt luôn dùng lãnh thổ Cam-Bốt để chuyển

vận và đồn trú quân của họ, trong chiến tranh xâm lược Nam Việt, nên ông Sihanouk không những đã phải đề cho phe Cộng sản lộng hành tại Cam-Bốt mà còn phải tỏ ra cứng rắn với Mỹ và Việt-nam Cộng-hòa nữa.

Với khoảng 50.000 quân đồn trú dọc biên giới Việt-Cam-Bốt quân đội Bắc-Việt đã thiết lập nhiều cơ sở trên lãnh thổ Cam Bốt và không bao giờ tỏ ý định rút đi. Họ dùng lãnh thổ Cam-Bốt làm cứ điểm xuất phát để tấn công Nam-Việt và khi bị truy kích thì lại rút về đó khiến cho cả Nam-Việt lẫn Hoa-Kỳ không thể tấn công họ được. Sự hiện diện của quân Bắc-Việt trên lãnh thổ Cam-Bốt xua đe dọa Nam Việt vừa đe dọa cả Cam-Bốt nữa. Ý thức được nguy cơ đó và đồng thời sợ Hoa-Kỳ hết kiên nhẫn mà tràn sang nước mình, Thái-tử Sihanouk sang Mạc-tư-khoa và Bắc-Kinh để cố gắng vận động việc rút quân của Cộng-sản Bắc-Việt. Phạm văn Đồng cũng dự tính sang Nam-Vang hội kiến với Thái-tử Sihanouk về vụ này.

Nhưng tình hình biến chuyển quá mau lẹ và đã đi trước Thái-tử Sihanouk: Khoảng 10 000 dân chúng và sinh viên đã biểu tình và đốt phá các Tòa Đại-sứ Bắc-Việt và Việt Cộng ở Nam

Vang. Và vài ngày sau, một cuộc "Cách mạng trong Hoàng Cung" đã lật đổ Thái Tử Sihanouk. Thật vậy Quốc hội và Hội đồng Vương-quốc đã quyết định truất phế Thái-tử Sihanouk và đưa ông Cheng Heng, Chủ tịch Quốc-hội, lên làm quyền Quốc trưởng. Nhưng người đóng vai chủ động là Tướng Lon Nol, Thủ tướng Chính-phủ, kiêm Tổng Tư-lệnh Quân đội và Hoàng-thân Sisowath Sirik Matak, Phó Thủ tướng và là em họ Thái-tử.

Cuộc đảo chính tại Cam-bốt đã được tổ chức một cách quá tinh vi khiến cho người ta không khỏi nghi ngờ là có bàn tay của Hoa-Kỳ ở trong. Nhưng dù có bàn tay của Mỹ hay không thì cuộc đảo chánh này cũng có ảnh hưởng tốt đối với chiến cuộc ở Nam-Việt. Thật vậy, ngay sau khi lên cầm quyền Lon Nol đã gửi tối-hậu-thư cho các lực lượng Cộng-sản Bắc-việt buộc họ phải rút ra khỏi lãnh thổ Cam Bốt. Và có triển vọng tiến dần tới sự cộng tác quân sự giữa Nam-Việt và Cam-Bốt để tạo thành vùng biên giới. Nếu quân đội cộng-sản không còn được lưu ngụ trên đất Cam-Bốt thì họ sẽ gặp những trở ngại vô cùng lớn lao khi tấn công Nam Việt.

Tuy nhiên một cuộc đảo chánh luôn luôn mở màn cho một tình trạng bất ổn. Nếu Cam-Bốt thoát khỏi sự rối loạn trong giai đoạn hậu đảo-chánh thì có lẽ sự bành trướng của phe Cộng-sản Á-châu sẽ bị chặn đứng trong một thời gian. Đó là điều người ta mong mỏi nhiều ở tận chính quyền Cam-Bốt.

Hoa-kỳ tham chiến ở Lào

Để sửa soạn chiến dịch mùa mưa ở Nam Việt, phe Cộng sản Bắc-Việt đã cùng với nhóm Pathet Lào chiếm đóng Cánh đồng Chum. Cuộc tấn công của phe Cộng sản đã đặt vấn đề tham chiến của Hoa-kỳ tại Lào. Tuy rằng Tổng Thống Nixon đã tuyên bố rằng Hoa-kỳ chỉ oanh tạc đường mòn Hồ chí Minh và không hề tham chiến trên bộ, nhưng nhật báo The Los Angeles Time tiết lộ rằng một viên Đại úy Mỹ tên là Joseph Bush đã tử trận tại Lào vào tháng 2-1969. Thật ra những người Mỹ chết tại Lào không phải trong các cuộc hành quân mà trong các điệp-vụ của cơ quan tình báo CIA.

Tuy chưa trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh chống Cộng tại Lào, nhưng Hoa-kỳ đã yểm trợ nhiều cho quân đội Hoàng-gia Lào bằng cách gửi huấn-luyện-viên và cố-vấn sang phục-vụ tại Lào.

Tại Thượng-ng nghị-viện Hoa-kỳ người ta đang tìm cách ngăn chặn không cho ông Nixon can thiệp mạnh hơn ở Lào vì các Thượng-ng nghị-sĩ chủ-hòa ngại rằng chiến tranh vượt quá khuôn khổ Việt-Nam mà lan rộng ở Á-châu.

Nhưng thực ra trong thời-cơ quốc-tế hiện tại, sự can thiệp võ trang của Mỹ ở Lào sẽ có một lợi điểm cho Mỹ là cho phép Hoa-kỳ chấm dứt chiến-tranh Việt-nam mau lẹ hơn và trong những điều-kiện danh-dự hơn. Thật vậy, ai cũng biết rằng từ nhiều năm qua các lực lượng Cộng-sản thường dùng lãnh thổ Lào và Cam-Bốt để xâm nhập vào Nam-Việt. Nếu Mỹ ngăn chặn nổi Bắc-Việt ở Lào, phe Cộng sản khó lòng chuyển quân được

vào Nam Việt. Nhất là cuộc đảo chính vừa qua ở Cam-Bốt đã và đang làm cản trở lớn cho bước tiến của họ.

Vì vậy người ta cho rằng ông Nixon đang hoạt động mạnh để phối hợp sức đối kháng của 3 quốc gia Việt, Miên và Lào thành một mặt trận chống cộng tại Á-châu. Nếu thành công, ông Nixon sẽ cứu vãn được uy tín đang xuống của Hoa-Kỳ ở lục-địa này và cũng đồng thời chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam theo điều-kiện của chính ông đặt ra.

Trả giá chính trị giữa Đông và Tây Đức

Đề chuẩn bị cuộc hội kiến Willy Brandt và Willi Stoph ông Willy Brandt, Thủ tướng Tây Đức, đã cử ông Ulrich Sahm sang thương thuyết với chính quyền Đông Đức ở Pankow. Đề có nhiều hy vọng thành công, ông Brandt cũng gửi ông Egon Bahr sang thương thuyết với Nga-sô. Một mặt ông Brandt đã đích thân sang Anh để trấn an các quốc gia Tây phương. Vì theo ông, chính sách Đông Âu của ông bắt nguồn từ Tây phương. Ngoài ra, các nhà ngoại giao Tây Đức cũng cùng một lúc hội kiến với các nhà lãnh đạo Nam-Tư, Ba Lan, Hung-gia-Lợi và Lỗ-mã-Ni. Hoạt động ngoại giao của Tây Đức mạnh mẽ đến độ tại Bộ Ngoại-giao của nước này, các viên chức phải than là thiếu nhân viên.

Tuy nhiên cuộc hội-kiến Brandt-Stoph vấp phải nhiều trở ngại về vấn đề thủ tục và nghi lễ. Trong khi Đông Đức dành cho ông Brandt nghi lễ trọng thể để nhấn mạnh chủ quyền của mình, thì ông Brandt lại đòi giảm nghi lễ tới mức tối thiểu để Tây Đức không có vẻ thừa nhận Đông Đức. Trong khi Đông Đức không muốn Brandt ghé Tây Bá-Linh trước khi sang phó hội ở Đông Bá-Linh, thì ông Brandt lại nhất định ghé Tây Bá-linh trước và sau khi hội kiến với ông Stoph, để tỏ rằng Tây Đức không bao giờ tính chuyện bỏ rơi Tây Bá-Linh cho phe Cộng-sản. Vì những trở ngại này nên người ta đã quyết định là cuộc hội kiến sẽ diễn ra tại Erfurt. Tuy ông Willy Brandt đã cố gắng không nhượng bộ mà phe đối lập vẫn chỉ trích ông nhiều về chính sách này. Họ cho rằng dầu muốn dầu không ông Brandt vẫn đã coi ông Stoph như một người đối thoại bình đẳng với ông. Về phía Đông Đức, ông Walter Ubricht cũng không nồng nhiệt lắm đối với cuộc tiếp xúc này vì ông cho rằng cuộc hội kiến Brandt—Stoph sẽ là một gương xấu cho dân chúng Đông-Đức. Những người này sẽ có cơ đề giao thiệp với Tây-phương. Những hoạt động ngoại giao mạnh mẽ của ông Willy Brandt vẫn chưa thắng nổi sự thù nghịch của hai phe Đông-Tây.

TỪ TRÌ

REGAST. T.

— *Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.*

— *Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan*

SINH HOẠT

THỜI SỰ KHOA HỌC

Tuyết rơi trên hành - tinh Mars ?

Một giả thuyết mới về sự thay đổi màu sắc kỳ lạ trên hành tinh Mars vừa được hai nhà vật-lý-học của Viện Đại học Massachusetts, giáo sư *W. T. Plummer* và *Robert K. Carson* nêu lên tại một cuộc hội thảo tại Viện Khảo cứu không gian Goddard ở Nữu Ước.

Thật ra, hai ông không định khảo sát về hành tinh này. Mục tiêu chính của họ là hành tinh Venus. Plummer và Carson dùng chất C_3O_2 (carbon sub-oxide) để thử xác định thành phần bầu khí quyển bao phủ hành tinh Venus. Khi nhiệt độ lên cao, chất C_3O_2 sẽ biến thành thể cứng và thay đổi màu sắc từ màu vàng nhạt sang màu cam, màu nâu đỏ, màu tím và cuối cùng gần như ngả sang màu đen. Màu vàng nhạt đầu tiên giống với màu bầu khí quyển hành tinh Venus, nhưng một loạt màu sắc kế tiếp nhau lại rất giống sự thay đổi màu sắc trên hành tinh Mars. Nếu quả vậy thì bầu khí - quyển của hành tinh này phải có rất nhiều chất C_3O_2 . Trái đất chúng ta rất hiếm có loại hóa chất này, trái lại, theo Plummer thì hành tinh Mars hy vọng có nhiều C_3O_2 . Bầu khí quyển mỏng manh của Mars vốn đã có rất nhiều CO_2 , chất này, dưới tác dụng xúc tác của tia tử-ngoại từ mặt trời, sẽ kết hợp với chất CO từ các ngọn núi lửa trên mặt hành tinh để tạo

thành chất C_3O_2 . Hai ông Plummer và Carson đã thực hiện được sự tổng hợp này một cách dễ dàng tại phòng thí nghiệm của họ. Khi nhiệt độ tăng lên tới $80^0 F$ (tương đương với nhiệt độ phỏng đoán ở xích đạo hành tinh Mars) C_3O_2 bắt đầu kết tinh lại thành những khối nhỏ, rơi xuống như một đám mưa tuyết màu vàng nhạt.

Plummer và Carson hy vọng giả-thuyết của họ sẽ được chứng thực trong vòng 5 năm tới, năm 1975, khi phi thuyền không người lái đầu tiên của chương trình không gian Viking của Hoa Kỳ đáp xuống hành tinh Mars.

Đứa con nhân tạo

Con người lại tiến thêm một bước nữa trên con đường chiếm đoạt quyền Tạo hóa. Đứa con nhân tạo đầu tiên sắp thành hình, rồi hàng ngàn đứa tiếp theo sẽ sống lẫn lộn với xã hội chúng ta đúng như những dự đoán kinh hãi của Aldous Huxley trong cuốn sách khoa-học giả-tưởng « Một thế giới mới can đảm ».

Đứa con nhân tạo này tuy nhiên vẫn còn có cha mẹ. Người mẹ vẫn là một bà mẹ mang nặng đẻ đau như bao nhiêu bà mẹ bình thường khác trên đời. Có lẽ bà mẹ này còn chan chứa tình mẫu tử hơn bao nhiêu người khác. Bà Sylvia Allen và chồng là Kenneth lấy nhau đã 7 năm mà vẫn chưa có con. Lỗi là ở bà

bác sĩ cho biết ống dẫn trứng của bà bị nghẹt, do đó không thể có sự thụ thai được. Trong lúc đó thì bác sĩ Patrick Steptoe, một nhà chuyên môn về sản-phụ khoa của bệnh viện Oldham và nhà sinh lý Robert G. Edwards của Viện Đại học Cambridge đã thành công trong việc kết hợp được trứng và tinh trùng trong ống nghiệm. Hai ông bà Kenneth đã yêu cầu được thử thí nghiệm trên trường hợp của chính họ.

Trong giai đoạn đầu, Bà Allen được kích thích-tổ để gia tăng sự rụng trứng trong buồng trứng của bà. Sự kích thích-thích-tổ này cũng là một phương pháp chữa bệnh hiếm muộn rất có hiệu quả trong trường hợp buồng trứng bị yếu, không còn đủ khả năng đẻ sản xuất trứng. Như trường hợp của bà William Kienast ở Hoa-kỳ, sau khi được chữa trị bằng kích-thích-tổ, đã sinh năm. Và cả 5 đứa con đều sống được.

Sau khi trứng đã được tăng trưởng nhiều, bác sĩ Steptoe đã lấy nó ra khỏi buồng trứng của bà Allen qua một vết mổ trên bụng, đem cấy vào một môi trường đặc biệt để chuẩn bị cho sự thụ tinh.

Bà Allen bị mổ cả thảy 4 lần để lấy trứng. Trong đó có 2 lần trứng đã thụ tinh được nhưng không đủ phát triển để có thể ghép trở lại vào tử cung người mẹ. Theo bác sĩ Steptoe và ông Edwards thì ít ra trứng phải thụ tinh được hơn 7 ngày mới có đủ điều kiện để ghép vào tử cung.

Và cuối cùng cái phôi tí hon, mầm sống đầu tiên của một con người đã được ghép vào tử cung của một bà mẹ đang trông đợi. Bà Allen đang nóng lòng trông cho đủ 9 tháng 10 ngày để nghe tiếng khóc chào đời của con bà.

TÙ-DIỆP

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Gã tình nhân 88 tuổi

Ông Hồ Chí Minh nhắc thơ Đỗ-Phủ để giải thích rằng người đời sống đến bảy mươi tuổi xưa nay vẫn hiếm, do đó quá bảy mươi lo viết chúc thư là vừa

Cựu Quốc trưởng Phan khắc Sửu, cựu Thủ tướng Trần văn Hương, tuổi thấp hơn, tuy ước vọng thanh nhàn là được trồng hoa, gãi háng, nhưng chưa đến bảy mươi đã phải từ bỏ mọi thú vui để lo chữa bệnh.

Nghĩ đến mình, rồi nghĩ đến chính-khách nước người mà phát ngán cho sinh lực của họ. Georges Clémenceau, cầm đầu Chính phủ Pháp giữa đệ nhất Thế chiến, trong cơn sóng gió, chiến thắng quân Đức, xong rồi về vườn, tuổi đã tám mươi. Ăn mừng lễ thượng

thọ xong, ông cụ bắt đầu cuộc đời tình ái ra rít, lâm ly, với bà Marguerite Baldensperger. Bà còn trẻ còn mặn mà lắm : mới bốn mươi tuổi.

Ông cụ tám mươi không yêu đương nhàn nhả như các bạn trẻ. Đã yêu thì yêu ra trò : cứ mỗi ngày viết cho người tình một lá thư.

Những lá thư ấy bà M. Baldensperger cho đánh máy lại cẩn thận, cho nộp vào Thư viện quốc gia. Mới rồi, được in thành sách : *Lettres à une amie* (1923 — 1929).

1929 là năm G. Clémenceau nhắm mắt, 88 tuổi.

Trường hợp
Roger Garaudy

Triết gia Roger Garaudy mỗi lúc mỗi

thành một vấn đề khó chịu cho đảng Cộng sản Pháp. Ông viết sách công kích Nga-xô : đuổi ông ra khỏi Trung-ương đảng. Ông lại tiếp tục viết sách công kích Nga-xô nữa : biết làm cách nào bây giờ ?

Trong tác phẩm mới nhất, dày 196 trang, nhan đề là *Tất cả sự thực* (*Toute la vérité*) vừa xuất bản, R. Garaudy đã kết tội Nga-xô phá hoại phong trào thợ thuyền ở Tây-ban-nha và ủng-hộ chế độ độc tài ở Hy-lạp. Đảng viên cộng sản Pháp hoang mang, báo hại Trung-ương đảng phải lo đối phó, giải thích...

Người ta «bán» một Tổng-thống cách nào ?

Đó là nhan đề cuốn sách của Joe McGinniss, một ký giả Mỹ, viết về cuộc bầu cử Tổng-thống năm 1968.

Ký giả này đã chú ý tới sự lợi hại của vô tuyến truyền hình. Năm 1960, Nixon thua Kennedy vì vô tuyến truyền hình. Năm 1960, Nixon đã nghiên cứu chuẩn bị một kế hoạch tranh cử tuyệt hảo bằng màn ảnh truyền hình. Và Herbert Humpfrey vô đầu bút tại: «Lỗi lầm lớn nhất trong cuộc đời chính trị của tôi là đã không học cách xử dụng vô tuyến truyền hình.»

Cách ấy không phải dễ học. Một ê-kíp chuyên viên đã lo liệu cho Nixon từ miếng đệm đặt trên ghế cứng mềm thế nào, cái khăn mu-soa giấu ở túi áo vét phía trong, cho đến giờ giấc thay áo sơ-mi v.v. Ứng cử viên Tổng thống không được phép đổ mồ hôi, không được phép lau mồ hôi trước ống kính truyền hình, phải cười ra sao, phải đứng lên ngồi xuống ra sao... nhất nhất đều được qui định rõ. Nixon đã vâng lời, và ông đã làm Tổng thống.

Vấn chuyện dịch và bản

Cuốn hồi-ký của Svetlana Alliluyeva, con gái Staline, được dịch ra tiếng Pháp, in 45.000 cuốn, bán ào ào, được dư luận hoan nghênh, khen ngợi.

Và sau cùng, sách ấy được tác giả phê bình : Dịch kém. Nhiều đoạn, nhiều câu, nhiều trang bị bỏ qua. Nhiều chỗ khác dịch sai.

Dịch giả ký tên là Nad ejda Gueditz, thực ra là hai vợ chồng Michel Cournot. Bà vợ cũng chính là một phụ nữ Nga đã bỏ xứ tìm tự do như Svetlana Alliluryeva.

Hậu quả lời phê bình của tác giả là nhà xuất bản Robert Laffont được phép tiếp tục bán cho hết 45.000 cuốn đã trót in, nhưng muốn tái bản phải chọn một bản dịch khác tử tế hơn.

Nhân vụ này, có nhiều người đặt ra vấn đề : Tại sao trong số trung bình 1.800 dịch phẩm ra đời hàng năm tại Pháp hiện nay, phần lớn là dịch tồi ? Một số ý kiến cho rằng, ngoại trừ một số ít công trình của hạng nghệ sĩ bỏ công ra làm chơi cho thỏa thích, kỳ dư các dịch-phẩm đều do những nhà xuất bản thuê người dịch vội vã cho kịp phổ biến gấp. Thù lao dịch-giả tại Pháp bị coi là quá rẻ : từ 5 đến 15 quan một trang.

Hãy lấy trung bình: 10 quan, trên 600đ. theo hối xuất tự do. Như thế là quá rẻ là nguyên do của một tình trạng sa đọa làm giảm giá văn hóa phẩm ? Mong các nhà xuất bản Việt-Nam, các cơ quan nhà nước vẫn thuê dịch sách và in các sách dịch nghiên cứu lại về giá biểu này.

Đối thoại giữa hai hành tinh

« Cách chúng tôi vài trăm thước, chúng tôi trông thấy những tảng đá cao độ sáu tấc, góc cạnh rất sắc. Chúng tôi cũng trông thấy một ngọn đồi trước mặt có lẽ là cách xa độ 1.200 m. Mặt đất có màu sẫm như chúng tôi đã thấy lúc còn bay trên quỹ đạo v.v.,... »

Những lời các phi hành gia trong Apollo 11 trao đổi với đài kiểm soát Houston, góp lại thành một vở kịch dài, rất dài, được ghi âm cẩn thận không sót một câu, rồi in thành sách.

Nhà xuất bản Calman-Lévy in bản Pháp dịch, nhan-đề : *Dialogue Lune-Terre*.

TRANG-THIÊN

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Hiến chương giáo dục của Kim-Định** do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 12 bài từ « Đại chúng lẫn át dân tộc » đến « vấn-đề trường công ». Phụ trương bài diễn văn của tác giả đọc tại Hội-nghị Hàn-Lâm Đài-Bắc tháng 8/69. Giá 150 đ.

— **Hoa nắng tập thơ của Thi Vũ** do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 80 trang gồm 51 bài thơ của tác giả, một nhà thơ Việt ở Paris. Quách-Tấn đề tựa, Phạm công-Thiện đề cảm (bằng Anh ngữ), in lần đầu tiên tại Paris (1966), in lần thứ 2 tại Saigon. Bản đặc biệt. Giá 180 đ.

— **Hạnh phúc chính nơi bạn**, nguyên tác « *Le bonheur est en vous* » của Marcelle Auclair, do Ngê - Bá - Li viết thảo, An-Tiêm xuất bản và Ngê Bá Li gửi tặng. Sách dày 240 trang gồm 35 bài và phần phụ-lục, rất hợp với bạn đọc trong thời đại hỗn loạn này. Bản đặc biệt. Giá 160 đ.

— **Bóng tối đi qua tập I của Kim Nhật**, do Hoa-Đặng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 264 trang, hồi ký của Vũ-Hùng, sinh viên Luật-khoa năm thứ 3, đã sống 1287 ngày trong Bộ Chỉ-huy 151

cao M.T.G P.M N, Kim-Nhật cải biên. Giá 200 đ.

— **Sầu ở lại tập thơ của Tạ-Kỳ**, do Quế-Sơn Võ-Tánh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 94 trang gồm 40 bài thơ, in trên giấy hoa, trình bày rất trang nhã. Giá 200 đ.

— **Huỳnh Mẫn Đạt và Huỳnh-Thúc Mại** của Ngô ngọc Đông do Công Quỳnh xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày một 90 trang gồm phần tiểu sử và thi văn của hai nhà thơ văn Miền Nam (hai cha con) vào thế kỷ thứ 19, tác giả Tuồng Kim-Thạch kỳ - duyên. Giá 75 đ.

— **Chúng ta đi về đâu** khảo luận của Đoàn-Nhật-Tấn do Thời-Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 162 trang gồm 5 chương, mà tác giả, một cây bút quen thuộc của bạn đọc Bách-Khoa, dẫn người đọc từ các lập thuyết và lịch trình tiến hóa đến đường đi của nhân loại, những vấn đề của con người trên đường tiến hóa và những phương tiện tiến hóa của loài người. Giá 150 đ.

— **Ca khúc của quán cà phê buồn**, nguyên tác « *The ballad of the sad café* » của Carson Mc. Cullers, bản dịch của Hoài-Khanh do Cadao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 138 trang, bìa là một họa phẩm của Van Gogh. Giá 100 đ.

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Trình Bầy đã gửi tặng những sách sau đây :

— **Nhật-Bản duy tân dưới thời Minh Trị Thiên Hoàng** của Nguyễn-khắc Ngừ. Sách dày 190 trang gồm 10 chương từ "Nhật bản thời Minh Trị tiếp xúc với Tây-phương" đến "Tiến bộ của Nhật bản sau khi duy tân". Giá 180 đ.

— **Cơn lốc truyện dài của Đinh-Phụng Tiên**, tác phẩm thứ 2 của tác giả dày 196 trang. Giá 160 đồng.

— **Bên trong truyện dài của Thảo Trường** Tác phẩm thứ 7 và truyện dài thứ 3 của tác giả, dày 232 trang. Giá 180đ

— **Phi châu da đen** của Phạm Cao Dương dày trên 300 trang, có nhiều hình và bản đồ, in lần thứ 2. Giá 200đ

— **Nuôi thù** truyện, nguyên tác "Shiiku" của Oe Kenzaburo, Diễm Châu dịch theo bản Anh văn của John Bester. Sách dày 110 trang có ghi chú về tác giả và tác phẩm. Giá 100đ.

HỘP THƯ

— Tạp chí Bách khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Nguyễn-Tam Phú-Sa ; Nguyễn-Hiền ; Như-Lan ; Việt-Cánh ; Nguyễn-Trung-Hà ; Trình-Khắc-Chân ; Đinh-Hữu-Hiền ; Nguyễn-Hoàng Anh-Vũ ; Hoàng-Ngọc-Châu ; Diệp-Thế-Phiệt ; Trần-Hoài-Thư ; Đinh-Xuân-Phương ; Phan-Thạch-Linh ; Lữ-Quỳnh ; Phạm Cao-

Hoàng ; Tô-Minh-Hồ ; Lê-Sành ; Phạm-Trần-Nguyên ; Ngụy-Vũ ; Gia-Du ; Chu-Minh-Thụy ; Khế-lêm ; Phạm-Trường-Chinh ; Lê-Văn-Trung ; Tố-Lữ ; Trần-Dạ-Lữ ; Trần-Viết-Tuấn ; Phương-Hoa-Sử ; Hoàng-Lộc ; Nguyễn-Tường-Vân ; Huỳnh-Ngọc-Diêu ; Thu-Quế ; Từ-Kế-Tường ; Đặng - Đình - Tông ; Trần-Thái-Hòa ; Trần-Huyền-Ân ; Lê-Miền-Tường ; Nguyễn - Đại - Miên ; Khánh - Linh ; Thị-Độ opt. Hoàng ; Đức-Hòa.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, Chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên 2 số báo tới đây.

— **Ô Đặng-Tấn-Tới** (Bình - Định) Đã nhận được thư anh. Sẽ đăng quảng cáo đó vào số tới.

— Cùng quý bạn hỏi mua trọn bộ **Bách-Khoa** từ 1957 đến 1969 : Hiện nay tại Tòa-soạn chỉ còn đầy đủ 3 bộ từ số 1 đến số 312 (thiếu các số 9, 12, 28) đã đóng thành tập, bìa carton gáy simili-cu r, gồm 40 tập, (trong có 12 tập mỗi tập 12 số và 28 tập mỗi tập 6 số) giá mỗi tập là 9000 đ.

Chúng tôi không gửi đi xa được và bạn nào muốn mua xin vui lòng đến lấy bộ **Bách-Khoa** tại Tòa soạn.

Chúng tôi chỉ bán rồi các tập từ số 217 (1965) trở đi. Mong quý bạn thông cảm cho và khi nào tìm được đủ số, chúng tôi sẽ đóng tập tiếp các bộ khác và sẽ thông báo để quý bạn rõ sau.

Ty Quản-lý **Bách-Khoa**